

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / EDITION BIMESTRIELLE SỐ N. 06 02/ 2002

Xuân 2002 TÂN XUÂN HẠNH HẠNH

Nhất thiết chúng sinh tính thanh tịnh
Tùng bốn vô sinh vô khả diệt
Tức thủ thân tâm thị huyễn sinh
Huyễn hoá chi trung vô tội phước.

*Hết thấy chúng sinh tính thanh tịnh
Do gốc không sinh không thể diệt
Tức thân tâm này là huyễn sinh
Ở trong huyễn hoá chẳng tội phước.*

Phật Ca Diếp

Tous les êtres vivants ont la nature pure
Il n'y a ni production ni extinction à l'origine
Donc, le corps et l'esprit sont produits par
l'illusion
Dans l'illusion, il n'y a ni péché ni
bénédiction.

Le Bouddha Kasyapa.

Các Bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.
Cette Propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la bonne voie du Bouddha.

<input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.	<input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3
<input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.	<input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 6
<input type="checkbox"/> Les correcteurs les Sutras en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiếm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.	<input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 9
<input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 12
<input type="checkbox"/> Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Những Lời Pháp Của H.T 15
<input type="checkbox"/> Những ai biên bài về đề tài Phật pháp, báo Phật Pháp rất hoan nghênh.	<input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 16
<input type="checkbox"/> Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.	<input type="checkbox"/> Pháp Giới của A Tu La 18
<input type="checkbox"/> La revue Bouddhadharma sont publiés les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la Voie du Bouddha.	<input type="checkbox"/> Số 0 Tự Tính . . . 20
<input type="checkbox"/> Thịnh báo Phật Pháp dài hạn hoặc mọi sự phát tâm tùy hỉ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Vọng Tưởng Không Đoạn Thì . . . 22
<input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên liên lạc về : Chùa Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66	<input type="checkbox"/> Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất 23
	<input type="checkbox"/> Xuân Trong Phật Môn 24
	<input type="checkbox"/> Mọi Sự Nhẫn Nhục Đều Chịu Được 25
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30
	<input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna Paramita 36
	<input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 38
	<input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 40
	<input type="checkbox"/> Le Monde Du Dharma . . . 42
	<input type="checkbox"/> Les Termes Bouddhistes 43
	<input type="checkbox"/> La Patience : Mère De Tous Les Vertus 44
	<input type="checkbox"/> La Porte Ouvrant La Sagesse 46
	<input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie Du Vén. . . 47
	<input type="checkbox"/> La Lettre Du Nouvel An 49
	<input type="checkbox"/> L'histoire Du Bouddha 51

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

CÁC BỒ TÁT THƯỜNG THỊ HIỆN SINH VÀO CỖ NƯỚC CHƯ PHẬT, CÓ VÔ LƯỢNG VÔ BIÊN TƯỚNG TỐT, QUANG MINH VIÊN MÃN CHIẾU KHẮP PHÁP GIỚI KHÔNG CÓ PHÂN BIỆT.

Bồ Tát thường thị hiện trăm ngàn ức hóa thân trong cõi nước chư Phật mười phương. Tướng tốt trang nghiêm nhiều không có bờ mé. Thân Bồ Tát có quang minh viên mãn. Quang minh này chiếu khắp tất cả pháp giới. Quang minh này ở trong pháp giới đều giống nhau chẳng có gì phân biệt.

DIỄN NÓI TẤT CẢ CÁC PHÁP NHƯ VÀNG MÂY LỚN GIĂNG CHE. TRONG MỖI ĐÀU SỢI LÔNG ĐỀU DUNG CHỨA TẤT CẢ CÁC THẾ GIỚI MÀ KHÔNG CHUỐNG NGẠI.

Ở trong pháp giới diễn nói tất cả diệu pháp giống như vàng mây lớn giăng bày ở trong hư không, khiến cho thân tâm chúng sinh đều đắc được thanh lương.

Trên mỗi đầu sợi lông của đại Bồ Tát và chư Phật đều dung nạp tất cả thế giới. Sợi lông tuy nhỏ nhưng dung chứa được thế giới. Thế giới tuy lớn, nhưng không ra ngoài đầu sợi lông. Do đó "*nơi đầu sợi lông hiện cõi bảo vương*", chẳng phải một đầu sợi lông hiện được cõi bảo vương, mà là mỗi đầu sợi lông đều hiện được cõi bảo vương. "*Ngồi trong hạt bụi chuyển đại pháp luân*", ngồi ở trong một hạt bụi mà chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sinh, có vô lượng vô biên chúng sinh ở trong một hạt bụi nghe Đức Phật thuyết pháp. Đầu sợi lông nhỏ như thế, làm sao dung chứa được thế giới ? Cảnh giới này chẳng có cách chi có thể giải thích, chỉ có thể nói không có chướng ngại.

CÁC BỒ TÁT ĐỀU HIỆN VÔ LƯỢNG SỨC THẦN THÔNG ĐỂ GIÁO HÓA ĐIỀU PHỤC TẤT CẢ CHÚNG SINH.

Tại sao trong nhỏ dung được lớn ? Lớn lại ở trong nhỏ ? Đó là đạo lý gì ? Thật làm cho người bối rối không hiểu được. Cảnh giới này là các Bồ Tát đều hiện sức thần thông. Các Ngài hiện cảnh giới này là

khiến cho chúng sinh tiêu diệt tri kiến của mình, phải học Phật pháp, giáo hóa chúng sinh, điều phục chúng sinh, khiến cho chúng sinh chẳng có ngã kiến (cái thấy của mình), khiến cho chúng sinh phải có tâm hổ thẹn. Không hổ không thẹn là buộc chân vào đá mà học Phật pháp thì vĩnh viễn không thể thành tựu.

THÂN PHẬT ĐẦY KHẮP MƯỜI PHƯƠNG MÀ KHÔNG ĐẾN ĐI. TRÍ HUỆ CỦA PHẬT VÀO TẤT CẢ CÁC TƯỚNG, THẤU RÕ CÁC PHÁP VẮNG LẠNG.

của chư Phật là biến khắp mười phương, cho nên chẳng có đến, cũng chẳng có đi. Ví như một ly nước đã đầy rồi, còn đựng gì được nữa ? lúc chưa đầy thì có thể đựng thêm nước, đó là đến. Uống nước rồi, đó là đi. Bây giờ ly nước này đầy, không có ai đến uống, không có ai đến thêm vào, cho nên không có đến đi.

Bây giờ đầy khắp rồi, từ đâu đến ? Đi đến nơi nào ? Làm sao đầy ? Đó là một thứ thần thông diệu dụng của chư Phật. Ai chứng được cảnh giới này thì người đó chẳng đến đi.

Trí huệ tùy thuận được tất cả tướng, thấu rõ được pháp vốn là không tịch. Vì tính tĩnh cho nên là tịch, vì vô tướng cho nên là không.

TẤT CẢ THẦN THÔNG BIẾN HÓA CỦA CHƯ PHẬT BA ĐỜI ĐỀU THẤY RÕ Ở TRONG QUANG MINH, TẤT CẢ SỰ TRANG NGHIÊM CỦA TẤT CẢ CỖ PHẬT TRẢI QUA KIẾP SỐ KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN THẤY ĐỀU HIỆN HIỆN RA.

Những vị đại Bồ Tát này thấy được tất cả thần thông biến hóa của hết thảy ba đời chư Phật ở trong quang minh. Lại thấy được tất cả cõi Phật, chẳng có cách chi tính được kiếp số trong quá khứ, tất cả sự trang nghiêm của chư Phật ba đời đều hiển hiện ra, những vị đại Bồ Tát này đều

biết, làm sao biết được ? Vì trí huệ nhập vào các tướng.

CÓ CÁC VỊ ĐẠI BỒ TÁT NHIỀU NHƯ SỐ HẠT BỤI MÙI PHẬT THẾ GIỚI CÙNG NHIỀU QUANH ĐỨC PHẬT.

Bồ Tát nói đây đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ đề dịch là giác, Tát Đỏa dịch là hữu tình, vì gọi tất cho nên gọi là Bồ Tát. Có các đại Bồ Tát (pháp thân Đại Sĩ, từ bát địa trở lên), số đông nhiều như số hạt bụi mui Phật thế giới, hết thấy đều cùng nhau nhiều quanh toà sư tử của Đức Phật.

Tại sao Kinh Hoa Nghiêm dùng số mục mười ? Vì mười là một vòng, số tròn đầy. Ví như mười lần một là mười, mười lần mười là trăm, mười lần trăm là ngàn, mười lần ngàn là vạn, như thế mà tính thì sẽ được số vô lượng. Biểu thị trùng trùng vô tận, vì Kinh Hoa Nghiêm là nói đạo lý trùng trùng vô tận. Cho nên dùng mười. Mười Phật thế giới tức là vô lượng vô biên Phật thế giới, nghĩa là không cách chi hình dung biết được số lượng.

DANH HIỆU CỦA CÁC NGÀI LÀ ĐẠI BỒ TÁT PHỔ HIỀN. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ ĐỨC TỐI THẮNG ĐĂNG QUANG PHỔ CHIẾU. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ QUANG SU TỬ TRÀNG. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ BẢO DIỆM DIỆU QUANG. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ ÂM CÔNG ĐỨC HẢI TRÀNG. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ TRÍ QUANG CHIẾU NHƯ LAI CẢNH. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ BẢO KẾ HOA TRÀNG. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ GIÁC DUYỆT Ý THANH. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ THANH TỊNH VÔ TẬN PHƯỚC QUANG. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ QUANG MINH TƯỚNG.

Vị đại Bồ Tát thứ nhất danh hiệu là Bồ Tát Phổ Hiền. Ngài là thượng thủ trong chúng này. Đức tính của Ngài là phổ khắp, địa vị là đẳng giác. Ngài là đẳng giác Bồ Tát. Phật là diệu giác Bồ Tát. Cho nên gần kề địa vị với Phật. Nguyên lực của vị đại Bồ Tát này siêu hơn các Bồ Tát khác. Hạnh lực cũng hơn các Bồ Tát khác, từ bi cũng hơn các Bồ Tát khác, trí huệ cũng hơn Bồ Tát khác, cho nên gọi là đại Bồ Tát. Bồ Tát là nửa chữ Phạn, đây đủ gọi là "bồ đề tát đỏa", tức là giác hữu tình, lại gọi là hữu tình giác. Sao gọi là giác hữu tình ? Dùng đạo lý giác ngộ để giáo hóa tất cả hữu tình. Khiến cho tất cả hữu tình đều đắc được giác ngộ, cho nên gọi là giác hữu tình. Sao gọi là hữu tình giác ? Vì Bồ Tát là người giác ngộ ở trong hữu tình, cho nên gọi là hữu tình giác.

Bồ Tát vốn chẳng có danh hiệu gì ? Nhưng nếu không có danh hiệu thì không thể biểu hiện được đức hạnh, hạnh môn, hạnh nguyện của các Ngài, cho nên mới dựa theo những đức tính trên mà ban cho các Ngài danh hiệu.

Thể tính cùng khắp là phổ, tùy duyên thành đức là hiền, đó là nguồn gốc danh hiệu của Bồ Tát Phổ Hiền.

Vị đại Bồ Tát thứ hai là Phổ Đức Tối Thắng Đăng Quang Phổ Chiếu. Vì công đức của Ngài viên mãn cùng khắp, siêu qua đấng quang chiếu nhất thiết xứ. Cho nên được tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ ba là Phổ Quang Sư Tử Tràng. Vì âm thanh của Ngài thuyết pháp giống như tiếng hống của sư tử, còn quang minh thì chiếu khắp như lưới tràng, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tư là Phổ Bảo Diệm Diệm Quang. Vì hạnh môn của Ngài tu, vô cùng thanh tịnh, trí huệ của Ngài như bảo diệm diệm quang, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ năm là Phổ Âm Công Đức Hải Tràng. Vì âm thanh vi diệu của Ngài, biến khắp pháp giới, vạn hạnh công đức của Ngài như biển cả, như tràng báu. Cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ sáu là Phổ Trí Quang Chiếu Như Lai Cảnh. Vì trí huệ quang minh của Ngài chiếu khắp cảnh giới Như Lai. Cảnh giới của Như Lai chẳng phải một số Bồ Tát biết được, thế mà vị đại Bồ Tát này thấu rõ cảnh giới của Như Lai.

Vị đại Bồ Tát thứ bảy là Phổ Bảo Kế Hoa Tràng. Vì kế hoa của Ngài cao như tràng báu, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ tám là Phổ Giác Duyệt Ý Thanh. Vì âm thanh của Ngài vô cùng êm tai, khiến giác ngộ biến khắp, sinh tâm khoái lạc, cho nên chúng sinh muốn thưởng thức diệu âm của Ngài. Cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ chín là Phổ Thanh Tịnh Vô Tận Phước Quang. Vì phước đức của Ngài thanh tịnh khắp hết thấy, làm cho pháp giới thanh tịnh, phước đức của Ngài vô cùng vô tận, trong phước đức này sinh ra quang minh, cho nên có tên này.

Vị đại Bồ Tát thứ mười là Phổ Quang Minh Tướng. Vì tướng hảo quang minh của Ngài cũng biến khắp pháp giới, cho nên có tên này.

Mười vị Bồ Tát này là đại Bồ Tát trong các Bồ Tát. Đức Phật bắt đầu giảng Kinh Hoa Nghiêm thì mười vị đại Bồ Tát này xuất lãnh quyền thuộc

của các Ngài đến bờ đề đạo tràng, trợ giúp Phật để hoàng dương diệu pháp Hoa Nghiêm.

ĐẠI BỒ TÁT HẢI NGUYỄN QUANG ĐẠI MINH.
ĐẠI BỒ TÁT VÂN ÂM HẢI QUANG VÔ CẤU
TẠNG. ĐẠI BỒ TÁT CÔNG ĐỨC BẢO KẾ TRÍ
SINH. ĐẠI BỒ TÁT CÔNG ĐỨC TỰ TẠI VƯƠNG
ĐẠI QUANG. ĐẠI BỒ TÁT THIÊN DŨNG MÃNH
LIÊN HOA KẾ. ĐẠI BỒ TÁT PHỔ TRÍ VÂN NHẬT
TRÀNG. ĐẠI BỒ TÁT ĐẠI TINH TÂN KIM CANG
TÈ. ĐẠI BỒ TÁT HƯƠNG DIỆM QUANG TRÀNG.
ĐẠI BỒ TÁT ĐẠI MINH ĐỨC THÂM MỸ ÂM.
ĐẠI BỒ TÁT ĐẠI PHƯỚC QUANG TRÍ SINH.

Trong pháp hội của Phật thuyết pháp, có mười bộ chúng đến nghe pháp. Mười bộ chúng là : 1. Ảnh hưởng chúng. 2. Thường tùy chúng. 3. Hộ pháp chúng. 4. Nghiêm hộ chúng. 5. Cúng dường chúng. 6. Phát tâm chúng. 7. Đương cơ chúng. 8. Biểu pháp chúng. 9. Chứng pháp chúng. 10. Hiện pháp chúng.

1. Ảnh hưởng chúng : Tức là các đại Bồ Tát trong mười phương vốn đã nghe qua pháp của Phật nói, không những đã nghe qua một vị Phật nói, mà là mười phương chư Phật nói pháp các Ngài đều đã nghe qua, cũng hiểu rõ, còn nhớ rõ nữa, căn bản không cần nghe nữa, nhưng các Ngài vẫn đến nghe pháp. Tại sao ? Vì làm ảnh hưởng chúng. Khi Phật nói bộ Kinh Hoa Nghiêm này thì những vị đại Bồ Tát này, có vị từ dưới đất vọt lên, có vị từ trên trời xuống, có vị từ mười phương hạt bụi cõi nước mà đến, có vị từ hư không mà đến, đến bờ đề đạo tràng để nghe pháp. Tại sao ? Vì hướng dẫn đại chúng đến nghe diệu pháp, làm ảnh hưởng đại chúng tinh tấn nghiên cứu diệu pháp, cho nên gọi là ảnh hưởng chúng.

2. Thường tùy chúng : Tức là một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử thường theo Đức Phật nghe pháp. Phật đi đến đâu thuyết pháp thì các vị đó đều theo Phật đến đó nghe pháp. Phật ban đầu nói Kinh Hoa Nghiêm thì tuy nhiên không có đệ tử kế bên, nhưng có mười phương chư Phật đến làm thường tùy chúng, luôn luôn không rời khỏi pháp hội Hoa Nghiêm.

3. Hộ pháp chúng : Tức là bảo hộ người thuyết pháp an toàn. Phật đã thành Phật, lại có thần thông diệu dụng, tại sao còn phải bảo hộ ? Phật tuy nhiên có thần thông, nhưng đệ tử phải tận hết trách nhiệm của mình, muốn làm hộ pháp chúng.

4. Nghiêm hộ chúng : Tức là đại chúng trang nghiêm pháp hội, dùng tràng phan bảo cái đến trang

nghiêm đạo tràng. Đó là sự trang nghiêm hữu tình, dùng tín giải hạnh chứng để trang nghiêm pháp hội đó là trang nghiêm vô hình.

5. Cúng dường chúng : Trong pháp hội không thể không có người cúng dường, cho nên phải có cúng dường chúng.

6. Phát tâm chúng : Phải có thiện nam tín nữ phát tâm đến hộ trì pháp hội, cho nên gọi là phát tâm chúng.

7. Đương cơ chúng : Tức là Phật vì những chúng sinh này mà thuyết pháp, khiến cho họ y pháp phụng hành, đó gọi là đương cơ chúng.

8. Biểu pháp chúng : Tức là chúng sinh đại biểu cho pháp này.

9. Chứng pháp chúng : Nghe pháp rồi chứng đắc được sơ quả, nhị quả, tam quả, hoặc tứ quả A La Hán.

10. Hiện pháp chúng : Tức là chúng sinh làm cho Phật pháp hiện lộ ra. Do đó có mười bộ chúng đến thành tựu pháp hội.

(Còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

Trong thiên tông có nói : "Phật đến chém Phật, ma đến chém ma". Nghĩa là Phật đến cũng đừng động tâm, phải tu được định lực này. Không thể Phật đến thì sinh tâm vui mừng, một khi sinh tâm vui mừng tức là "*Phàm tất cả tướng, đều là hư vọng*". Tại sao sinh tâm vui mừng ? Nên biết : "*Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai*". Tất cả những gì có tướng đều không thật, nếu nơi tất cả tướng mà thấy là không thì đó tức là chân không, mà trong chân không lại thấy là có (hữu), đó là diệu hữu. Chân không vốn chẳng không, diệu hữu vốn phi hữu (chẳng có). Bạn nói đó có diệu chăng ? Đến được lúc này thì gọi là "phân chứng tức Phật".

Tuy đến được phân chứng tức Phật nhưng chưa cứu kính, phải như Đức Phật ngồi dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, chứng quả cứu kính, đó gọi là "cứu kính tức Phật". Những gì đã nói ở trên là lấy "lực tức Phật" để giải thích về diệu pháp này, đến được lúc này mới thân chứng bản thể của diệu pháp mà chân chánh thành Phật.

Cảnh giới diệu pháp thì không suy lường, không phân biệt. Như có người muốn học Chú Lăng Nghiêm thì họ rơi vào sự suy lường và phân biệt. Nên biết, nếu bạn càng suy lường thì càng không thể học, càng phân biệt thì càng không hiểu. Nếu bạn muốn nghĩ tại sao thì không thể nhớ được Chú Lăng Nghiêm. Đừng nghĩ gì hết mà chỉ biết tụng niệm Chú Lăng Nghiêm là bổn phận của mình mới đúng. Muốn thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm thì đừng dùng tâm phân biệt và suy lường, phân biệt tức là thức thứ sáu, suy lường tức là thức thứ bảy. Chúng ta phải dùng diệu pháp không phân biệt, không suy lường, phải dùng chân tâm để học Phật pháp.

Diệu pháp tuy là diệu, song người dùng được rất ít. Xưa kia có vị cư sĩ họ Bàn, sau khi ông ta khai ngộ

thì nhớ lại từ vô lượng kiếp cho đến nay, đời đời kiếp kiếp cho đến hiện tại mới khai ngộ, cảm thấy sự việc thật không dễ dàng, cho nên ông ta nói lên pháp môn của diệu pháp đã ngộ, thật là : "*Khó, khó, khó* "! Vì

tu hành thì phải sửa đổi diệt trừ tập khí ma bệnh nhưng vẫn cứ tái phạm, bạn muốn không nóng giận nhưng khi có sự việc xảy đến lại khiến cho bạn nổi giận, có vẻ như thử thách bạn. Ví như : Bạn muốn không uống rượu nữa, mà tình cờ gặp bạn bè rủ bạn đi uống rượu. Bạn từ chối nói bạn giữ giới rượu, y lại nói : "Uống lần cuối cùng này rồi hãy giữ giới", sau đó lại có người bạn khác đến rủ bạn nữa, cứ như thế mà muốn giữ giới rượu chẳng phải dễ, thậm chí tất cả những hành vi tập khí xấu, nghĩ muốn tiêu trừ thật chẳng dễ dàng chút nào.

Cư sĩ họ Bàn cảm thấy sự khai ngộ rất khó, song vợ của ông ta cho rằng không khó. Bà ta nói : "*Đễ, dễ, dễ ! Bách hoa đầu thượng Tổ Sư ý*". Nghĩa là hết thảy cỏ cây đều là tâm ấn pháp môn của Phật, diệu ý của Tổ Sư Đạt Ma ở trên đây trăm hoa. "*Thúy trúc hoàng hoa, vô phi bát nhả*". Tất cả trúc xanh hoa vàng đều là thuyết pháp, biểu hiện trí huệ bát nhả. Tô Đông Pha đã từng nói rằng :

"Kê thanh tận thị quảng trường thiệ,
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân".

Nghĩa là tiếng suối reo, tướng lưới rộng dài của mười phương chư Phật nói ở trong Kinh A Di Đà, màu sắc đỉnh núi, đầu chẳng phải là diệu pháp chẳng ! Một cộng cỏ, một bụi cây đều là diệu pháp. Như vậy cứu kính thì có gì khó ? Vì cả nhà ông cư sĩ họ Bàn đều là người khai ngộ, còn con gái của ông ta là Bàn Linh Chiêu cũng nói : "*Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ ! Đói thì ăn, mệt thì ngủ*". Đó là biểu thị, bình thường hàng ngày như ăn cơm, mặc áo, ngủ, nghỉ .v.v. đều là diệu pháp. Người tu đạo suốt ngày ăn cơm nhưng chưa ăn một hạt gạo, suốt ngày mặc áo nhưng chưa mặc một sợi tơ, đó chẳng phải nói dối mà là tâm chẳng dính mắc ; do đó thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị, đó là đã đạt đến cảnh giới vô tâm. Lúc đó tuy là ngủ nhưng giống như tỉnh, vì chẳng hồ đồ, chẳng giống như người thường mộng寐, khởi vọng tưởng.

Tại Trung Quốc có vị Quốc Sư Ngọc Lâm rất thông minh. Sư phụ của Ngọc Lâm muốn Ngọc Lâm và sư huynh của Ngài (Ngọc Lam) trong một ngày một đêm học thuộc bộ Kinh Pháp Hoa, nếu ai thuộc lòng trước thì truyền pháp cho người đó. Sư huynh của Ngọc Lâm ngủ li bì suốt ngày, Quốc Sư Ngọc Lâm cho rằng mình nhất định thuộc Kinh Pháp Hoa trước sư huynh của mình. Không ngờ Ngọc Lâm lên gặp Sư Phụ thì Sư Phụ nói với Ngài rằng, sư huynh của con đã thuộc lòng tối hôm qua rồi. Tại sao sư huynh của Ngài mau thuộc lòng như thế? Vì cảnh giới của Ngài đã đạt đến ngủ mà chẳng ngủ, có thể là nhập định. Người thường dụng công phu thì bất cứ đi đứng nằm ngồi đều có thể nhập định. Người không dụng công thì chê chễ này ồn ào, chỗ kia chẳng thanh tịnh. Kỳ thật nếu như tâm của bạn thanh tịnh thì đi đâu cũng đều thanh tịnh.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật từng nói với Ngài A Nan: "*Thành Phật là do sáu căn, đạo lạc cũng do sáu căn*". Sáu căn, sáu thức, mười pháp giới đều là diệu pháp, đều là biểu hiện xưa nay nói về tâm, song bạn đừng suy lường, đừng phân biệt, một khi suy lường và phân biệt thì rơi vào sào huyệt của ý thức. Do đó, phần đông tâm không thể chuyên nhất, không thể chuyển thức thành trí. Trí là do thức biến hóa; trí cũng là diệu pháp. Ở phần chúng sinh là chuyển trí thành thức, là trí huệ vốn có biến thành ý thức, cho nên từ diệu biến thành thô, mà thô thì chẳng diệu. Ở tại phần của Phật thì chuyển thức thành trí; cho nên ở trong sào huyệt ý thức đắc được trí huệ chân chánh mà chứng được diệu pháp.

Diệu pháp mà nói ra thì vô cùng vô tận, chiếu theo trong bốn môn của Đức Phật thì có mười thứ diệu, tích môn lại có mười thứ diệu. Bốn tức là Phật, tức diệu giác; tích là thù tích, hiển bày đủ thứ vết tích. Vì diệu quá rộng quá nhiều, cho nên Trí Giả Đại Sư từng nói về chữ diệu trong chín mươi ngày. Diệu thì không thể dùng tâm để suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn, chỉ có biết là diệu, song vẫn có chỗ không minh bạch. Dưới đây sẽ giảng những công án để mọi người nghe, để chứng minh chỗ diệu của diệu pháp.

Trước kia có vị Hòa Thượng mỗi ngày đều tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, từ trong Kinh, Ngài biết biên chép bộ Kinh này công đức không thể nghĩ bàn, do đó Ngài cung kính biên chép toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Khi Ngài biên xong bộ Kinh này thì đang lúc mùa đông, Ngài đem bút bỏ vào trong nước ngâm để rửa thì trong nước hốt nhiên hiện ra một đóa hoa sen

bằng băng đá. Đóa hoa sen bằng băng đá đó dần dần cao lớn. Do đó Ngài tự cho mình một biệt hiệu là "Băng Liên Hòa Thượng" (Hoà Thượng hoa sen bằng băng đá), sự việc này lúc đó có rất nhiều người thấy được.

Còn có một câu chuyện cũng chứng minh sự diệu của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trước kia có vị Hòa Thượng rất có địa vị tham chánh ở trong triều đình. Mỗi lần ông ta từ Chùa đến hoàng cung đều chẳng ngồi kiệu, ông ta cỡi ngựa. Mỗi lần ông ta ngồi trên lưng ngựa thì đọc thuộc lòng quyển thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, đến hoàng cung thì vừa tụng xong quyển thứ nhất. Ngày nào cũng thế, một ngày nọ, con ngựa đột nhiên chết, mà có nhà cư sĩ đối diện trước Chùa của ông ta hạ sinh một bé trai. Trước khi hài nhi ra đời thì mẹ của đứa bé mộng thấy con ngựa của vị Hoà Thượng cỡi chui vào bụng bà ta, chẳng bao lâu thì hài nhi ra đời. Bà ta cảm thấy kỳ lạ, mới kêu người đến Chùa hỏi xem, mới biết con ngựa đó vừa mới chết. Bà ta biết đứa bé này là con ngựa đó đến đầu thai, do đó đem đứa bé đó vào Chùa, song đứa bé đó rất ngu si, tối tăm, bất cứ dạy y đọc hoặc viết chữ, y chẳng làm được, cho nên một chữ cũng chẳng biết. Song, có một vị Hòa Thượng dạy y đọc Kinh Pháp Hoa thì y nhớ quyển thứ nhất rất nhanh chóng, còn những quyển còn lại y chẳng nhớ được. Vì khi y làm ngựa thì mỗi ngày vị Hoà Thượng cỡi đều tụng thuộc lòng quyển thứ nhất, cho nên y nhớ được. Vì y nghe được Kinh Pháp Hoa mà được đầu thai làm người, do đó đủ biết công đức của bộ Kinh Pháp Hoa này thật là không thể nghĩ bàn.

Vào thời đại nhà Tấn, tại Vân Nam có vị cư sĩ tên là Trần Đông Viện, ông ta rất tin Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông ta từng đến núi Phổ Đà lễ bái đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ông ta lạy xong thì thấy một vị Hòa Thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa, bèn thỉnh vị Hòa Thượng đó thế ông ta tụng Kinh siêu độ hồn của mẹ, khiến cho được lìa khỏi cảnh khổ, sớm sinh lên cõi Trời. Khi công đức viên mãn thì con bò của nhà ông ta đột nhiên chết đi. Đêm đó con bò báo mộng cho ông ta nói: "Ta là mẹ của ngươi, vì khẩu nghiệp quá nặng, tội nghiệt quá sâu, cho nên đầu thai làm bò. Nay nhờ nhà ngươi thỉnh Pháp Sư tụng Kinh siêu độ ta, khiến cho ta lìa khỏi thân bò, nhưng vẫn chưa lìa khỏi khổ ở địa ngục, nhà ngươi hãy thỉnh vị Pháp Sư vì ta tụng Kinh siêu độ nữa!". Trần Đông Viện

lại đến núi Phổ Đà gặp vị Hòa Thượng đó, thỉnh Hòa Thượng siêu độ mẹ của ông ta nữa, vị Hòa Thượng đó tụng Kinh thì đương nhiên rất thành tâm, nhưng chứng nghiệm rượu chưa bỏ được, đôi khi uống một hai ly rượu. Khi ông ta biết tình hình mẹ của Trần Đông Viện thì rất thành tâm quỳ trước bàn Phật tụng Kinh Pháp Hoa, khi tụng đến quyển thứ tư thì ông ta khát nước, muốn uống trà, nhưng bình trà chẳng có trà, song thấy trong ly rượu thường dùng hằng ngày lại có rượu, bèn uống hết ly rượu đó rồi tiếp tục tụng hết bộ Kinh Pháp Hoa.

Trần Đông Viện lại nằm mộng thấy mẹ của ông ta nói : "Số là ta có thể thoát khỏi địa ngục, khi Pháp Sư tụng Kinh Pháp Hoa từ quyển một đến quyển bốn thì trong địa ngục đầy khắp kim quang, còn có hoa sen bằng vàng sinh ra, chính lúc đó ta phải đi đâu thai thì hốt nhiên có mùi rượu đầy khắp địa ngục, từ quyển thứ năm đến quyển thứ bảy thì chẳng có công hiệu là bao, người hãy thỉnh vị Hòa Thượng đó vì ta tụng nữa !" Trần Đông Viện lại đem tình hình trên nói với vị Hòa Thượng đó. Trước kia vị Hòa Thượng đó cho rằng uống một hai ly rượu chẳng có quan hệ gì, khi trải qua sự việc này thì ông ta hoàn toàn bỏ rượu. Từ câu chuyện này nhìn lại thì sự diệu của Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn.

Người học Phật phải biết Kinh Pháp Hoa có rất nhiều sự màu nhiệm, như làm súc sinh mà nghe Kinh nghe Pháp thì được đầu thai làm người, ở trong địa ngục chịu khổ mà nghe được Kinh thì có thể sinh về cõi Trời. Vì có ý nghĩa như vậy cho nên có một số người tụng niệm Kinh điển, y chiếu phương pháp trong Kinh điển mà tu hành, bất quá tu hành tuyệt đối đừng tự mãn, đừng cho rằng tụng Kinh có công đức. Nếu bạn sinh tâm tự mãn, không những chẳng có công đức mà có thể nói là lãng phí. Từ từ trông xuống chút căn lành, người tu đạo nên nhớ đừng tự đại, đừng cống cao ngã mạn, phải khiêm cung hòa kính.

Trong khi Pháp Bảo Đàn, có một đoạn nói : Có một vị Tăng tên là Pháp Đạt, tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ, do đó ông ta sinh tâm cống cao ngã mạn. Khi ông ta đến Tào Khê Chùa Nam Hoa gặp Lục Tổ Huệ Năng thì bốn lai tất cả chư Tăng thấy vị Hòa Thượng trụ trì đều đắp y trì cụ, cung kính đánh lễ. Vì trong tâm của Pháp Sư Pháp Đạt sinh ra một sự chướng ngại, cho rằng tụng đã hơn ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa thì công đức chắc chắn không ít, do đó khi ông ta thấy Lục Tổ Huệ Năng thì chỉ khom lưng, đầu lạy chẳng đưng đất.

Lục Tổ hỏi ông ta : "Hiện tại trong tâm của ông có vật gì ? Ông bình thường tu tập pháp môn gì ?" Pháp Sư Pháp Đạt nói : "Tôi tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ". Lục Tổ nói : "Đừng nói tụng được bao nhiêu bộ Kinh, điều quan trọng là hiểu được ý của Kinh". Lại nói :

"Lẽ bốn triết mạn tràng

Đầu hè bát chí địa ?

Hữu ngã tội tức sinh

Vong công phước vô tử".

Nghĩa là : Mục đích lẽ lạy là diệt trừ kiêu mạn, sao đâu chẳng đưng đất ? Còn cái ta thì tội sinh ra, quên cái ta thì phước vô ngần. Chính là : "*Tâm mê Pháp Hoa chuyển, tâm ngộ chuyển Pháp Hoa*". "Tụng Kinh cứu bất giải, dữ nghĩa tác cừu già". Nghĩa là khi tâm của bạn mê thì bị Kinh Pháp Hoa chuyển, khi trong tâm của bạn minh bạch thì chuyển được Kinh Pháp Hoa. Chuyển Pháp Hoa mới là diệu pháp, bị Pháp Hoa chuyển là diệu mà chẳng diệu, chuyển Pháp Hoa mới là không diệu mà diệu. Bạn tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ nhưng chẳng hiểu nghĩa trong Kinh thì giống như bạn với ý nghĩa của Kinh sinh ra một sự oan cừu. Bốn lai bộ Kinh này với bạn là một thể, nhưng bạn cho rằng tụng được hơn ba ngàn bộ Kinh thì có công đức, có sự chướng ngại cho nên biến thành hai. Chỉ vì bạn chưa minh bạch đạo lý trong Kinh cho nên chưa trừ khử tâm cống cao ngạo mạn. Từ câu chuyện này về sau, hy vọng bất cứ vị nào có công đức gì đều đừng sinh tâm kiêu ngạo và tự mãn. Nên nhớ người học pháp pháp nhất định phải khiêm cung hòa kính, đừng kiêu ngạo với bất cứ người nào, điểm này rất là quan trọng, hy vọng mọi người để vào tai những gì tôi nói.

(còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

(Tiếp theo kỳ trước)

"Lại trong năm thứ không dịch. Bạt Già Phạm dịch là Thánh Tôn. A Nậu Bồ Đề dịch là vô thượng giác. Bát Nhã dịch là trí huệ. Diêm Phù dịch là thắng kim. Trước kia không dịch, sao bây giờ lại dịch ? Cho đến bí mật các Chú vào đời Đường có vị Tam Tạng Kim Cang Trí lược ra có phiên dịch Chú ngữ trong Tụng Niệm Nghĩa Quy. Bất Không Thượng Sư trong Nhân Vương Bát Nhã Lý Thú Thích cũng giải thích qua Chú ngữ. Lưu Tống Tam Tạng Cầu Na Tôn Giả cũng phiên dịch thần Chú Tứ Thập Bát Danh. Quốc Sư Hiền Thủ cũng giải thích Chú Bát Nhã. Bồ Tát Long Thọ trong Trì Minh Tạng cũng giải thích Chú Chuẩn Đề và những bí mật của Chú. Trong Kinh Thủ Hộ Quốc Chủ Đà La Ni, Đại Bi Không Trí .v .v . Phật và Bồ Tát khen ngợi và giải thích loại chữ của Chú và lời lẽ ý nghĩa. Trong Kinh Niết Bàn, Kinh Bát Nhã, Kinh Hoa Nghiêm, Phật và Tổ Sư Ca Diếp, Tôn Giả Tu Bồ Đề, các vị thiện tri thức cũng giải thích nghĩa lý bốn mươi hai tự mẫu Hoa Nghiêm. Do đó biết rằng các bộ mật ngữ chân ngôn y chiếu đạo lý mật tạng cũng có thể dịch".

"Cho nên bây giờ Chú Lăng Nghiêm cũng có phiên dịch. Chú Lăng Nghiêm ở trước "Đát Địch Tha" là chân ngôn năm hội. Từ sau chữ Ấn, mới là tâm Chú. Bây giờ y chiếu vào sự phiên dịch và giải thích của Pháp Sư Tuần Châu Hoài vào đời Đường. Đây là xuất xứ từ Thâm Tự Hàm trong Đại Tạng Kinh".

"Trước đã nói rõ dụng ý đời xưa vốn không dịch. Sau nói chỗ lợi ích của sự phiên dịch, đại khái có hai mươi bốn thứ" :

1. "Biết được hết thủy danh hiệu của chư Phật. Như ở trước có một đoạn đều là danh hiệu của chư Phật. Đọc lên thì thường thấy thân Phật. Nếu bạn thường tụng Chú Lăng Nghiêm thì thường thấy pháp thân của chư Phật".
2. "Biết được Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Nhờ oai đức lại gia trì cho chúng ta".
3. "Biết kim cang tướng như Bạt đồ la, Thương yết la .v.v. . Tất cả tà ma ngoại đạo đều đến quy hàng".

4. "Vì bạn biết quý thần vương thì bộ đảng dưới quyền của chúng sẽ cung kính bạn".

5. "Biết năm bộ, chính giữa là Phật bộ, Phật Tỳ Lô Giá Na là chủ. Phương nam là Bảo bộ, Phật Bảo Sinh là chủ. Phương đông là Kim Cang bộ, cũng là A Súc bộ, Phật A Súc, cũng là Phật Dược Sư là chủ. Phương tây là Liên Hoa bộ, Phật A Di Đà là chủ. Phương bắc là Yết Ma bộ, Phật Thành Tựu là chủ. Biết năm bộ Phật Chú là đệ nhất tôn thánh, là tối diệu".

6. "Biết đây là Phật đỉnh quang minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú. Bạn tụng niệm Chú Lăng Nghiêm thì mười phương chư Phật đều đến quán đảnh cho bạn".

7. "Linh thông cảm ứng không thể nghĩ bàn".

8. "Biết Chú thì sinh đại trí huệ, lại phóng đại quang minh".

9. "Biết Chú Lăng Nghiêm là vua trong tất cả các Chú".

10. "Biết đoạn đó là tâm Chú, thường thường trì tụng, lại chuyên nhất thì sẽ minh tâm kiến tánh, khai mở đại trí huệ".

11. "Biết Chú Ấn, ba pháp ấn, tụng trì Chú Lăng Nghiêm thì ít nhất trong bảy đời đều là người tử phú giàu nhất trên đời".

12. "Chú còn dịch là quyết. Thần thông của Chú biến hoá khó dò. Có người nói, tôi tụng Chú không phải vì cầu giàu có, bạn cầu thần thông thì được thần thông, cầu khai ngộ thì được khai ngộ, cầu trí huệ thì được trí huệ, tùy ý bạn. Không phải muốn dạy bạn nhất định cầu giàu sang".

13. "Muốn cầu gì, phát nguyện gì, đều sẽ thành tựu".

14. "Bạn tụng niệm Chú rồi, nguyện khiến cho kẻ khác được phước thì người đó liền được phước. Nguyện cho người đó gặp họa thì liền gặp họa, bất quá đừng có tâm làm hại kẻ khác. Niệm Chú nguyện cho kẻ khác gặp họa thì không đúng".

15. "Bạn cầu gì thì như tiếng vang tùy tâm mãn nguyện không khác".

16. "Chú pháp hay khai mở trí huệ của bạn, khiến cho bạn được biện tài vô ngại".
17. "Biết nguồn gốc tiếng Phạn, đây là căn bản Tam Tạng văn tự. Tam Tạng là do văn tiếng Phạn phiên dịch ra".
18. "Biết hết thầy Thánh Hiền hiển giáo và mật giáo đều từ tự mẫu sinh ra".
19. "Nghĩa lý của chữ là bao hàm nghĩa thú vô biên".
20. "Chữ Phạn nguyên là giống trí huệ của chư Phật".
21. "Biết âm của Chú là do Phật trời truyền ra trước nhất".
22. "Hết thầy nghĩa lý của pháp đều nhiếp hết thầy".
23. "Biết chân ngôn đều từ như sở nói, đều là chân thật, không có một câu vọng ngữ".
24. "Biết Chú ngữ giống như khẩu lệnh trong quân đội, và như thánh chỉ của hoàng đế không khác, không thể nói cho người khác biết".

Bốn hạng trước là giới hạng nơi năm hội chân ngôn. Còn hai mươi hạng sau cũng bao quát tên Chú trong đó.

Đây là nói rõ tổng quát của sự dịch Chú. Nếu phiên dịch Tâm Chú thì có sáu thứ lợi ích.

1. Một chữ bao hàm rất nhiều nghĩa lý, sức lực vô cùng vô tận, oai đức vô lượng vô biên.
 2. Chữ âm đều phiên dịch thành Hoa văn (Hán ngữ), lại có văn tiếng Phạn, đều biết cả hai, hỗ tương ứng dụng, viên thông vô ngại.
 3. Biểu thị hiển lộ Tam Tạng là Kinh Luật Luận.
 4. Tam hiền tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương. Địa tức là Thập Địa, đẳng tức là Đẳng Giác, diệu tức là Diệu giác.
- Tức là đã nói quả vị ở trước.
6. Tự mẫu văn tiếng Phạn có ngang có dọc.

Trong bộ môn mật tông này có người hỏi : Chân ngôn chữ Phạn tại sao có sự diệu dụng không thể nghĩ bàn như thế ? Có tướng trạng lợi ích như thế ? Đây là vì Chú chữ Phạn là chân tâm bản thể của chư Phật. Cho nên có sức lực không thể nghĩ bàn. Lại vì bản tính của pháp có sức lực lớn như thế. Lại nữa vì chư Phật Bồ Tát phát những hạnh nguyện không thể dùng tâm suy xét, không thể dùng lời nói bàn luận. Các bậc ấy dùng thần Chú lại gia trì, khiến cho bạn đắc được rất nhiều lợi ích. "Đây là nói về phiên dịch có rất nhiều lợi ích. Phía dưới lại khuyên bạn từ từ tu hành, đừng phạm giới

luật, đừng nói dối. Nếu không thì trì Chú không linh nghiệm, không thể tùy tiện ăn nói làm nhảm bậy bạ, tạo thị phi, không nên nói những lời không công bình".

"Chính giữa, Phật bộ, Phật Tỳ Lô Giá Na là bộ chủ. Chính giữa thuộc về thổ, thanh vượng bốn mùa. Cho nên Phật biến khắp pháp giới. Phương đông, Kim Cang Bộ, tức Mật Tích Kim Cang, Phật A Súc là bộ chủ, tức Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật. Phương nam, Bảo Bộ, Phật Bảo Sinh là bộ chủ. Phương tây, Liên Hoa Bộ, Phật A Di Đà là bộ chủ. Phương bắc, Yết Ma Bộ, Phật Thành Tựu là bộ chủ". "Có một quyển sách gọi là Bí Mật Tu Hành Niệm Tụng Nghĩa Thức, tức là năm pháp môn Du Già bí mật. Trong năm pháp môn, có một môn thuộc về Phật bộ, tức là pháp môn tăng ích xuất thế".

"Trong Kinh Tô Tát Địa nói Phiến Để Ca tức là pháp môn tiêu tai. Bồ Sát Chung Ca tức là pháp môn tăng ích. A Tỳ Giá Lỗ Ca tức là pháp môn hàng phục. Ba bộ này hợp lại có Tam Đẳng Chơn Ngôn. 1. Một loại chân ngôn là pháp của Thánh nhân nói, tức là mười phương ba đời hết thầy chư Phật, hết thầy Bồ Tát, hết thầy Thanh Văn và Duyên Giác bốn bậc Thánh nói ra. 2. Chư Thiên nói chân ngôn, bao quát từ Trời Tịnh Cư cho đến Trời Tam Thập Tam. 3. Địa Cư Thiên chơn ngôn, nhân gian cũng thuộc về Địa Cư Thiên, đây là bao quát tám bộ quý thần vương, thuộc về Phật bộ pháp môn tăng ích".

"Thành tựu, tăng ích, đây là hai thứ pháp môn thuộc về pháp môn thượng phẩm. Tiêu tai, nhiếp triệu là pháp môn trung phẩm. Nhiếp triệu tức là quân triệu, tức là pháp tập nã. Tiêu tai tức là bạn có tai nạn gì, tụng Chú thì liền tiêu trừ. Nhưng bạn còn phải trừ khử tai nạn trong tâm. Nếu bạn chỉ niệm Chú mà trong tâm cứ khởi những vọng niệm không trong sạch, nào là tạp niệm, dục niệm đây đây thì tai nạn vốn không thể tiêu trừ được, bất cứ niệm Chú gì cũng vô dụng. Do đó muốn tiêu trừ thì trong tâm trước phải thanh tịnh, thu thập tâm cho sạch sẽ, đó mới là thật tiêu tai. Nếu trong tâm đây đây tham sân si thì niệm Chú gì cũng không linh. Do đó trong tâm là quan trọng nhất. Tâm nhất định phải từ bi lương thiện, giúp đỡ mọi người, chỉ có một thứ tâm tốt. Đây là pháp tăng ích tiêu tai. Nhiếp triệu tức là pháp quân triệu, giống như cảnh sát bắt tội phạm. Yêu ma quỷ quái làm việc ác, khiến cho người sinh bệnh, sinh

tai nạn, khi bạn tụng Chú thì yêu ma quỷ quái bò ra. Nhưng bò là bò ra, song có lúc chúng không phục, phải dùng đủ thứ phương pháp để giáo hoá chúng. Riêng hàng phục là pháp hạ đẳng. Pháp thượng đẳng thì không dùng bất cứ thế lực nào để đàn áp bức bách bất cứ ai, và bất cứ yêu ma quỷ quái, không thể đấu tranh với chúng. Đừng học A Tu La đấu tranh kiên cố như thế. Tự mình biết rõ có một sức lực có thể hàng phục được chúng, cũng đừng dùng. Phải dùng đức hạnh để giáo hoá chúng, cảm hoá chúng".

"Bất cứ tu pháp gì đều phải lấy tâm bồ đề đạo tâm làm chủ, đại từ đại bi, đại hỷ đại xả. Không thể dùng đạo lực để áp bức bất cứ ai hoặc bất cứ yêu ma quỷ quái".

"Pháp phải có thầy truyền cho bạn. Nếu không có thầy truyền pháp tức gọi là trộm pháp". "Nếu bạn không tìm cách để tu pháp này thì thiện thần hộ Chú sẽ không vui vẻ". "Nếu bạn thường nói với kẻ khác rằng bạn trì Chú có linh cảm hiệu lực gì, niệm Chú Đại Bi trị được bệnh gì, niệm Chú Lăng Nghiêm lại đắc được cảm ứng gì. Đó cũng như bán thuốc cao, đây gọi là rao bán sự tu hành, không đúng. Nếu như thế thì sẽ gặp tai hoạ, cũng không đắc được sự lợi ích không thể nghĩ bàn của tứ tất ích".

"Nếu người thực hành hy vọng tu pháp muốn mau chóng đắc được lợi ích và thành tựu của Chú thì các phương pháp tu hành không được tở hào khuyết phạm. Không thể không giữ quy cụ, huỷ hoại giới luật. Cho nên các bạn tu pháp này nhất định phải giữ quy cụ. Không thể cứ nghĩ đi lường gạt người, đi chiếm tiện nghi của người thì không được, như thế không những một chút cảm ứng cũng không có, ngược lại có hoạ đến. Nếu cứ khoe khoang công đức của mình thì sẽ có sự sơ hở, mà liền được tiện lợi, cũng giống như bạn có báu vật, không cất giữ nó mà lại để ở ngoài cửa thì nhất định sẽ bị người trộm đi. Cho nên tu Phật pháp nhất định phải cẩn thận, đừng để thiên ma ngoại đạo được tiện lợi. Phải từ từ trì tụng. Trì Chú phải giống như mặc y phục, ăn cơm, ngủ nghỉ. Mỗi ngày không thể thiếu được, phải lâu dài bền bỉ không được gián đoạn. Quán tưởng chữ Phạn cũng phải nhất nhất tinh thực, mọi việc phải tương ứng. Mọi sự việc đều phải như pháp mới đắc được sức lực không thể nghĩ bàn, mới thành tựu được Du Già vô tác diệu hạnh".

"Trong tâm đừng khởi vọng tưởng, nghĩ tưởng viễn vông, mơ những điều không thể có hoặc là nói chuyện với người. Nếu bạn tụng Chú gián đoạn thì

Tất Địa không thành. Tất địa tức là tam muội". "Nếu bạn không giữ quy cụ, không giữ giới luật, hoặc trong tâm cứ khởi vọng tưởng nhiễm ô thì không những tu pháp không thể thành tựu, mà còn có hoạ của nó. Cho nên tu pháp Lăng Nghiêm phải đặc biệt chú ý. Thân miệng ý ba nghiệp phải thanh tịnh thì mới tương ứng, không thể tùy tiện nói thị phi, hoặc khiến những người ở trong đạo tràng không được an lạc. Đó là những điều không thể được. Nhất định phải quản thúc hành vi của mình, đi đứng nằm ngồi không rời khỏi nhà (tâm). Đừng giết đồ dơ thế người khác, phải từ từ chiếu cứ chính mình".

"Phật bộ, Liên Hoa bộ, Kim Cang bộ, Bảo Sinh bộ, Yết Ma bộ. Bộ chủ đều là minh vương, tức là Phật hoặc Bồ Tát. Các bậc ấy có tâm đại từ bi, không tổn hại chúng sinh. Nhưng các vị hộ pháp, thiên long, mãnh độc quỷ thần đều rất nóng giận. Mãnh quỷ ác thần thấy người tu pháp có lỗi lầm, liền cho họ một chút tai hoạ, để họ không được tự tại, hoặc là cho họ nhiều sự phiền não".

"Phàm là người tu Chú này phải có đủ trí huệ, thấu rõ tất cả định và pháp nghiêm mật trong Chú. Pháp ngôn ngữ trong Chú cũng phải biết. Nhất định phải giữ giới Bồ Tát trong Kinh Phạm Võng, phát tâm bồ đề. Như thế thì có công đức trì giới và có công đức phát tâm bồ đề, mới cho phép bạn tu pháp này".

"Thọ trì tất cả thần Chú có năm điều không thể phạm. 1. Ăn thịt. 2. Uống rượu. 3. Ăn ngũ tân (hành, hành tây, hẹ, tỏi, nén). 4. Dâm dục. 5. Ăn uống ở tại bất tịnh gia, tức là nhà đã điếm hoặc là gia đình làm chuyện nhiễm ô. Nếu giữ được năm giới này thì tu pháp nhất định sẽ được đại lợi ích, và còn lợi ích chúng sinh. Nếu giữ năm giới này mà ăn nhảm nắm độc cũng không sao. Cho nên vị cư sĩ họ Tiêu ăn nhảm nắm độc, chúng ta cầu cho y, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiển thần thông chữa khỏi, đó là sự chứng minh". (còn tiếp)

CHÚ ĐẠI BI

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Tiếp theo kỳ trước

21. Ca La Đế.

Hắc sắc để thần hiển oai phong
Đông tây nam bắc nhậm tung hoành
Phát lung chấn hội từ bi chủ
Nhật dạ bất hưu cứu chúng sinh.

Tạm dịch : *"Đế thần màu đen hiển oai phong
Tung hoành khắp đông tây nam bắc
Phát chấn kẻ điếc từ bi chủ
Ngày đêm chẳng nghỉ cứu chúng sinh"*.

"Ca La Đế" dịch ra là "Bạc Đại Bi". Bạc Đại Bi này Ngài hay cứu tất cả mọi khổ nạn thế gian, hay giải trừ tất cả khổ nạn của hết thảy chúng sinh. Lại có lối dịch khác là "Tác Giả", Ngài hay làm đạo nghiệp hưng lên, khiến cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Bồ đề, làm Phật sự lớn mà thành tựu đạo nghiệp.

22. Di Hê Rị.

Tam Thập Tam Thiên chúng thần bình
Linh văn mật ngữ khiến phụng hành
Thưởng thiện phạt ác hộ chánh giáo
Thế giới hàm an khánh thăng bình.

Tạm dịch : *"Bình chúng thần Trời Ba Mươi Ba
Linh văn mật ngữ khiến phụng hành
Thưởng thiện phạt ác hộ chánh pháp
Thế giới đều an lạc thái bình"*.

"Di Hê Rị" cũng là tiếng Phạn, dịch ra là "thuận giáo", nghĩa là nói ta nhất định nghe đại Bồ Tát Quán Thế Âm giáo hóa, ta nhất định thuận theo sự giáo hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm đi giáo hóa chúng sinh ; ta nhất định sẽ y giáo phụng hành, y theo sự giáo hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm để thực hành.

23. Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa.

Kiên thật chân tâm cầu giai ứng

Quảng đại linh cảm vô bất thông

Từ bi phổ độ Ba La Mật

Hàng phục chư ma chánh pháp hưng.

Tạm dịch :

Chân tâm kiên thành cầu đều ứng

Linh cảm rộng lớn thông hết thảy

Từ bi độ khắp đến bờ kia

Hàng phục yêu ma thịnh chánh pháp".

"Ma Ha" là đại, "Bồ Đề" là giác đạo. "Tát Đỏa" là "Bạc Đại Dũng Mãnh". Câu này là một vị Bồ Tát đại giác ngộ dũng mãnh, phát đại Bồ đề tâm, tu đại Bồ đề hạnh. Phát tâm đại Bồ đề tức là trồng nhân đại Bồ đề ; tu hạnh đại Bồ đề tức là vun bồi tưới nước mầm Bồ đề của bạn, sẽ kết quả đại Bồ đề, đắc được đạo Bồ đề.

Câu Chú này của Bồ Tát Quán Thế Âm, "định huệ không hai, định huệ đều đủ, vạn hạnh nghiêm thân". Định cũng đủ, huệ cũng đủ. Huệ đủ thì định đủ, định đủ thì huệ đủ. Vì có định mới phát huệ, có trí huệ mới tu định. Nếu chẳng có định thì chẳng có huệ, chẳng có huệ thì cũng chẳng có định.

Vị Bồ Tát này Ngài "chẳng bỏ một pháp nào", dù một pháp Ngài cũng không dễ dàng bỏ qua, bất cứ việc thiện lớn hay nhỏ đều làm hết. Cho nên có câu :

*"Đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm,
Đừng cho rằng việc ác nhỏ mà làm"*.

Vị Bồ Tát này việc ác dù nhỏ bé Ngài cũng không làm, việc thiện dù rất nhỏ Ngài nhất định cũng đi làm, cho nên có câu : "Đừng làm các việc ác, hãy làm các việc lành". Ngài phát Bồ đề tâm, kết Bồ đề quả, tu hành vạn hạnh để trang nghiêm pháp thân của chính mình. Ngài phát tâm đại bi để làm đại pháp vô vi, tùy theo tâm của chúng sinh mà làm Phật sự, song ở trong bản tính, bản thể của Ngài chẳng có một tướng chúng sinh. Ở trong Phật pháp xem tất cả chúng sinh đều một thể với Ngài, không hai không khác. Cho nên Ngài lấy khổ của chúng sinh làm khổ của mình. Vì chính

Ngài không nghĩ có khổ, cho nên phải giải trừ tất cả khổ não của chúng sinh, tuy nhiên giải trừ tất cả khổ não của chúng sinh mà chẳng có tướng độ chúng sinh. Ngài chẳng nói : "Bây giờ tôi cứu bạn, bạn phải cảm ơn tôi. Tôi giải trừ khổ cho bạn, bạn nên có chút báo đáp cho tôi". Ngài chẳng có tâm như thế, cho nên vị Bồ Tát này mới hiện được ba mươi hai ứng thân. "Người nào đáng dùng thân Phật độ được thì Ngài liền hiện thân Phật để vì họ nói pháp ; người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được thì Ngài liền hiện thân Bích Chi Phật để vì họ nói pháp ; người đáng dùng thân ông vua độ được thì Ngài liền hiện thân ông vua để vì họ nói pháp". Có ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy và bốn bát tư nghi (bốn thứ thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn), được chân viên thông ; Ngài đắc được viên thông chân chánh, thành tựu quả đại bồ đề. Đây là sự thành tựu của Bồ Tát Quán Thế Âm.

24. Tát Bà Tát Bà.

Hương Tích Bồ Tát đại oai thần
Thanh hoàng xích bạch hắc quý binh
Phục lao chấp dịch thính giáo hoá
Cảm ứng đạo giao cứu chúng sinh.

Tạm dịch :

"*Bồ Tát Hương Tích oai thần lớn
Quý binh xanh vàng đỏ trắng đen
Phục lao sai khiến nghe giáo hoá
Cảm ứng đạo giao cứu chúng sinh*".

Các bạn có biết câu Chú này thuộc về Thủ Nhãn nào chăng ? "Tát Bà Tát Bà", là tiếng Phạn, dịch ra là "nhất thiết lợi lạc". Nhất thiết là tất cả, bạn tu Thủ Nhãn (tay mắt) này thì có thể lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Bạn có "bảo ấn" này thì chư Thiên trên trời đều nghe hiệu lệnh của bạn, quý vương dưới địa ngục cũng đều nghe hiệu lệnh của bạn ; bạn kêu họ như thế nào thì họ như thế ấy. Bạn kêu họ thả người có tội ra thì họ lập tức phải thả họ ra. Tại sao ? Vì bạn có mạng lệnh này. Bảo ấn này cũng giống như ngọc tử của hoàng đế ; ấn ngọc tử của hoàng đế in vào trong chiếu thư, phổ cáo thiên hạ, đến đâu thì mọi người đều phải chiếu theo chiếu thư mà hành sự, chẳng có ai dám phản đối. Bạn có Bảo Ấn Thủ này thì có thể lợi ích tất cả chúng sinh ; bạn kêu tất cả chúng sinh được lợi ích gì thì họ sẽ được lợi ích đó, cho nên dịch ra nghĩa là lợi ích tất cả.

Người Trung Quốc hầu như đều có nghe rằng thần tiên thời xưa có một cái ấn gọi là "phiên thiên ấn". Huỳnh Thành Tử có phiên thiên ấn tức là cái ấn này ; Đạo giáo gọi là phiên thiên ấn, ở tại Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là Bảo Ấn Thủ. Bạn dùng Bảo Ấn Thủ này tu hành thì tu sẽ thành công ; bạn mang theo bảo ấn này thì dù người nào chết, hoặc sắp chết thì vua Diêm Vương chẳng dám kêu họ chết, có diệu dụng có thể "cải tử hồi sinh". Song bạn phải tu hành, nếu không tu hành thì chẳng có ích lợi gì. Tu hành thành công thì giống như bạn đi học, bắt đầu học từ tiểu học, trung học sau đó lên đại học, đậu bằng tiến sĩ. Bạn tu Bảo Ấn Thủ thành công thì cũng giống như đậu được bằng tiến sĩ, song còn cao hơn nhiều.

Cho nên "Tát Bà Tát Bà" tức là "lợi lạc tất cả", hay trợ giúp tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều được khoái lạc. Bạn thấy có diệu chăng ! Cho nên gọi là Bảo Ấn Thủ. Nếu bạn muốn dùng Bảo Ấn Thủ này tu Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn (tay và mắt) thì "Tát Bà Tát Bà" là một Thủ Nhãn trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn, ngoài ra còn có bốn mươi một Thủ Nhãn nữa.

Có người nghe tôi giảng Bảo Ấn Thủ có đại dụng như thế, anh ta bèn nghĩ : "Tôi phải mau tu Bảo Ấn Thủ này ; tu xong rồi, tất cả mọi người sắp chết thì tôi đều khiến cho họ đừng chết." Có thể được ! Bất quá, bạn đừng kêu người khác chết hoặc là thọ mạng đến lúc chết thì không có ai có thể dùng ấn này được nữa.

Tôi đã dùng qua hai lần cái ấn này. Tại Đông Bắc Trung Quốc tôi đã dùng qua một lần, tại Hương Cảng cũng dùng qua một lần. Tại Đông Bắc nhân duyên như thế nào ? Đó đều là bất đắc dĩ. Bất đắc dĩ như thế nào ? Tức là nhất định phải làm việc này, không thể không làm. Tôi còn nhớ khi tôi ở Chùa Tam Duyên tại Đông Bắc thì vào ngày 18 tháng 4, có người tên là Cao Đức Phước, nhà anh ta cách Chùa khoảng gần hai mươi dặm. Vào một buổi chiều hôm đó, anh ta đến Chùa. Để làm gì ? Để chặt cánh tay ; anh ta cầm một thanh đao dùng giấy báo bao bọc lại, chuẩn bị chặt cánh tay của anh ta để cúng Phật. Bạn có cho rằng anh ta thông minh chăng ? hoặc là ngu si ? Đương nhiên rất là ngu si. Nếu là người thông minh sao lại chặt cánh tay của mình ? Không sai, rất là ngu si. Song anh ta ngu si là vì hiếu thuận mà ngu si.

Tại sao anh ta muốn chặt cánh tay ? Vì mẹ của

anh ta bệnh nặng. Mẹ của anh ta bình thường hay hút nha phiến, bệnh nặng đến độ chẳng hút nha phiến được nữa. Nha phiến đã không thể hút được nữa thì đương nhiên cũng chẳng ăn cơm được, chẳng uống nước được nữa. Lưỡi cũng đã biến thành màu đen. Trung y, bác sĩ Trung Quốc, bác sĩ ngoại quốc đều bó tay. Anh ta nói : " Bò Tát là linh cảm nhất, bây giờ tôi đến Chùa Tam Duyên, chặt cánh tay của tôi xuống để cúng dường Phật ; dùng tâm thành này để cầu Phật gia hộ cho mẹ của tôi khỏi bệnh". Đến Chùa rồi mở đao trong giấy báo ra, tự mình duỗi cánh tay ra, còn tay kia thì cầm đao muốn chặt tay ; từ phía sau có người đến giữ thanh đao của anh ta lại, nói : "Ê ! Anh làm gì thế ? Đừng có tự sát, tại đây không nên tự mình giết mình !" Anh ta nói : "Tôi vì mẹ của tôi bệnh nặng, tôi phải chặt cánh tay của tôi xuống để cúng Phật, Thầy đừng cản trở tôi, đừng làm tôi không chặt được !" Người đó cũng chẳng chịu buông đao ra, bèn đi báo cáo với Hòa Thượng phương trượng (Thầy trụ trì), Hòa Thượng phương trượng cũng chẳng có biện pháp. Đương lúc đó có vị cư sĩ tên là Lý Cảnh Hoa là hộ pháp đắc lực nhất của Hòa Thượng phương trượng. Hòa Thượng bèn sai Lý Cảnh Hoa đi tìm tôi nói : "Thầy ơi Thầy ! Có người đến muốn chặt cánh tay, vì mẹ của anh ta bệnh nặng, Thầy hãy tìm cách giúp anh ta".

Lúc đó tôi làm thủ tòa ở trong Chùa, ngoài Hoà Thượng phương trượng ra tức là tôi. Lúc đó tôi còn là Sa Di, chẳng phải như Sa Di hay ăn, Sa di hay ngủ, Sa Di hay uống, chẳng phải như thế. Lúc tôi làm Sa Di thì mọi người chẳng dậy thì tôi dậy ; chẳng phải đợi mọi người dậy mà mình thì chưa dậy. Việc người khác không làm thì tôi làm.

Tìm tôi rồi, tôi bèn nói với Hòa Thượng : "Họ đến tìm Ngài, Ngài lại thêm phiền phức đến con, Ngài chẳng lo mà kêu con lo". Hòa Thượng phương trượng nói : "Con hãy từ bi, giúp anh ta".

Tuy nhiên tôi chẳng muốn lo việc ấy nhưng Hòa Thượng đã nói lời đó làm cho tôi rất cao hứng.

Tôi nói : "Tốt, con đi đây". Tôi lại nói với anh muốn chặt tay là Cao Đức Phước : "Anh hãy về đi". Anh ta leo lên xe đạp về nhà, anh ta đi xe phải đi đường lớn, tôi thì đi đường nhỏ. Lúc đó mặt trời đã lặn sớm khoảng năm giờ chiều, tôi nói : "Anh đi trước". Anh ta nói : "Thầy có biết đường chăng ?". Tôi nói : "Anh đừng lo cho tôi, anh hãy đi trước thì tốt rồi".

Cách mười tám dặm đường, anh ta đạp xe đạp đi trước, tôi thì cũng đi theo con đường nhỏ. Tôi đến nhà anh ta mà anh ta chưa về tới ! Anh ta về đến nhà thì thấy tôi nói : "Ồ ! Lạ quá, sao Thầy lại đến trước con ?" Tôi nói : "Chắc trên đường đi anh ham chơi, hoặc đá cầu, cho nên anh mới về nhà trễ". Anh ta nói : "Không đâu ! Con đạp xe rất nhanh để về sớm mà !" Tôi nói : "Hoặc là xe của anh chẳng nhanh bằng xe của tôi, cho nên tôi đến trước".

Tôi đi xem bệnh nhân, thật chẳng có cách nào sống lại được, thử xem sao ! Đến sáng sớm ngày thứ hai thì dậy.

Mẹ của anh ta vốn đã bảy tám ngày chẳng biết gì, cũng chẳng nói, cũng chẳng nhận ra ai, gần như đã chết. Ngày thứ hai thì bà ta ngồi dậy gọi tên con trai lớn, ở nhà thường gọi anh Cao Đức Phước : "Tụ ơi, Tụ ơi, có cháo không, bây giờ mẹ muốn ăn cháo". Anh con trai lớn cũng đã bảy tám ngày chẳng nghe mẹ của anh ta gọi, bây giờ đột nhiên ngồi dậy được để gọi anh ta, anh ta rất đổi vui mừng. Anh ta chạy lại nói : "Mẹ, mẹ bệnh trầm trọng đã nhiều ngày không nói được, bây giờ mẹ có khỏe không ?". Mẹ của anh ta nói : "Mẹ cũng chẳng biết bao nhiêu ngày rồi, mỗi ngày đều ở trong chỗ tối tăm u ám, cũng chẳng có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, cũng chẳng có đèn lửa gì hết ! Chạy khắp nơi tìm chẳng được nhà, chạy đã rất nhiều ngày khổ nhọc, kêu ai cũng chẳng có ai. Tối hôm qua, mẹ nhìn thấy một vị Hòa Thượng nghèo, trên thân mặc áo rách rưới, ông ta đưa mẹ về, cho nên hôm nay mẹ muốn ăn cháo". Con của bà ta nghe mẹ nói như thế bèn nói : "Hòa Thượng đó như thế nào ?". Bà ta nói : "Ông ta rất cao, nếu nhìn thấy chắc sẽ nhận ra ngay". Lúc đó tôi đang nằm trên cái bục ngủ, anh ta đi đến chỗ của tôi ngủ chỉ nói : "Mẹ có biết vị Thầy này chăng ?". Bà ta nhìn chăm chăm nói : "Phải rồi, mẹ thấy ông ta, ông ta đưa mẹ về".

Lại thêm nhiều sự rắc rối ! Cả gia đình hơn mười người đều đến quỳ ở trước tôi nói : "Thầy đã cứu mạng mẹ của chúng con, cả gia đình chúng con lớn nhỏ đều xin quy y với Thầy, sau này bất cứ Thầy có việc gì kêu chúng con làm, chúng con đều hoan hỉ làm hết mình". Đó là tôi đã dùng qua một lần. Dùng qua một lần thì bệnh khỏi, bạn nói như thế nào ? Sao lại nói nhiều sự rắc rối đến ? Cả nhà đều đến lạy, về sau ở trong làng đó, người

này cũng nói có bệnh, người kia cũng nói có bệnh, rất là nhiều bệnh nhân. Vì có nhân duyên này nên tôi nói : "Các vị những người có bệnh đều phải đánh". Lúc đó tôi cầm cây phát trần đánh mỗi người ba cái, sau đó tôi hỏi những bệnh nhân : "Các vị có còn bệnh chăng ?" Họ trả lời : "Hết đau rồi, khỏi rồi". Tôi nói : "Các vị đều là bệnh đánh đòn, để tôi đánh thì mới hết bệnh". Đó là việc rắc rối phiền phức ở tại Đông Bắc (Manchuria) bên Trung Quốc.

Còn ở Hương Cảng là ai ? Tức là cha của cô Madelena Lew. Cha của cô ta khoảng 79 tuổi, coi bói, xem tướng đều nói ông ta nhất định phải chết, do đó ông ta bèn đến ghi danh quy y. Khi quy y thì ông ta hỏi tôi : " Sư Phụ, Ngài có thể làm cho tôi không chết chăng ?". Tôi nói : " Ông thích không chết chăng ? Tốt, có thể được, tôi để cho ông sống tới mười hai năm nữa được không ?" Ông ta nói : "Đương nhiên là tốt !", tôi cũng làm cho ông ta việc này, về sau quả nhiên ông ta sống thêm mười hai năm nữa.

Song, vừa mới nói, dù bạn có pháp này cũng không thể dùng cho người chết. Nếu bạn cứu họ lại, không để cho họ chết thì tức là biến thành đối đầu với vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương sẽ nói với bạn rằng : "Tốt ! Ông không để cho họ chết thì bây giờ tôi kêu ông chết trước". Khi bạn chết thì chẳng có ai thay bạn dùng ấn đó. Bạn nói : "Chính tôi dùng ấn đó cho tôi". Vậy thì không được. Tại sao ? Giống như một thanh đao, đây là bề lưỡi, kia là bề sống đao ; đao của chính bạn không thể chặt bề sống đao. Dù bạn có pháp thuật, nếu chính bạn có việc gì tức cũng như Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, khó bảo vệ được thân mình, bạn bảo vệ cho mình chẳng được. Cho nên nếu có được pháp này còn phải tự mình tu hành. Vì vậy, cho nên hiện tại tôi chẳng lo việc nhàn rồi, muốn chết thì chết, tôi chẳng lo, tôi sợ Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, thân mình khó giữặng.

(còn tiếp)

tâm sợ hãi. Đây là biện pháp cơ bản quan trọng nhất của người tu đạo để giải quyết ma chướng.

* Nếu hết thấy mọi người trên thế gian không ăn thịt chúng sinh ; đều ăn chay, không giết hại mà phóng sinh. Được như vậy thì tai nạn của thế giới sẽ tiêu diệt ư vô hình, sẽ vẫn hồi được kiếp vận.

* Khi giết hại súc sinh thì trong tâm súc sinh sẽ tồn tại một thứ oán độc. Lúc chúng chết thì trong tâm sinh ra tâm sợ hãi, cừ hận, báo thù. Trong tính tình đó sẽ vọt ra sự oán hận, phẫn uất, và sẽ sinh ra một thứ độc.

* Rau cải là thực vật thiên nhiên, vốn có một sức lực giải độc, cho nên bất cứ yêu ma quỷ quái vấy độc gì, thì chẳng bao lâu sẽ tự nhiên giải độc. Cho nên ăn rau cải nhiều là bảo đảm cho sức khoẻ sống lâu trường thọ tốt nhất.

* Nếu muốn cho thế giới này chân chánh tiêu độc thì mọi người nên ăn chay đừng ăn thịt. Vì thịt chúng sinh đều có độc. Thứ độc này rất vi tế. Khi bạn ăn thì chẳng cảm giác và xét nghiệm được, nhưng dần dần thì sẽ trúng thứ chất độc này.

Những Lời Pháp Của H.T Tuyên Hoá

* Bạn dụng công tu hành, bất cứ tu đến trình độ nào cũng đừng sinh tâm hoan hỉ, cũng đừng sinh

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác Giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt Dịch : Hoà Thượng Thích Trung Quán

Quyển hai

Giải Thích Tổng Quát "Nhu Thị Ngã Văn".

Hỏi : Nếu chư Phật là bậc Nhất Thiết Trí tức là không có thầy, không nhận pháp và dùng đạo của người, chẳng nghe theo người mà thuyết pháp, sao lại nói "Nhu Thị Ngã Văn" ?

Đáp : Phật pháp chẳng những phát ra từ miệng Phật mà ở thế gian tất cả những điều chân thật, lành, tốt, vi diệu đều phát xuất từ Phật pháp. Trong Tỳ Ni của Phật nói : Có năm hạng người nói Phật pháp :

1. Tự miệng Phật nói.
2. Đệ Tử Phật nói.
3. Người Tiên nói.
4. Chư Thiên nói.
5. Hoá nhân (người biến hoá) nói.

Lại nữa, trong Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Đắc Đạo, Phật bảo ông Kiều Thi Ca rằng : Ở thế gian những lời nói chân thật, lành, tốt vi diệu đều ở trong pháp ta ra. Bài kệ tán Phật nói :

*Các lời nói lành ở đời,
Đều từ Phật pháp ra !
Nói lành không lối
Không qua lời Phật.
Tất cả đều là
Thừa của Phật pháp.
Trong các ngoại đạo
Vĩ có lời tốt
Như sâu ăn gỗ
Chợt được thành chữ
Pháp đầu, giữa, cuối
Tự cùng phá nhau
Như sắt ra vàng
Ai sẽ tin ấy.
Như trong y lan,
Ngưu đầu chiên đàn
Như trong giống đấng
Sinh quả ngon ngọt.
Vĩ hay tin ấy
Người ấy cứ tin*

Tự ra lời tốt

Các lời tốt thật

Đều từ Phật ra.

Như hương chiên đàn

Núi Ma-lê-ra.

Lại nữa, "Nhu Thị Ngã Văn" là Ngài A Nan và đệ tử của Phật nói. Vào tướng Phật pháp gọi là Phật pháp. Như khi Phật sắp vào Niết Bàn nằm quay đầu về phương bắc, ở giữa cây Sa La song thụ, Ngài A Nan là thân thuộc, chưa trừ được lòng yêu, chưa lìa được lòng dục, nên tâm ngụp ở bể ưu ái ! Bấy giờ, trưởng lão A Nậu Lô Đà bảo Ngài A Nan rằng : "Ông là người giữ Phật pháp tạng, không nên buồn khổ như người phạm, Phật giao phó Pháp Tạng cho ông, nay ông lo buồn làm hỏng việc đã nhận. Ông hãy hỏi Phật khi Phật vào Niết Bàn, chúng ta hành đạo như thế nào, lấy ai làm thầy ? Ác khẩu Xa Nặc làm sao ở chung ? Nói lời gì ở đâu Kinh Phật, như thế những việc ở đời vị lai phải đem hỏi Phật. Ngài A Nan nghe xong chợt tỉnh tâm mê, nằm ở giường sau lưng Phật, đem việc ấy hỏi Phật, Phật bảo Ngài A Nan : Sau khi ta diệt độ, Tỳ Khuru tự y chỉ, pháp y chỉ, bất dư y chỉ.

Tỳ Khuru quán trong thân, thường nhất tâm niệm trí huệ, cần tu tinh tiến, trừ cái tham, lo của thế gian ; quán ngoài thân, trong ngoài thân cũng như thế. Thụ, tâm, pháp, niệm, xứ, cũng lại như thế. Đó là tự y chỉ. Từ ngày nay lấy giới luật làm thầy, đó là pháp y chỉ bất dư y chỉ. Như Giải Thoát Giới Kinh nói : Nghiệp thân, nghiệp miệng nên làm như thế. Sau khi ta vào Niết Bàn, Tỳ Khuru Xa Nặc nếu phạm lỗi nên như pháp mà trị, nếu tâm nhu phục thì dạy Kinh San Đà Ca Chiên Duyên sẽ đắc đạo. Ta, ba A Tăng Kỳ kiếp tập pháp bảo tạng ! Đầu tạng thì làm lời nói : Nhu Thị Ngã Văn, Nhất Thời Phật ở phương . . . , nước . . . , xứ Chư Phật đời quá khứ đều xưng lời nói ấy ở đâu các Kinh. Chư Phật ở đời vị lai cũng xưng lời nói ấy. Nay sau khi Như Lai vào Niết Bàn, đầu Kinh cũng phải xưng "Nhu Thị Ngã Văn, Nhất Thời . .

." Thế nên biết là lời Phật dạy, không phải Phật tự nói : Như Thị Ngã Văn.

Lại nữa, vì muốn cho Phật pháp ở thế gian lâu dài, nên Ngài đại Ca Diếp và các vị A La Hán hỏi Ngài A Nan : Phật bắt đầu thuyết pháp ở đâu ? Và nói những pháp gì ? Ngài A Nan đáp : Tôi nghe một thời, Phật ở nước Ba La Nại, trong vườn nai, vì năm vị Tỳ Khưu nói bốn Thánh Đệ. Tôi vốn không tự tai được nghe, pháp này do chính ức niệm được tỏ con mắt trí huệ mà biết. Trong Kinh nói rộng, như trong tập pháp nói : Khi Phật nhập Niết Bàn, đất sáu thứ chấn động, nước sông chảy ngược, gió thổi mạnh, mây đen bốn phía bốc lên, sao băng khắp chỗ, sấm sét, ác thú gào thét, trời người thấy đều khóc lóc mà nói rằng : Phật vào Niết Bàn sao mà chóng thế, con mắt của thế gian đã mất rồi ! Thảo mộc, cây thuốc, hoa lá tan tác, núi Tu Di Vương nghiêng động, sông ngòi khuấy đục, rất đáng sợ. Trời người buồn bã, thiên nữ nứt nở, ghen ngào, các vị Thánh nhân hữu học lặng lẽ không vui, các bậc vô học niệm các pháp hữu vi thấy đều vô thường, như thế hết thấy trời, người, A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già và các Long Vương đều ưu sầu ! Các vị A La Hán đã qua biển già, bệnh, chết tâm niệm rằng :

*Đã qua phạm nhân, sông ân ái !
Sổ già bệnh chết, đã xé tan.
Thấy thân núp trong bốn rắn lớn !
Nay vào vô dư Niết Bàn.*

Các đại A La Hán đều tùy ý ở các nơi xả thọ, vào Niết Bàn. Lại có các A La Hán bay trong hư không hiện các phép thần biến khiến cho người đời sinh lòng thanh tịnh rồi mới vào Niết Bàn. Từ sáu cõi trời dục đến trời Biến Tịnh, thấy các A La Hán vào diệt độ, tâm niệm rằng : Mặt trời đã lặn, các vị đệ tử có thiên định, giải thoát, trí huệ cũng tự diệt độ trước, các vị thầy thuốc pháp diệt sớm thế, lấy ai là người chữa bệnh dâm, nộ, si cho chúng sinh ? Trong biển vô lượng trí huệ sinh ra các hoa sen đệ tử nay đã khô cạn, cây thuốc pháp đổ gãy, mây pháp tan diệt, người buôn pháp đã đi qua, theo ai cầu pháp bảo ? Như kệ nói :

*Phật đã vĩnh diệt vào Niết Bàn !
Các diệt kết chúng cũng đã qua
Thế giới như thế thành vô trí
Si mê càng thêm, đèn trí diệt.*

Bấy giờ, chư thiên lễ dưới chân Ngài đại Ca Diếp mà nói kệ rằng :

*Cao niên dục, sân, mạn đã trừ
Hình dáng ví như cây vàng tía
Trên dưới đoan nghiêm nhiệm khó sánh
Mắt sáng thanh tịnh như hoa sen.*

Tán thán rồi, bạch Ngài Ca Diếp rằng : Đại Đức Ca Diếp ! Nhân giả biết không ! Thuyền Phật pháp muốn vỡ, thành pháp muốn đổ, bể pháp muốn cạn, phương pháp muốn rơi, đèn pháp muốn tắt, người nói pháp muốn đi, người hành đạo ít dần, sức kẻ ác chuyển mạnh, phải lấy đại từ đáp xây Phật pháp !

Bấy giờ, Ngài Ca Diếp tâm như bể lớn vắng lặng chẳng động, hồi lâu mới đáp : Lời các ông đều lành, thật như thế, không lâu cõi thế gian vô trí, mù tối. Rồi Ngài đại Ca Diếp yên lặng nhận lời thỉnh. Chư thiên lễ dưới chân Ngài Ca Diếp rồi biến mất.

Lúc đó, Ngài Ca Diếp suy nghĩ rằng : Ta nay làm sao cho Phật pháp ba A Tăng Kỳ kiếp khó có được mà ở lâu nơi thế gian ! Muốn cho pháp ấy có thể ở lâu được thì phải kết tập ba Tạng Pháp để truyền lại cho đời sau. Phật đời đời cần khổ lành thương chúng sinh, vì họ nói pháp, ta nay cũng theo lời Phật dạy mà tuyên dương mở dạy. Nói rồi, Ngài đi lên đánh núi Tu Di đánh kiền chùy và nói kệ rằng :

*Các đệ tử Phật
Nếu nhớ tưởng Phật
Thì báo ân Phật
Chớ vào Niết Bàn !*

Lúc đó giọng Ngài đại Ca Diếp và tiếng kiền chùy vang đến ba ngàn đại thiên thế giới, các vị đệ tử có thần lực đều đến họp chỗ Ngài Ca Diếp. Ngài Ca Diếp nói với đại chúng rằng : Phật ba A Tăng Kỳ kiếp cần khổ lành thương chúng sinh học được pháp này, nay Phật vào Niết Bàn rồi, các đệ tử biết pháp, trì pháp, tụng pháp ấy cũng đều theo Phật diệt độ. Chúng sinh đời sau mất con mắt trí huệ, ngu si, mù tối, rất đáng thương xót ! Chúng ta phải nên thể theo lời dạy của Phật, đợi kết tập Kinh xong, lúc đó tùy ý diệt độ. Mọi người đồng ý ở lại họp. Bấy giờ Ngài Ca Diếp chọn được một ngàn vị, trừ Ngài A Nan, đều là A La Hán, đã được sáu thần thông, cộng giải thoát, vô nghi giải thoát, ba minh, thiên định tự tại, có thể hành tam muội thuận nghịch tự tại, vô ngại, đọc tụng Tam Tạng, biết kinh thư nội ngoại, mười tám thứ kinh của ngoại đạo cũng đọc biết hết và có thể luận bàn chiết phục các phái học khác.

(còn tiếp)

PHÁP GIỚI CỦA A TU LA

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tu la tính bạo
Hữu phước vô quyền
Hiếu dũng đấu lang
Phù trầm nghiệp khiên.

Tạm dịch :

*Tu la tính dữ
Có phước không quyền
Ưu thích đấu tranh
Trôi nổi theo nghiệp.*

A tu la là tiếng Phạn dịch là "vô đoan chính", vô đoan chính tức là xấu xí. Song le chỉ là nam A tu la tướng mạo xấu xí, ngược lại nữ A tu la tướng mạo rất xinh đẹp. Tính của nam A tu la rất thích đấu tranh, đấu tranh bên ngoài, tính của nữ A tu la cũng thích đấu tranh nhưng đấu tranh bên trong, chẳng phải đấu tranh bên ngoài. Thế nào là đấu tranh bên trong ? Tức là dùng vũ khí tâm để đấu tranh, đó là đố kỵ, chướng ngại, vô minh, phiền não.

Loài chúng sinh này có khi được liệt vào trong ba đường lành tức là trời, người, A tu la ; có khi liệt vào bốn đường ác đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la.

Ở trong loài súc sinh cũng có A tu la, trong loài người cũng có A tu la, trên trời cũng có A tu la ; loài ngạ quỷ cũng có A tu la. Riêng A tu la đã có một pháp giới, song vẫn thông với ba pháp giới khác, cho nên ở trong bốn loài này đều có A tu la. Nói tóm lại, bất cứ ở trong loài nào mà chúng thích đấu tranh, tính nóng giận lớn, muốn làm ông chủ, muốn làm chỉ huy người khác mà không muốn họ chỉ huy mình, muốn quản lý người mà không muốn người quản lý mình, đó đều là biểu hiện của A tu la. Nếu bạn chưa thấy A tu la thì tôi có thể nói cho bạn biết. A tu la gồm có A tu la thiện và A tu la ác. A tu la thiện tức là quân đội, binh, tướng của quốc gia,

đó đều là A tu la. A tu la ác là đảng cướp, trộm cướp, giết người, đánh người, đó đều là A tu la. Đó đều ở trong loài người chúng ta đều thấy.

Trên trời cũng có A tu la. A tu la trên trời thì đánh với binh trời tướng trời, suốt ngày đến tối cứ muốn chiếm ngôi vị trời Đế Thích, muốn lật đổ trời Đế Thích để cho y làm Đế Thích. Nhưng đánh đi đánh lại chúng cũng đều thua. Tại sao ? Vì chúng có phước trời mà không có quyền lực ; chúng có thể ở trên trời hưởng phước trời nhưng chẳng có quyền lực, cho nên tuy đánh với binh trời tướng trời nhưng trước sau vẫn thua.

Trong loài súc sinh cũng có A tu la sao ? Phải đó ! Súc sinh A tu la như là cọp, sư tử, sói lang, đó đều là A tu la ở trong loài súc sinh. Loài A tu la này tự phụ những loài súc sinh khác. Sói, cọp, sư tử đều bắt những súc sinh khác ăn thịt. Tại sao chúng phải ăn loài súc sinh khác ? Vì chúng có tính A tu la. Ngoài ra rắn, chim ưng cũng là A tu la.

Nói tóm lại, A tu la tức là không nói về đạo lý, nóng giận hung hăng, bất cứ đối với ai cũng luôn luôn nổi nóng. Trong loài quỷ cũng có A tu la, thứ A tu la này cũng tự phụ những quỷ khác.

Trong loài quỷ cũng có quỷ thiện và quỷ ác. Quỷ ở trong quỷ ác cũng không nói đạo lý. Bỏ lại quỷ thì không nói đạo lý, song quỷ A tu la càng không nói đạo lý ! Cho nên nói "Tu la tính dữ", tính của chúng rất hung dữ tàn bạo.

"Có phước không quyền". Chúng chỉ có phước trời mà chẳng có quyền lực. Chúng muốn tranh quyền đoạt lợi, song vẫn tranh không được.

"Chuyên thích đấu tranh". Chúng thích đấu tranh với người. Bây giờ bạn thấy trên thế giới

này đều là A tu la giới, đều nói về đấu tranh, đấu tranh về vấn đề này, đấu tranh về vấn đề kia, đánh giết với nhau.

Ông Lâm Bưu (kế thừa Mao Trạch Đông) của Trung Quốc là sói lang tái sinh, cho nên ác vô cùng, y có thể chỉ huy trăm vạn đại quân, y có phương pháp khiến cho họ đều phục tùng vâng theo. Chu Ân Lai kiếp trước là người, y là người rất thông minh vô cùng, có thể thông minh hơn Gia Cát Lượng, cho nên thế giới suy sụp mà y vẫn lập vững lên được.

Tôi đã nói những bí mật này khoảng năm sáu năm về trước, nhưng các bạn không chú ý. Bây giờ có người hỏi : "Hòa Thượng biết ông Lâm Bưu là sói lang, còn Chu Đức (phó chủ tịch đảng cộng sản Trung Quốc khi Mao Trạch Đông làm chủ tịch). Chu Đức là sư tử. Lại có người hỏi : "Còn tôi là gì?" Bạn là bạn, tôi là tôi. Tôi chỉ nói những người nổi tiếng trên thế giới, người không nổi tiếng thì miễn nói.

Cho nên đó đều là A tu la, chúng chuyên thích đấu tranh, đấu tranh một trăm năm, hai trăm năm, ba trăm năm, năm trăm năm, một ngàn năm mà không biết mệt ! Cho nên Phật pháp đến thời kỳ đấu tranh kiên cố là thời đại mạt pháp này.

Song, chúng ta mọi người phải phát nguyện : "Chúng ta không muốn mạt pháp, chúng ta phải chánh pháp ! Chúng ta đi đến đâu thì nơi đó biến thành chánh pháp" ! Nếu chúng ta phát nguyện này thì dù thời mạt pháp, nhưng chúng ta đi đến đâu thì nơi đó sẽ biến thành chánh pháp. Nếu

ai ai cũng phát nguyện này thì ai ai cũng đều thành tựu nguyện này. Đến thời đại mạt pháp mà làm cho biến thành chánh pháp, đó gọi là trời đất đảo ngược, làm cho trời đất chuyển mình.

"Chìm nổi theo nghiệp". A tu la hoặc sinh cõi trời, hoặc ở trong loài người, loài súc sinh, loài ngựa quý đều do nghiệp lực dắt dẫn, mới khởi hoặc tạo nghiệp, thọ báo, cho nên nói chìm nổi theo nghiệp, do nghiệp lực dắt dẫn. Người tu hành nên nhớ đừng tranh với ai, đừng có nóng giận thì lìa khỏi sự quan hệ với A tu la.

Nếu phân tích tỉ mỉ về A tu la thì trong chín pháp giới có năm pháp giới đều có A tu la. Ở trong pháp giới súc sinh, loài biết bay thì có A tu la biết bay, loài biết đi thì có A tu la biết đi, ở trong nước thì có A tu la ở trong nước như cá sấu. Ngựa cũng có A tu la, do đó "ngựa hại bầy", có thứ ngựa này ở đâu thì bầy ngựa chẳng được yên, luôn luôn quấy nhiễu. Còn bò ? Bò đa số cũng là A tu la, bạn thấy trên đầu bò có hai cái sừng, đó là biểu thị tính ương ngạnh, dùng để chọi vật khác, đó là tính A tu la. Còn chó càng là A tu la ! Cho nên ai thích nuôi chó tức là gần gũi với A tu la ; bạn gần gũi A tu la thì tương lai sẽ gần gũi A tu la, gần gũi thì sẽ có nguy hiểm ; e rằng sẽ đi vào con đường A tu la. Các bạn phải đặc biệt chú ý, coi chừng đừng đi vào đường A tu la.

0 : Tỉ tính Cải quang minh tăng

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, lưu chuyển trong sinh tử luân hồi, chuyển lại chuyển đi, cũng chuyển chẳng ra khỏi sinh tử luân hồi. Giống như hạt bụi, trôi nổi không ngừng, lúc lên trời, lúc ở dưới đất, lúc làm người, lúc làm A tu la, lúc làm súc sinh, lúc làm ngựa quý. Đây là chẳng có bắt đầu, cũng chẳng có kết thúc.

Khi nào chúng quả vị Phật thì lúc đó thoát khỏi khổ luân hồi. Trước khi chưa thành Phật thì vẫn lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Bồ Tát còn có mê cách ám, A La Hán còn hôn mê lúc trụ thai. Pháp thân Đại Sĩ thị hiện nhân gian phổ độ chúng sinh, có lúc cũng bị theo dòng sinh tử, làm cho đầu não hôn mê, chẳng biết làm thế nào để dứt sinh tử.

Vô thủy thì chẳng có bắt đầu, vô chung thì chẳng có kết thúc. Giống như số 0, chẳng có bắt đầu cũng chẳng có kết thúc, nó là một nguyên hoá. Nếu như phá vỡ số 0 thì sẽ thành số 1, tức là có bắt đầu. Bắt đầu gì ? Bắt đầu số mục. Có 1 rồi thì lại thêm một trở thành 2, lại thêm 1 trở thành 3. Tiếp tục thêm 1 thì thành 10, thành 100, thành vạn... Từ vạn biến hoá thành ức, từ ức biến hoá thành triệu, cho đến số nhiều bất tận.

Hiện nay là thời đại khoa học, có thể lực ngày đi ngàn dặm, ngày tháng đổi khác. Dùng hoả tiễn bay lên vệ tinh, vận hành trong quỹ đạo hư không chẳng nghỉ. Thuyền thái không này với thuyền thái không kia có thể tiếp hợp ở trong hư không, đây đều là tác dụng của sự bắt đầu số mục. Dùng số mục để tính toán hội hợp kỹ thuật, dùng số mục để khống chế hội hợp thời gian. Cứ như thế mà phát triển chẳng có lúc nào kết thúc.

Lúc nào có thể kết thúc ? Hiện nay chưa thể biết được. Khi kết thúc thì sẽ đến kiếp không của thành, trụ, hoại, không bốn kiếp. Kiếp thành có hai mươi tiểu kiếp, trụ có hai mươi tiểu kiếp, hoại cũng có hai mươi tiểu kiếp, không cũng có hai mươi tiểu kiếp. Tám mươi tiểu kiếp làm một đại kiếp. Tuổi thọ của trái đất chỉ có một đại kiếp thời gian.

Chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, trước hết có người nam hay trước hết có người nữ ? Nếu như

trước hết có người nam, mà chẳng có người nữ thì làm sao có người nam ? Nếu như trước hết có người nữ mà chẳng có người nam thì làm sao có người nữ ? Đây tức là bắt đầu, chẳng biết từ nơi nào bắt đầu.

Hoặc trước hết có gà ? hay trước hết có trứng ? Vấn đề này cũng là đạo lý nghiên cứu chẳng minh bạch. Vậy cứu kính thì như thế nào ? Có thể nói rằng đều do từ trong số 0 mà ra. Cho nên nói số 0 này là vô thủy vô chung, không trong không ngoài, không lớn không nhỏ. Nếu thu nó nhỏ lại thì là một hạt bụi ; nếu phóng lớn ra tức là một pháp giới. Tận hư không khắp pháp giới, chẳng vượt ra ngoài số 0 này. Số 0 này là gốc sinh sinh hoá hoá, là chân không diệu hữu của vô thủy vô chung. Số 0 này phóng lớn ra là chân không, thu nhỏ lại là diệu hữu.

Chân không diệu hữu, tức là chân không chẳng không, hay sinh diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu, chẳng ngại chân không. Không, hữu chẳng hai, tức không tức hữu, tức hữu tức không, đây tức là trung đạo liễu nghĩa, tức cũng là chân thật nghĩa của pháp đại thừa.

Số 0 này, khi chưa bắt đầu, tức là chân không diệu hữu. Chân không này chẳng phải ngoan không, diệu hữu này chẳng phải thật hữu, mà là trung đạo viên dung vô ngại, chẳng lệch về bên nào. Các vị ! Nếu minh bạch đạo lý này thì sẽ minh bạch pháp chân thật. Nếu chẳng minh bạch pháp này thì là người hồ đồ, người chẳng có trí huệ chân chánh.

Số 0 này nếu bắt đầu thì nó là trí huệ đại quang minh. Nếu chẳng bắt đầu thì nó là vô minh đại đen tối. Vô minh cũng là số 0 này, trí huệ cũng là số 0 này. Số 0 này, lớn mà chẳng ngoài, nhỏ mà chẳng trong. Nói rộng ra thì chẳng có gì lớn bằng nó ; nói hẹp lại thì chẳng có gì nhỏ bằng nó. Số 0 này lớn mà hoá, là nguồn gốc thanh tịnh, tính diệu chân như ; nhỏ mà tàng, là một niệm vô minh ban đầu. Đây là giải thích vô thủy (chẳng có bắt đầu).

Tại sao chúng ta lưu chuyển trong sinh tử luân hồi ? Vì chẳng thấu hiểu pháp chân thật. Cho nên các Đức Phật thấy chúng sinh quá thương xót mà vì chúng sinh phát tâm đại bi, xuất hiện ra đời, giáo hoá tất cả

chúng sinh lia khổ được vui, phát tâm bồ đề, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, tu đạo vô thượng.

Chúng ta thọ quả báo trong luân hồi là vì trong tâm chúng ta đã tạo thành thứ nghiệp đó, mới thọ quả báo đó. Tóm lại, trong quá khứ khởi vọng tưởng thiên đàng thì sinh về thiên đàng ; khởi vọng tưởng địa ngục thì đọa vào địa ngục. Nếu tạo tội nghiệt thì đọa vào ba đường ác. Nếu tạo công đức thì sinh về ba đường lành. Đây là nói tóm lược, nếu nói tỉ mỉ thì hết thuở vị lai cũng nói chẳng hết được.

Thế giới này là do vọng tưởng của chúng sinh tạo thành. Nếu chúng sinh chẳng có vọng tưởng thì thế giới này sẽ không. Vì chúng sinh chưa minh bạch hiểu rõ pháp chân như thật tướng, pháp chân không diệu hữu, cho nên thế giới này mới tồn tại.

Pháp chân không diệu hữu tức là số 0. Thế giới là do số 0 mà sinh ra, chúng sinh cũng do số 0 mà sinh ra. Hết thấy tất cả đều do số 0 mà sinh ra. Vì số 0 chẳng có số nội, chẳng vượt ra số ngoại. Phóng ra thì di lục hợp, cuộn lại thì thối tàng nơi mật. Tức cũng là cảnh giới vô thủy vô chung, không trong không ngoài, không lớn không nhỏ.

Pháp chân thật này tức là chân không diệu hữu. Chân không chẳng không. Tại sao chẳng không ? Vì nó có diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu. Tại sao chẳng hữu ? Vì nó có chân không. Do đó :

*"Chân không chẳng ngại diệu hữu,
Diệu hữu chẳng ngại chân không".*

Đạo lý này có thể giải quyết được vấn đề người nam có trước hay người nữ có trước ; gà có trước hay trứng có trước ? Những vấn đề nan giải này, dung số 0 để giải quyết thì tất cả vấn đề đều nghênh nhận mà giải.

Tại sao trong chân không hay sinh ra diệu hữu ? Hay hiện ra tất cả ? Mà trong diệu hữu vẫn chẳng lia khỏi chân không ? Cảnh giới này trước khi chưa được pháp môn tâm ấn của chư Phật thì chẳng thể nào minh bạch. Nếu minh bạch pháp môn dùng tâm ấn tâm của chư Phật thì sẽ minh bạch pháp môn chân thật này.

Pháp môn chân thật này ở trong tự tính vốn có, không cần tìm cầu bên ngoài. Nếu tìm cầu bên ngoài thì dù trải qua tám vạn đại kiếp cũng tìm chẳng được. Nếu hồi quang phản chiếu thì sẽ thấy

được. Do đó "Biển khổ vô biên, hồi đầu là bờ". Nói tóm lại, truy cầu bên ngoài, tức là biển khổ vô biên. Tìm cầu bên trong, tức là hồi đầu là bờ.

Chúng ta suốt ngày đến tối, điên điên đảo đảo, vọng tưởng lăng xăng, chạy theo sáu căn và sáu trần, chẳng minh bạch diệu pháp chân thật. Chư Phật ở trong cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang, ngồi kiết già nhập định. Ở trong định quán sát tất cả chúng sinh, hoàn toàn ngu si, thật đáng thương xót, chấp đông chấp tây, lấy khổ làm vui, chẳng biết bỏ mê về với giác ngộ, chẳng biết bỏ vọng về với chân thật, chẳng biết trở lại cầu nơi chính mình. Cho nên chư Phật từ bi, ở trong định có thể đến thế giới phổ độ chúng sinh có duyên, chỉ bày bờ mê, khiến cho họ hồi đầu. Đáng tiếc, chúng ta truy đuổi vọng duyên mà chẳng nhận thức được pháp chân thật. Phật "khổ khẩu tâm bà" vì chúng ta thuyết pháp, chẳng nhằm mỗi giáo hoá chúng sinh, song chúng ta chẳng nghe lời, quá ngu si, chẳng những chẳng y pháp tu hành mà ngược lại thối lùi về sau, chẳng nghe lời vàng ngọc của Đức Phật. Phật lại nghĩ biện pháp đến ở trước chúng ta để điều phục chúng sinh càng càng khó độ. Đây là nguyên nhân Phật xuất hiện ra đời.

Pháp chân thật này không thể phá hoại được, thiên ma ngoại đạo cũng chẳng cách chi phá hoại được. Tại sao ? Vì chánh pháp kiên cố như kim cương, cho nên không thể phá hoại được. Nếu bị phá hoại thì chẳng phải là pháp chân thật.

Đại tự tại đại quang minh này có thể thị hiện khắp tất cả thế gian. Đại quang minh tạng này chỉ bày pháp môn liễu sinh thoát tử, phá trừ vô minh, hiển hiện pháp môn pháp tính quang minh vốn có.

Các vị ! Nếu chẳng tin thì có thể thử xem. Đến lúc đó bạn chẳng có cách chi mà không tin, không tin cũng tin, vì nó là như thế, có phương pháp gì không tin chẳng ?

Đại quang minh tạng này chính mình vốn có, chứ chẳng phải người khác bố thí cho bạn, cũng chẳng phải chư Phật gia bị cho bạn, mà là chính bạn tự có đầy đủ. Đại quang minh tạng này tức là chân như thật tính. Nếu tu hành pháp chân thật thì có thể chuyển thức A Lại Da (thức thứ tám) thành đại viên cảnh trí, chấm dứt sinh tử. Nếu chẳng nhận chân tu hành thì chủng tử của thức A Lại Da theo nhân duyên có với cha mẹ mà đi đầu thai, sinh sinh không ngừng ; vĩnh viễn chẳng ngừng thì chẳng được giải thoát.

VỌNG TƯỚNG KHÔNG ĐOẠN THÌ KHÔNG THỂ KHAI NGỘ[?]

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Mục đích tham thiền là vì khai mở trí huệ, cầu giải thoát. Phải chuyên tâm nhất chí để tham "Niệm Phật là ai ?" Tham đến cực điểm thì tất cả vọng tưởng đều bặt, chẳng còn nữa. Ăn cơm, mặc y áo, ngủ nghỉ đều quên hết, thậm chí đại tiểu tiện cũng quên luôn. Lúc này, gió thổi không lay, mưa cũng chẳng lọt, miên mật niệm chữ "ai". Một niệm này kiên cố như kim cương, gì cũng chẳng phá hoại được. Trên chẳng biết có trời, giữa chẳng biết có người, dưới chẳng biết có đất. Đến cảnh giới không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng. Tức cũng là trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới, hợp với vũ trụ mà làm một thể, đả thành một phiến.

Thời xưa các bậc cao Tăng Đại Đức đều tu đến trình độ một niệm không sinh. Do đó có câu :

*"Suốt ngày ăn cơm chưa ăn một hạt gạo,
Suốt ngày mặc y chưa mặc một sợi tơ".*

Đến cảnh giới không ta không người, thì còn có thời gian khởi vọng tưởng chẳng ? Nhận rằng lãng phí một chút thời gian thì bỏ lỡ cơ hội khai ngộ. Cho nên liêu mạng tham "Niệm Phật là ai ?" Tìm chẳng được chữ "ai", thì vĩnh viễn không nghĩ. Tìm chữ "ai" tức là biện pháp khống chế vọng tưởng tốt nhất.

Tại Chùa Cao Môn ở Dương Châu, có vị lão Hoà Thượng Diệu Độ, lúc ban đầu Ngài tham thiền thì tham đến trình độ "Đi chẳng biết đi, đứng chẳng biết đứng, ngồi chẳng biết ngồi, nằm chẳng biết nằm", gì cũng chẳng suy nghĩ, chỉ nghĩ "Niệm Phật là ai ?"

Một ngày nọ, muốn đi tiểu tiện, vì chuyên tâm tham chữ "ai", tham miên mật, cho nên đi làm đến điện Thiên Vương, ở trước bàn thờ Bồ Tát Vi

Đà tiểu tiện, lúc đang muốn tiểu thì ngẩn đầu lên thấy Bồ Tát Vi Đà trừng mắt, tay cầm chày búa, làm Ngài tỉnh táo, biết là đi làm đường, lập tức đánh lễ Bồ Tát Vi Đà, sám hối lỗi lầm, mong Bồ Tát tha thứ.

Tại sao hay có trường hợp như vậy ? Vì thiền sư Diệu Độ dụng công chuyên tâm, nhất tâm nhất ý tham chữ "ai", ngoài ra chẳng biết gì, cho nên làm điện Thiên Vương là nhà cầu. Có người đang khởi vọng tưởng, tôi cũng học thiền sư Diệu Độ, không đi nhà cầu tiểu tiện mà đến dưới đài Quán Âm tiểu tiện. Cố ý làm như thế thì cách xa đạo mười vạn tám ngàn dặm. Phải biết thiền sư Diệu Độ chẳng phải học hành vi của người nào, mà là một lòng tập trung tham "Niệm Phật là ai ?", cho nên mới có hiện tượng như thế. Bạn muốn cố ý học đi làm đường thì hoàn toàn sai lầm, nghĩa là có tư tưởng như thế thì không thể được.

Do đó có câu : "Sai một ly, đi ngàn dặm". Trong thiền đường chẳng dụng công tu hành, ngồi ở đó khởi vọng tưởng ăn uống, chưa đến giờ ăn cơm thì trong bụng đói chẳng chịu được. Thậm chí có người đếm thời gian, đã qua mười hai ngày rồi, còn chín ngày nữa thì công đức viên mãn. Người ta đả thiền thất là hy vọng thời gian càng dài càng tốt, có thể có cơ hội khai ngộ ; anh ta ngồi trong thiền đường mà giống như ngồi trên cây kim, thời khắc chẳng an ổn, chẳng dũi chân thì ngã lưng. Người ta đang nhập định, còn anh ta thì nhập phi phi, vọng tưởng trùng trùng. Tức nhiên là như thế, hà tất đến đả thiền thất để làm gì ? Song, muốn tu đạo, muốn chấm dứt sinh tử thì hãy treo hai chữ sinh tử ở giữa lòng mày, mở mắt thì thấy vấn đề sinh tử, nhắm mắt cũng không quên vấn đề sinh tử. Phải từ từ dụng công tu hành thì mới có thể chấm dứt sinh tử. Bạn ở tại thiền đường chẳng phải là từ từ chấm dứt sinh tử, mà là từ từ khởi vọng tưởng, e rằng vọng tưởng khởi ít thì chẳng đủ, đây thật là đáng thương xót.

Người dụng công tu đạo, một giây cũng không khởi vọng tưởng, do đó có câu : "Việc lớn chưa rõ, như tang cha mẹ". Việc lớn sinh tử chưa xong thì bị ai giống như cha mẹ đã mất. Do đó, lúc tham thiền một phút một giây cũng đừng để trôi qua lãng phí. Giờ giờ phút phút dụng công tu hành. Dụng công đến hoá lò trụng thanh thì tự nhiên sẽ có cảm ứng. Có cảm ứng rồi thì công phu mới tương ứng, tức là đã khai ngộ, cũng phải tiếp tục hướng về trước, không thể giải đãi lười biếng, hoá thành tự khốn, đến đây là

ngừng, chẳng tiến về trước. Có tư tưởng như thế, tức là hòn đá cột chân sự tu đạo.

Vọng tưởng rõ ràng biết mà làm chẳng được, sao lại còn muốn khởi ? Rõ ràng biết là vọng tưởng, sao không thu thập cho sạch sẽ ? Đây là tập khí mao bệnh của một số người, biết rõ mà cố phạm.

Thời gian đả thiền thất quý giá nhất, là cơ hội tốt chẳng dễ gì gặp được. Trong thời gian đả thiền thất hãy quét hết tất cả vọng tưởng lên chín tầng mây, để cho tâm được thanh tịnh, chuyên niệm "Niệm Phật là ai ?" Mọi người hãy nỗ lực để tham ! tham ! tham !

CUỘC ĐỜI TÔN GIẢ XÁ LỢI PHẬT

Soạn Giả : Nyanaponika Thera
Dịch Giả : Nguyễn Điều

Tiếp theo kỳ trước

Tìm Thầy Học Đạo

Nhưng Upatissa (Xá Lợi Phật) lại nghĩ : "Giờ phút này không tiện để cho ta đặt những câu hỏi như vậy, vì Ngài còn đang khát thực trên đường phố. Tốt hơn ta nên theo sau Ngài như một người ngưỡng mộ". Và rồi Upatissa đã thực hiện ý của mình.

Sau khi vị trưởng lão khát thực xong, Upatissa lại thấy Ngài dời chân đến một nơi khác, dường như với ý định chọn nơi thanh vắng để dùng bữa. Ông ta bèn tiến nhanh đến phía trước sửa soạn cho Ngài một chỗ ngồi bằng chiếc toạ cụ của chính ông đã mang theo, rồi ông cung kính dâng đến trưởng lão Assaji (Tỳ Kheo Mã Thắng). Khi Ngài dùng bữa xong thì Upatissa liền dâng đến Ngài nước rửa tay lấy từ trong bình đựng nước của ông ta, và cùng một cách như thế, ông đã lo lắng cho Ngài bằng tất cả cử chỉ của một người đệ tử đối với bậc thầy.

Sau khi trao đổi với nhau với những lời chào hỏi thông thường, lịch sự và lễ phép, Upatissa nói : Kính đạo sĩ, nét mặt của Ngài thanh tịnh quá. Phong thái của Ngài sao mà trong sạch sáng sủa thế. Kính đạo sĩ, vậy Ngài đã theo vị nào để trở thành thoát tục ?

Và ai là thầy của Ngài, cũng như Ngài đã thọ giáo ra sao ?

Ngài Assaji đáp : Này đạo hữu ! Đúng vậy, chính vị giác ngộ, người con cao quý của dòng Thích Ca chính là Bổn Sư của bản đạo. Đi trên con đường của Ngài, bản đạo đã tiến hoá. Đức Thế Tôn ấy là bậc đã giải thoát, và cũng nhờ Pháp bảo của Ngài mà bản đạo đã được thanh tịnh.

Thưa đạo sĩ ! Vị đại phúc ấy chắc phải thông rõ vạn pháp và Ngài phải học có bao nhiêu mới đạt được thanh tịnh như thế ?

Bị chất vấn như vậy, vị trưởng lão Assaji bèn tự nghĩ rằng : Những học giả du phương này thường không hiểu pháp Ba La Mật của Đức Phật. Ta sẽ chỉ cho ông ta rõ pháp Ba La Mật cao dày như thế nào ? Vì vậy Ngài nói : Dù sao bản đạo hãy còn trên bước đường tu tập. Con đường giải thoát mà bản đạo đã đi kể từ khi xuất gia đến giờ chưa xa mấy. Bản đạo chỉ mới bước được vài bước thuộc vào những bước mở đầu trong giáo lý và phẩm hạnh này. Bản đạo không thể giải nghĩa Pháp bảo của Đức Thế Tôn cận kề đến đạo hữu được.

Người tâm đạo ấy liền thưa : Kính Đại Đức ! Tôi tên là Upatissa, đang quyết tâm tìm đạo. Xin Ngài làm ơn chỉ dẫn cho tôi tùy theo khả năng của Ngài. Dù nhiều hay ít tôi cũng vẫn kính cẩn lắng nghe. Nếu là chánh pháp thì chỉ một câu đã giúp cho người thành tâm tìm ra nẻo giải thoát.

Và ông ta năn nỉ tiếp : Xin Ngài chỉ dạy cho tôi theo sức hiểu biết của Ngài. Với ánh sáng giác ngộ dù chỉ le lói đi nữa, nó vẫn có giá trị và đầy đủ khả năng giúp cho người thiện tâm tìm ra con đường chân lý. Để đáp lại, trưởng lão Assaji ngâm kệ rằng :

*"Vạn pháp đều sinh ra bởi một nhân
Đức Thế Tôn đã chỉ rõ nhân của nó
Ngài cũng dạy cho cách diệt tất
Nhân ấy*

Đó chính là Giáo Pháp của bậc đại Sa Môn" !

(còn tiếp)

XUÂN TRONG PHẬT MÔN

Mùa đông trôi qua thì mùa xuân lại đến, diễn tiến không ngừng. Mùa đông thì thời tiết lạnh lẽo, cây cỏ điêu tàn. Mùa xuân thì thời tiết ấm áp, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, vạn vật phát triển trở lại. Đó là do thời tiết thay đổi của vũ trụ, nên có sự phân ra bốn mùa. Về thời tiết thì có xuân hạ thu đông, bốn mùa trong một năm. Về không gian thì có sinh trụ dị diệt, bốn tướng thay đổi liên tục. Về con người thì có sinh già bệnh chết, định luật vô thường của tạo hoá.

Xuân đến là báo hiệu cuối năm cũ và đầu năm mới. Năm mới Tết đến, ai ai cũng nhộn nhịp, nhà nào cũng bận rộn, không khí đón xuân thật là tung bừng. Nhà cửa mới mẻ, bàn thờ đầy mâm cỗ, bánh trái, kẹo mứt đầy mâm, trẻ con thì đua mặc quần áo mới. Mong một Tết mừng tuổi ông bà, cha mẹ, rồi đến Chùa lễ Phật, lễ Tổ đầu năm, hái lộc, cầu nguyện cho năm mới sức khoẻ dồi dào, cuộc sống thịnh vượng, gia đình hạnh phúc . . . , đó là sự mong muốn của mỗi người, để cho một năm trôi qua, mọi chuyện đều được như ý.

Nhưng ngày mừng một Tết, còn có một ý nghĩa rất quan trọng trong Phật giáo, mà ít ai biết đến, đó là ngày "Vía của Đức Phật Di Lạc". Một vị Phật tương lai, sẽ ra đời thành Phật ở thế giới này để phổ độ chúng sinh. Ngài là vị Phật bổ xứ, hiện Ngài đang ở nội viện trên cung trời Đâu Suất, giáo hoá chúng sinh. Chờ nhân duyên chín mùi thì Ngài sẽ giáng phàm, giống như Đức Phật Thích Ca. Thế thì còn bao lâu nữa ? Còn lâu lắm, còn mấy triệu năm nữa cơ ! Khi nào tuổi thọ của con người sống đến bốn ngàn tuổi

thì lúc đó là lúc Ngài sẽ giáng phàm. (Hiện nay tuổi thọ của con người khoảng 70 tuổi, cứ mỗi một trăm năm thì giảm một tuổi, thân cao giảm một tấc. Giảm xuống còn mười tuổi thì ngừng. Rồi cứ một trăm năm lại tăng thêm một tuổi,

thân cao thêm một tấc, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì ngừng. Rồi cứ một trăm năm lại giảm xuống một tuổi, giảm xuống bốn ngàn tuổi thì Phật Di lạc sẽ xuất hiện ra đời).

Tại sao Ngài lại chọn ngày mừng một Tết làm ngày Vía của mình ? Chắc chúng ta ai ai cũng hình dung được hình dáng của Ngài là bụng thì mập mạp, tai thì dài, miệng lúc nào cũng cười toe toét, do đó :

*"Mặt to mắt lớn
Lúc nào cũng cười
Bụng phệ tai dài
Ai nhìn cũng vui".*

Ngài luôn luôn tươi cười, chẳng biết buồn bã là gì ! Suốt ngày đến tối đều hoan hỉ. Dù bất cứ ai mắng ngài, chửi rửa Ngài, vu oan, nhục mạ, Ngài vẫn điềm nhiên nhẫn chịu :

*"Bụng bự hay nhẫn,
Nhẫn thiên hạ những chuyện khó nhẫn".*

Khi nhẫn nại như vậy, Ngài không hề có tâm hiềm thù hờn hận. Bởi Ngài thấy rõ những chuyện đời chẳng thật, những lời khen, tiếng chê đều là giả, không thật. Khi thương thì họ khen, khi ghét thì họ chê, bởi đó là phàm phu, chưa vượt khỏi vòng đời đái thế gian, do đó Ngài :

*"Mở miệng liền cười
Cười trần gian những kẻ đáng cười".*

Ngài cười bởi Ngài thấy chúng sinh phàm phu cứ chấp trước vào danh lợi, đố kỵ với nhau, tranh giành với nhau, hãm hại lẫn nhau, rốt cuộc cuối cùng thì chẳng mang theo đi được gì cả, chỉ có nghiệp theo mình.

Trong quá khứ, Ngài đã hạ phàm, hiện thân làm một vị Hoà Thượng mập mạp. Đi lang thang đầu đường xó chợ, mang theo cái túi vải bố to tướng, để đựng những đồ khát thực được phân phát cho trẻ con. Hễ gặp trẻ con là Ngài lấy quà ra cho. Do đó trẻ con rất thích Ngài lắm, mỗi khi chúng Thấy Ngài là bu lại chung quanh để xin quà.

Tuy Ngài từ bi hay cười, nhưng Ngài còn có những đức tính nhẫn nhục ba la mật, tu khổ hạnh, sự độ lượng, thể hiện qua bài kệ :

*"Lão già mặc áo vá
Cơm lạt no đầy bụng
Áo vá che đỡ lạnh
Vạn sự hãy tùy duyên
Nếu ai mắng lão già
Lão già chỉ nói tốt
Nếu ai đánh lão già
Lão già nằm lăn ra
Khạc nhổ nơi mặt lão
Để nó khô tự nhiên
Lão già chẳng tốn sức
Họ cũng chẳng phiền não
Đó là Ba La Mật
Nếu làm được như thế
Lo gì đạo chẳng thành".*

Bài thơ trên thật là triết lý sâu xa vô cùng, Ngài mặc toàn là y áo vá lại, Ngài lượm những thứ vãi họ bỏ, đem may thành y áo để mặc, miếng sao đủ che lạnh là được, chẳng màng tốt xấu. Còn ăn uống thì có gì ăn nấy, miếng sao no bụng là được, vì Ngài thấu rõ rằng, thức ăn có ngon cách mấy, nuốt qua khỏi cổ đều trở thành dơ bẩn, miếng sao ăn no, nuôi sắc thân này để tu đạo là được. Mọi chuyện Ngài đều tùy duyên, chẳng tính toán suy nghĩ cho bận tâm, chuyện gì đến sẽ đến. Chuyện đến thì ứng, chuyện đi rồi thì lặng lẽ, thản nhiên. Nếu ai vô duyên vô cớ chưởi mắng Ngài, đánh đập Ngài, thì Ngài vẫn nhẫn nhục chịu đựng. Vì Ngài có tâm nhẫn nại và tâm từ bi tha thứ vô biên, không oán hận bất cứ ai, không để trong tâm bất cứ chuyện gì. Do đó mà tâm mới thanh tịnh yên vui. Ngài xem chúng sinh như chính bản thân mình, thấy chúng sinh khổ như chính mình khổ, thấy chúng sinh chưa chịu tu hành thì Ngài tìm cách kết duyên với chúng sinh, khiến cho họ tương lai có cơ hội tu hành giải thoát.

Ngài thị hiện ra đời để cho chúng sinh kết duyên, chúng sinh nào bây giờ tu hành tinh tấn thì chắc chắn tương lai sẽ có duyên gặp Ngài trong hội Long Hoa, được tu hành dưới sự hướng dẫn của Ngài. Nếu có nhân duyên sâu dày được gặp Ngài và tu hành thì chắc chắn sẽ được giải thoát. Muốn được như thế thì bây giờ chúng ta hãy học hạnh từ bi, hoan hỷ, nhẫn nhục, tha thứ . . . của Ngài, đừng để trong tâm bất cứ chuyện gì, thì thân tâm mới

thật sự khoái lạc an vui. Hơn nữa năm cũ sắp qua, thì chúng ta cũng nên giặt giũ quét sạch những rác rến, những chuyện quá khứ hãy để lại cho quá khứ, để cho thân tâm thanh tịnh an lạc, chuẩn bị đón mừng xuân mới, và rước Vía xuân Di Lạc đầu năm.

Ngài luôn luôn hoan hỷ tươi cười, đó là biểu hiện cho ngày xuân. Nếu như ngày nào cũng vui vẻ tươi cười, thì ngày nào cũng là ngày xuân !

MỌI SỰ NHẪN NHỤC ĐỀU CHỊU ĐƯỢC

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Trước hết chúc các vị năm mới khoái lạc!

Tôi vốn muốn đến đây rất sớm, nhưng Chùa Kim Sơn làm lễ khai quang, cũng có rất nhiều người xin hẹn gặp tôi, cho nên mỗi ngày đều có người đến gặp tôi, cho nên không có thì giờ đến đây được. Lần này nhàn rồi trong sự bận rộn. Tôi trước đến đây (Seattle), ngày mai sáng sớm phải đi Gia Nã Đại, Ôn Ta Hoa. Từ Ôn Ta Hoa lại đến Gia Cát Lý, thứ hai từ Gia Cát Lý lại đến Áo Châu Vưu Kim Thị. Vì đại học Vưu Kim Thị có một số mời tôi thuyết giảng.

Đến đây thấy các vị đều rất thành tâm lễ Phật, niệm Phật, lại còn lễ sớm. Như vậy thật quá tốt. Nhưng tôi nói với các bạn : "Bất luận bạn lay Phật cũng tốt, lễ sám cũng tốt, tụng Kinh cũng tốt, tức là làm cho tính nóng giận cải bớt". Người có tính nóng giận thì khổ. Người không có tính nóng giận thì an vui. Người có tính nóng giận thì có phiền não. Người không có tính nóng giận thì thường hoan hỷ. Sự nóng giận này là kẻ địch lợi hại nhất của chúng ta. Giống như người sinh ra các thứ bệnh. Tại sao lại sinh ra ? Vì có nóng giận. Hết thấy mọi sự đều không thuận lợi. Tại sao ? Cũng vì có tính nóng giận. Cho nên nếu người không có nóng giận thì luôn luôn khoái lạc, đều yên ổn. Nhưng không ai chú ý điểm này, cho rằng tùy tiện nổi nóng thì sẽ giúp cho sự việc.

Trên thực tế, việc gì tốt, khi bạn nóng giận thì cũng xấu. Cho nên điều quan trọng nhất là đừng có nóng giận, đừng có phiền não.

Người học Phật pháp phải có tâm nhẫn nại, nếu có người chưởi mắng chúng ta thì chúng ta xem như họ đang ca hát, hoặc họ đang nói với chúng ta một ngôn ngữ khác mà chúng ta không hiểu. Vì ta không chưởi người. Nếu kẻ khác chưởi ta, ta cũng không hiểu, cũng không biết. Song, có người chưởi mắng chúng ta đó là cho chúng ta thêm phân bón, khiến mảnh đất của ta tốt thêm. Cho nên chúng ta là người học Phật pháp phải có tâm nhẫn nại thì mới có đức hạnh. Nhẫn được tức là đạo. Nhẫn không được cũng phải nhẫn. Nếu chịu không được thì có phiền não. Nhẫn được thì bất cứ cảnh giới gì đến cũng đều nhẫn thọ được. Đây là thấu hiểu được Phật pháp. Nếu bạn không thể nhẫn, không thể chịu được thì bạn không hiểu Phật pháp.

Cho nên chúng ta phải "*Đừng sinh phiền não chớ nghi tâm*". Luôn luôn đừng sinh phiền não cũng đừng sinh tâm hoài nghi. Thường thường phải lo cho chính mình, đừng lo cho người khác. Thường phải nhận mình không đúng, đừng có tranh biện. "*An nhiên thanh tịnh trí huệ sinh*". Bạn luôn luôn bình an thì sẽ phát sinh trí tuệ. "Minh tâm tức là tâm của bạn hiểu biết sáng suốt. Bất cứ sự việc gì cũng đều không khó khăn. "*Thấy tánh chẳng còn tâm ưu sầu*". Người kiến tánh thì không biết tâm ưu sầu là gì. "*Phật quang không chỗ nào mà chẳng chiếu đến*". Cho nên có câu :

*"Tâm thanh thủy hiện nguyệt,
Ý định thiên vô vân ;
Tâm bình bách nạn tán,
Ý định vạn sự cát".*

Phật quang không phải là không chiếu đến bạn, nhưng nếu tâm của bạn như nước đục, cái bản thì mặt trăng không thể hiện được. Nếu tâm của chúng ta thanh tịnh thì như mặt trăng hiện trong nước, Phật tính liền hiện tiền. "Ý định thiên vô vân". Ý của bạn có định lực thì giống như bầu trời không có mây. Tại sao Phật quang không phổ chiếu chúng ta ? Vì "Ưu tư sân hận tâm vẫn đục". Bạn lại có ưu sầu, có phiền não, có oán, có hận, đủ thứ trong tâm cho nên trong tâm vẫn đục, thì chẳng có trí huệ. Chúng ta ai không có phiền não thì người đó không nóng giận, chắc chắn sẽ sinh đại trí huệ, khai đại trí huệ.

Học Phật pháp không cần học nhiều, nếu học được không nóng giận, không sân hận thì đó là Phật pháp. Cho nên nói :

*"Mọi việc đều tốt đẹp,
Nóng giận khó chuyển hóa,
Nếu thật không nóng giận,
Thì được báu vô giá,
Lại không có oán người,
Mọi việc đều như ý,
Phiền não quyết không sinh,
Oan nghiệt làm gì có ?
Hết thấy người không đúng,
Khổ mình chẳng còn nữa".*

Chúng ta thọ khổ thì hết khổ. Hưởng phước thì tiêu phước. Đây rất là đơn giản, rất hiện thực. Nếu hiểu rõ thì hiểu được Phật pháp. Không cần đi tìm đâu cho xa, chỉ ở ngay trước mắt hằng ngày của bạn. Đây là cảnh giới bạn phải chuyển nó, nếu không nó sẽ chuyển bạn. Phải luôn luôn như như bất động, liễu liễu thường minh. Như thế thì sẽ hiểu biết Phật pháp.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication du Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

AYANT OBTENU L'AVANTAGE DE SOI :
veut dire qu'on est déjà arrivé au niveau de

l'intérêt de soi. Comment est-on arrivé à ce
niveau ? Le texte dit auparavant, « Celui qui avait

épuisé tous les échappements n'avait plus d'afflictions ? Pourquoi sommes-nous incapables d'obtenir l'intérêt de soi ? Parce que nous « avons continuellement des écoulements ». Libres d'écoulements et dépourvus d'afflictions, ces Arhats ont eux-mêmes obtenu les véritables intérêts. Quel est le véritable intérêt ? Il s'agit de la vraie compréhension, l'obtention de la vraie sagesse. Les gens dépourvus de sagesse n'ont pas atteint le véritable intérêt. Obtenir la sagesse, atteindre le fruit d'Arhatship, est appelé l'obtention de l'intérêt de soi.

L'intérêt de soi est aussi simplement l'illumination de soi-même, c'est à dire l'éveil de soi. Eveillé soi-même, on en tire soi-même des avantages. Si vous comprenez les Doctrines, vous êtes devenu éveillé et à votre tour, vous pouvez instruire d'autres personnes. Cela s'appelle : faire profiter et éveiller les autres.

Tous les grands Arhats dans l'assemblée du SUTRA DU LOTUS étaient des éveillés solitaires. Car, ils n'éveillaient pas les autres. Ils connaissaient simplement « l'intérêt de soi » ; ils n'apportaient aucun intérêt aux autres et ainsi le texte dit : « ... ayant obtenu l'intérêt de soi.

...ILS AVAIENT ROMPU LES LIENS DE TOUTE EXISTENCE ET LEUR COEUR AVAIT OBTENU LA MAITRISE DE SOI. «Rompu» veut dire «le non existant». Qu'est ce le non-existant ? Il y a trois mondes d'existence qui se divisent en vingt cinq plans d'existence. Les trois mondes d'existence sont :

1. L'existence dans le monde du désir (qui contient quatorze plans) ;
2. L'existence dans le monde de la forme (qui contient sept plans) ;
3. L'existence dans le monde sans forme (qui contient quatre plans) ; Pour briser les vingt cinq plans de l'existence, on classe les quatre mauvais destins, les quatre continents et les six cieus du désir comme suivants :

Quatre continents : Purva-videha à l'Est ; Jambudvipa au Sud ; Aparasmita à l'Ouest ; Uttarakuru au Nord.

Quatre mauvais destins : Les enfers ; les esprits affamés ; les animaux ; les asuras.

Ces mauvais destins viennent à l'existence car ils sont issus du mauvais karma.

Les Six Cieus du désir sont : Le ciel des quatre Grands Rois(Chaturmaharajika) ; Le ciel des trente trois(Trayastrimsa) ; Le ciel Suyama ; Le ciel Tuhita ; Le ciel Nirmanarati ; Le ciel Paranirmitavashavartin.

Les sept plans dans le monde de la forme sont : Les 4 cieus Dhyana ; Le Grand Ciel Brahma (qui

est à l'intérieur du premier Dhyana) ; Les deux cieus de la Pure Demeure (les cinq cieus desquels il n'y a pas de retour) et le ciel de la non-pensée. (Tous deux se trouvent dans le quatrième Dhyana).

Les quatre plans dans le monde sans forme sont :

- Les quatre positions du vide ;
- La Position de l'espace sans borne ;
- La Position de la conscience sans borne ;
- La Position du néant ;
- La position de la de la non perception.

Cela fait un total de vingt cinq plans de l'existence dans les trois mondes.

Des gens qui ne comprennent pas la Doctrine du Bouddha pensent que parvenir au niveau du quatrième Dhyana constitue un achèvement extraordinaire. En réalité, on est encore dans les vingt cinq plans des trois mondes et il n'y a rien de bien spécial. Le but fondamental de la pratique est encore lointain. Mais un maître ignorant pouvait affirmer à tout le monde qu'il s'agit là du niveau le plus élevé. Par exemple, il y avait un Bhikshu ignorant qui confondait le quatrième Dhyana avec le quatrième fruit d'Arhatship. Quand il avait épuisé le mérite qui lui avait permis de demeurer là-bas, il commença à rétrograder. Et il se mit à calomnier le Dharma. «Le Bouddha dit que ceux qui ont atteint le Quatrième fruit ne subissent plus la naissance et la mort. Pourquoi alors est-ce que je retourne sur mes pas ? Ne savait-il pas qu'ayant diffamé le Bouddha, il retombait éternellement dans les quatre mauvais destins.

Le Bhikshu inconscient n'était pas seul dans sa déchéance. Il entraîna avec lui plusieurs dizaines de milliers de ses disciples. Alors, comme j'ai sans cesse répété :

Celui qui a la compréhension confuse transmet une compréhension confuse ;

Par la transmission, deux personnes ne se comprennent pas.

Quand le Maître tomba dans les enfers, ses disciples le suivirent avec respect. Et ni le Maître ni les disciples ne savaient comment ils en étaient arrivés là. Les disciples se vouaient à leur Maître à tel point qu'ils le suivirent sans hésitation. C'est pitoyable ! Le Maître pense : « Comment ai-je fait pour réussir à amener mes disciples jusqu'en enfer ? » Lui-même, il ne sait pas comment il y est arrivé.

Les Arhats présents dans l'assemblée du SUTRA DU LOTUS s'étaient détachés des liens de l'existence transcendaient les trois mondes ; Le monde du désir, le monde de la forme et le monde

sans forme. Alors, ils disaient qu' « ils avaient transcendé les trois mondes et ne se trouvaient plus dans les cinq éléments » ; Ils avaient atteint la vraie libération de la naissance et de la mort ; ils avaient rompu tout lien quel qu'il soit.

ET LEUR COEUR AVAIT ATTEINT LA MAITRISE : Le coeur des grands Arhats connaissait alors une joie infinie. La maîtrise de soi est le vrai bonheur. Il n'y a rien qui soit plus agréable, plus réjouissant. Ainsi Avalokiteshvara est appelé « le Bodhisattva qui médite sur la Maîtrise de soi, qui signifie que le Bodhisattva médite et est toujours très heureux, profondément serein et ne connaissant pas la moindre trace de contrariété. La maîtrise de soi consiste à ne plus avoir d'afflictions, après avoir atteint l'éveil de soi et rompu tous les liens de l'existence.

Dans cet état, le coeur a obtenu la vraie liberté et la vraie sagesse. On se sent donc immensément heureux. Il s'agit là d'un bonheur interne. Il ne se manifeste pas par des éclats de rire stupide et de fou rire. C'est un bonheur interne, pas externe. Ne pensez pas que vos rires et votre plaisanterie traduisent le bonheur ; c'est vraiment de l'affliction inversée. Pourquoi est-elle inversée ? Comme vous n'avez pas de pouvoir du samadhi, alors vous êtes influencé par une quelconque situation qui vous plaît et vous répondez par de fous rires. Il n'y a pas de vrai bonheur là-dedans, c'est simplement une apparence.

Sutra : LEURS NOMS ETAIENT : AJNATAKAUNDINYA, MAHAKASHYAPA, URUVILVAKASHYAPA, GAYAKASHYAPA, NADIKASHYAPA, SHARIPUTRA, LE GRAND MAUDGALYAYANA, MAHAKTYAYANA, ANIRUDDHA, KAPPHINA, GAVAMPATI, REVATA, PILINDAVATSA, VAKKULA, MAHAKAUSHTHILA, NANDA, SUNDARANANDA, PURNAMAITRAYANIPUTRA, SUBHUTI, ANANDA ET RAHULA—ET LES AUTRES GRANDS ARHATS TELS QUE CEUX-CI, L'ASSEMBLEE CONNAISSAIT ET RECONNAISSAIT.

Commentaire : Ci-dessus sont inscrits les noms des vingt et un disciples d'auditeur de son qui étaient parmi des douze mille Bhikshus présents au moment où le Bouddha Shakyamuni proclamait le SUTRA DU LOTUS.

LEURS NOMS ETAIENT :

1. AJNATAKAUNDINYA était la première personne que le Bouddha a libéré.

Il était un des cinq Bhikshus auquel le Bouddha prêchait dans le parc de Cerf à Benares peu après son éveil.

Le Bouddha Shakyamuni est assis au pied de l'arbre Bodhi et une nuit, il vit une étoile brillante et découvrit la Voie. Devenu éclairé, il méditait pour voir qui doit il sauver en premier. « Il y a tant de gens dans le monde », pensa-t-il. « Qui dois-je libérer en premier ? »

Lorsque le Bouddha réalisait la Voie, il soupirait trois fois et dit : « Etrange en effet ! Etrange en effet ! Tous les êtres vivants possèdent la nature du Bouddha. Tous pourraient devenir Bouddhas. Mais à cause des réflexions trompeuses et des attachements, ils sont incapables d'arriver à cet achèvement.

Le Bouddha dit seulement que tout être peut devenir Bouddha. Il ne dit pas qu'ils sont effectivement Bouddhas. Mais les disciples Bouddhistes, ou plutôt des faux disciples Bouddhistes, disent, « tout le monde est Bouddha ! » Ils ne voient aucune différence entre les profanes et le Bouddha. C'est le cas de « l'aveugle qui guide l'aveugle » et « aveuglant les hommes et les dieux ».

Après avoir soupiré trois fois, le Bouddha Shakyamuni se servait de la merveilleuse sagesse contemplative pour déterminer celui qu'il doit sauver en premier. « Ah ! Conclut-il. « Ajnatakaundinya est parmi les cinq Bhikshus ici présents au parc des cerfs. Je dois les libérer en premier. » Dans les vies antérieures, ces cinq personnes s'étaient acharnées à nuire au Bouddha Shakyamuni. Il y a des kalpas illimités où ils se comportaient tous de cette manière. Ces cinq Bhikshus avaient maintes fois calomnié et brutalisé le Bouddha Shakyamuni. Il leur arrivait de le frapper, parfois de le blâmer, d'autres fois de manger sa chair et de boire son sang. Ils étaient vraiment cruels, n'est-ce pas ? Mais comme ce dernier cultivait la doctrine de causalité, quand les cinq Bhikshus le frappaient, il faisait le vœu suivant : « Vous avez vraiment aidé dans ma pratique. Dans le futur, lorsque j'aurai atteint la Bouddhité, je vous sauverai en premier. Tel est mon vœu. Aujourd'hui, parce que vous me maltraitez, dans le futur, je serai exceptionnellement bon envers vous.

Quand il avait été maltraité, Bouddha leur avait dit : « Vous m'avez maltraité, mais je ne vous déteste pas. Non seulement, je ne vous déteste pas, mais je jure que le jour où je deviendrai un Bouddha, je vous sauverai en premier. » S'il s'agissait de nous, nous les aurions sûrement

frappés ou roué de coups en retour. Non seulement, le Bouddha Shakyamuni ne se défendait pas, mais il prit la décision d'être généreux envers eux. Une fois, tous les cinq se réunirent et s'approchèrent près de lui en disant : « Nous n'avons pas de viande pour manger. Vous êtes un pratiquant, pouvez-vous nous donner un petit morceau de votre chair ? » Le Bouddha Shakyamuni découpa bien un morceau de sa chair et le leur donna. Lorsqu'ils le mangèrent, ils murmurèrent : « Cette viande n'est pas bonne du tout. La viande du chien a un bien meilleur goût, sans parler du porc, du boeuf, ou du mouton. Elle est fade. Votre offrande n'est pas savoureuse. »

Ils continuèrent néanmoins à manger tranquillement cette chair humaine et ce faisant, continuèrent à traiter Bouddha de façon ignoble. Le Bouddha Shakyamuni avait pensé qu'en leur offrant sa chair, il pourrait les émouvoir et changer leur conduite. Qui aurait-pensé qu'ils mangeaient sa chair d'une part et d'autre part

continuaient à le maltraiter ? Ceci aurait été le comble pour la plupart des gens. « Je n'ai pas acheté cette viande dans la boucherie », auraient-ils dit. « Je l'ai coupée sur mon propre corps. Et vous avez l'audace de me traiter ainsi ? » Mais le Bouddha Shakyamuni dit : « Bien. Vous pouvez manger ma chair et dans le futur quand je réussirai dans ma pratique et deviendrai Bouddha, je vous libérerai en premier, parce que cette chair que je vous ai donnée à manger est une graine de Bouddha que je plante dans chacun d'entre vous. »

La même chose se produisait quand ils buvaient le sang du Bouddha Shakyamuni. Ils disaient que c'était pourri du mauvais sang. Le Bouddha Shakyamuni était capable d'endurer tout ceci, même quand le Roi de Kalinga lui découpait ses bras et jambes, il ne nourrissait toujours pas la moindre trace de haine dans son coeur envers lui.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication du Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Quand le Grand Maître Chih Che, le troisième Patriarche de l'école Tien T'ai, lisait le chapitre du Bodhisattva Roi du Médicament et arrivait au passage qui dit : « C'est la vraie vigueur. C'est une vraie offrande de Dharma, il entra dans le Samadhi. Dans le Samadhi, il voyait que l'assemblée au Parc de Vautour, où le Sutra de la Fleur de Lotus fut enseigné par le Bouddha, était encore là et ne s'était pas encore dispersée. »

Maître Chih Che voyait que le Bouddha Sakyamuni, était encore là, en train d'expliquer le Dharma, de tourner la Grande Roue, d'enseigner et de transformer les êtres vivants. Sur quoi le Grand Maître Chih Che entra dans le Samadhi de la Fleur de Dharma et atteignit le Dharani renouvelable une fois. Après avoir fait cette expérience, il se retirait du Samadhi. Grâce à la grande sagesse qu'il avait obtenue, il fondait et systématisait l'école Tien T'ai. Cette réponse fut évoquée par le mérite et la vertu inconcevable de la vigueur du Bodhisattva Roi du Médicament quand il avait brûlé son corps en guise d'offrande pour le Bouddha.

La plupart des gens réagiront en disant : « Si pour faire du bien au monde entier, je devais m'arracher un seul cheveu de ma tête, je ne l'aurais pas fait non plus. » C'est parce qu'ils ne savent que penser à leur propre intérêt et non à celui des autres. On ne peut pas dire Qu'ils sont vigoureux ?

Le cinquième Paramètre est le Samadhi de Ch'an, appelé aussi le Samadhi du Dana. Il y a quatre Dhyanas et huit Samadhis . Les neuf Etapes successives du samadhi sont discutées dans le texte du Sutra Shrangama , alors je ne les explique pas en détail maintenant. Je vais expliquer brièvement les quatre Dhyanas.

Le premier Dhyana est appelé la Terre Heureuse séparée de la production. Dans ce premier Dhyana le pouls du pratiquant s'arrête.

Le deuxième Dhyana est appelé la Terre Heureuse de la production du samadhi. Ici, son samadhi est plus solide que dans le premier

Dhyana. Dans le deuxième Dhyana, son souffle s'interrompt, mais ceci ne veut pas dire qu'il est mort. Il s'agit là d'un autre monde d'existence. Le souffle externe cesse mais un souffle interne naît à la vie. Les êtres ordinaires peuvent seulement utiliser leur souffle externe. Si une personne peut respirer intérieurement, elle peut vivre aussi longtemps qu'un esprit qui veille sur la dépouille, obsédée par le besoin de protéger cette « enveloppe corporelle empuantie ».

Le troisième Dhyana est appelé la merveilleuse Terre Heureuse qui sépare de la joie. La plupart des gens qui la pratiquent, aiment éprouver de la joie. Cependant , la béatitude éprouvée dans le troisième Dhyana, qui est détachée de la joie, est extrêmement merveilleuse. Dans ce Dhyana, la conscience s'efface.

Le quatrième Dhyana est appelé la Terre Pure qui renonce à la pensée. Ici, toutes les pensées sont abandonnées. On peut connaître ce qui se passe dans les cieux et parmi des gens. Mais on ne devrait pas s'attacher à l'expérience. Entrer dans le samadhi du quatrième Dhyana représente seulement un premier pas sur la Voie. Ne pensez pas que le fait d'atteindre ce quatrième Dhyana représente une acquisition spéciale. Il ne s'agit même pas de la réalisation de la première étape de la position d'Arhat .

Le sixième Paramita est le Prajna . Le Prajna est un mot sanscrit qui peut être traduit par le mot : Sagesse. La plupart des gens considèrent l'intelligence humaine comme la sagesse. C'est inexact. L'intelligence est la connaissance du monde résultant de l'étude de la science, de la philosophie et du semblable. Alors que « la Sagesse » fait allusion à celle qui transcende le monde, qui réalise la Bouddhité. C'est le Prajna. Le mot Prajna est intraduisible, parce qu'il contient beaucoup de significations et tombe ainsi dans les cinq expressions non traduites qui sont :

1. Les expressions qui sont cachées .
2. Les expressions qui contiennent beaucoup de significations.

3. Les expressions qui se réfèrent à quelque chose qui n'existe pas dans le pays du traducteur.

4. Les expressions qui n'ont pas été traduites traditionnellement.

5. Les expressions qui sont honorifiques . Cette liste fut d'abord rédigée par le Maître Tripitaka Hsuan Tsang dans la dynastie de T'ang. Il y a trois sortes de Prajna :

1. Le Prajna littéraire, contenu dans les Sutras.

2. Le Prajna méditatif, qui est la sagesse obtenue en détournant la lumière pour qu'elle illumine à l'intérieur, en changeant l'écoute. Elle apparaît quand vos yeux ne regardent plus dehors mais contemplent l'intérieur . avec la clarté de la sagesse d'une méditation , vous pouvez illuminer et balayer toute obscurité à l'intérieur de vous . Après cela , vous devenez extrêmement très lucide et pur à l'intérieur et n'êtes plus terni par les impuretés.

3. Le Prajna de la vraie apparence, le genre de Prajna le plus merveilleux , est synonyme de la « signification absolue » dont parle le Sutra. La vraie apparence n'a pas d'apparence, et pourtant il ne reste plus rien sans une apparence. Si vous dites qu'il n'a pas d'apparence, tout apparaît là dessus. Ainsi, c'est la vraie apparence. Si vous comprenez ceci, vous êtes tout près du Bouddha, vous n'en êtes qu'à un seul petit pas. Le Sutra Vajra dit : « Tout ce qui a une apparence est vide et faux. Si vous voyez toutes les apparences comme la non-apparence, alors vous voyez Celui-Venu-Ainsi. » Tout ce qui a une apparence est faux. Si, au milieu des apparences, vous pouvez comprendre qu'elles n'en ont aucune, alors cela veut dire que vous voyez le Bouddha. il s'agit de comprendre la quintessence du Dharma et d'accéder à l'origine du Dharma. Percevoir l'origine de tous les Dharmas signifie précisément voir le Bouddha.

Une telle épreuve est facile à parler, mais le réaliser est très difficile. Vous ne pouvez pas comprendre uniquement en écoutant les explications, vous devez suivre la Voie vous-même. Même si ce n'est pas facile, nous devons toujours réfléchir au moyen pour voyager sur cette route. Par exemple, on peut dire, « j'aimerais aller à New York, mais c'est tellement loin et le vol est très cher, alors je crois que je n'irai pas. » Pourtant, si vous n'y allez pas, vous ne saurez jamais à quoi ressemble New York. La réalisation de la Bouddhité se fait de la même manière. Vous dites que c'est une longue et rude épreuve ; cela pourrait prendre une éternité pour y parvenir. C'est comme si vous contemplez l'immense océan et vous

poussez un grand soupir. Je préfère faire ce qui est plus facile. Si vous vous comporterez de cette manière, vous ne réaliserez jamais la Bouddhité. A moins que vous n'éprouviez pas l'envie de devenir un Bouddha , la question ne se pose plus. Mais si vous voulez en devenir un, alors vous devez endurer les difficultés.

En Chine, on dit : « Si le froid de l'hiver ne pénétrait pas jusqu'à l'os, comment les fleurs des pruniers feraient-elles pour être si parfumées ? » La fleur de prunier chinois qui possède un parfum extrêmement douce, fleurit vers la mi-hiver. Après avoir subi le froid mordant de l'hiver, ces fleurs dégagent lors de leur éclosion, un parfum exquis. Tout être vivant est doté de la véritable apparence de la sagesse du Prajna, mais comme « la raison profonde » de ce Sutra , elle ne s'est pas encore manifestée. Alors, ils ignorent leur propre héritage. Nous ignorons le Prajna de notre propre nature, de notre soi, et ainsi nous sommes tellement misérable dans notre Dharma. Le Prajna est la sagesse que nous avons toujours eue. Nous devrions ouvrir cette « précieuse chambre » de la sagesse et alors notre véritable visage apparaîtra. Tant que nous ne savons pas que nous sommes dotés d'une véritable apparence du Prajna, nous portons sans le savoir une mine d'or cachée en nous. Toutefois, le fait de découvrir cette mine d'or n'est pas suffisant. Nous devons employer nos efforts humains pour extraire cet mine d'or avant qu'il puisse être utilisé. Les Sutras disent que la mine d'or du Prajna existe dans chacun de nous, Mais à moins que nous ne puissions l'exploiter car cela ne sert pas à grand-chose de savoir qu'elle est là. Mettons-nous au travail et soyons bien déterminés dans la pratique des préceptes. Ainsi, nous pouvons exploiter le Prajna alors notre nature de Bouddha qui avait toujours préexisté à l'origine, surgira.

Le Bouddha dit : « Tous les êtres vivants possèdent la nature de Bouddha et ont la possibilité de réaliser la Bouddhité. Mais on ne peut pas dire. « Le Bouddha a dit : Je suis un Bouddha, alors je suis un Bouddha même sans avoir besoin de pratiquer les préceptes du Bouddha ». Cela voudrait alors dire que votre trésor est là et cependant vous ne vous êtes même pas donné la peine de creuser la terre pour le découvrir.

Il s'agit donc d'une explication générale des six paramitas du Bodhisattva. Tout le monde peut se décider à devenir un Bodhisattva et de pratiquer la conduite du Bodhisattva. Si vous meniez à bonne fin des actions d'un Bodhisattva, alors vous seriez un Bodhisattva avec une résolution initiale. Les Bodhisattvas ne disent pas égoïstement : « Moi,

seul peut devenir un Bodhisattva. vous ne pouvez pas être un Bodhisattva. Vous ne pouvez pas vous comparer à moi. » Non seulement tout être peut devenir Bodhisattvas mais il peut aussi devenir un Bouddha. Je suis persuadé que tout le monde dans cette assemblée atteindra un jour la Bouddhité.

Le Shurangama du plus avancé. Shurangama est un mot sanscrit qui veut dire « la durabilité ultime de tout phénomène ». « Tout phénomène » se réfère à tout—Toutes les montagnes, les rivières, la grande terre, les bâtiments, les gens et les choses, ainsi que toutes les créatures nées de l’utérus, des oeufs, de l’humidité et par la transformation. Tous ces phénomènes peuvent être imprégnés des profondeurs de la durabilité, pour obtenir la substance principale du samadhi, le samadhi de la «raison cachée». Quand on obtient le samadhi de la «raison profonde», on peut alors faire preuve du «sens complet.» Quand on a fait preuve du «sens complet» on pratique alors les six paramitas et les dix mille pratiques d’un Bodhisattva et obtient de cette façon la « grande conduite.» Quand on a obtenu la grande conduite, on peut alors réaliser le samadhi de la durabilité ultime de tout phénomène, qui est le «grand résultat.»

Le sommet du Grand Bouddha regroupe les merveilleux avantages des quatre Genres de Grandeur : La grande raison, la grande signification, la grande conduite et le grand résultat. Ils peuvent aussi être appelés la merveilleuse raison, la merveilleuse signification, la merveilleuse conduite et le merveilleux résultat. Cependant, « merveilleux » ne les décrit pas complètement et alors le mot « grand » est utilisé. La durabilité ultime de tout phénomène se réfère au samadhi. Sans samadhi, le corps et l’esprit sont perturbés et ne fonctionnent pas en harmonie. Vous pouvez décider d’aller au sud mais vos jambes refusent d’obéir ; vous finissez par aller au nord. Autrement dit vous voulez accomplir des bonnes actions, mais vous perdez le contrôle et finissez malgré tout par commettre à la place des crimes. Un manque de logique ou de fermeté est aussi la

preuve d’un manque de samadhi. En étudiant le Sutra Shurangama, tout le monde devrait être ferme, sincère et assidu. Vous devriez vous concentrer, et vous décider fermement : « Je suis déterminé à étudier jusqu’à ce que je comprenne les principes du Sutra Shurangama. » Vous ne devriez pas vous arrêter au milieu du chemin et faire demi-tour pour revenir en arrière ; vous ne devriez pas frapper le tambour pour lever la séance prématurément. Ne tracez pas la ligne d’arrivée quand vous êtes seulement parvenu à mi-chemin. Ne dites pas : « Ah, j’ai étudié plusieurs jours déjà et je n’ai toujours pas compris. C’est une matière extrêmement difficile. Je pense que je ne l’étudierai plus. »

Avec votre bonne foi, vous pouvez étudier sérieusement et vous concentrer sur ce que vous êtes en train de faire. Vous êtes si ravi d’apprendre que tous vos soucis sont oubliés. Vous étudiez si industrieusement que vous oubliez de vous alimenter. Quand vous vous endormez, dans votre tête, ne s’élèvent d’autres pensées que celles des doctrines contenues dans le Sutra.

Avec fermeté, vous serez capables d’étudier pendant plusieurs jours sans avoir à vous retirer tout en pensant que la Doctrine du Bouddha est aride et inintéressante. Il ne vous arrivera pas de vous décider soudainement d’aller vous promener dans le parc ou de vous distraire d’une manière ou d’une autre. Vous ne prétexterez pas d’excuses comme celles-ci : «Il n’y a pas de valeur pratique dans l’étude de cette religion. Elle est dépassée à notre époque scientifique.» Et ensuite vous vous enfuyez. Sans la détermination, vous manquez de la durabilité ultime.

Avec la pratique -- de la fermeté, de la sincérité et de la constance—vous pouvez être « finalement durable » et obtenir le pouvoir du samadhi. Avec le pouvoir du samadhi, vous ne serez plus influencé par les différentes situations : «Vous ne serez pas touché par votre environnement. C’est une explication générale du titre spécifique de ce Sutra.

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Texte : NAMO BODHISATTVA KUAN SHIH YIN. NAMO BODHISATTVA DU TRESOR VAJRA.

Commentaire : On prend se refuge auprès du Bodhisattva Kuan yin, auprès des 84 mille Bodhisattvas du Roi du Trésor Vajra. Ceux qui récitent le Mantra Shurangama sont constamment suivis par les quatre vingt quatre mille Bodhisattvas Rois du Vajra qui les entourent et les protègent. Le fait que vous êtes capable de réciter le mantra Shurangama signifie que vous avez les bonnes racines qui ne sont pas d'une seule voie. Cela veut dire que vous avez planté de bonnes racines dans des centaines de milliers d'innombrables de millions de kalpas illimités dans le passé pour rencontrer le Mantra Shurangama, le réciter et le maintenir. Vous l'écoutez, quand il est expliqué, mais vous dites : « Maître, hier vous avez dit que : pour que quelque chose soit merveilleux, il faudrait que vous ne le compreniez pas. Alors, pourquoi allez-vous nous l'expliquer ? »

Bien, si c'est de cette façon que vous vous sentez, bouchez donc vos oreilles et n'écoutez pas. Je vais l'enseigner et vous n'avez qu'à ne pas l'écouter. Vous pouvez vous assoupir et cela serait meilleur ! Vous pouvez entrer dans le profond samadhi. Vous pouvez vous endormir, commencez à ronfler et allez visiter le Duc de Chou. Il dira certainement : « Oh, soyez le bienvenu, soyez le bienvenu ! Enchanté de vous voir. » Et il établira un échiquier. Vous pouvez faire une partie d'échec avec lui. Pendant ce temps, le Mantra Shurangama aura été enseigné jusqu'à la fin et vous en serez à l'échec et mat » ! Là, vous vous réveillez et dites : « Quoi ? » Eh bien je ne sais pas non plus !

Texte : EN CE TEMPS , LE SEUL HONORE DU MONDE, DE SON CAPUCHON DE CHAIR, EMETTAIT UNE CENTAINE DE LUMIERES

ORNEES. DE CETTE LUMIERE RESSORTAIENT UN MILLIER DE PRECIEUX LOTUS PETALLES. ASSIS DANS LE LOTUS MAGNIFIQUE ETAIT UNE TRANSFORMATION DE « CELUI-venu-AINSI ». DE SON SOMMET RESSORTAIENT DIX RAYONS DE CENTAINE DE LUMIERE ORNEE. CHAQUE LUMIERE SE REPANDAIT PARTOUT, ELLE MANIFESTE LES TRACES DES ESPRITS DU VAJRA SECRET AUTANT DE SABLES DANS LES DIX RIVIERES DU GANGES. CHACUN D'ENTRE EUX PORTAIT UNE MONTAGNE ET UN PILON

QUI SE REPANDAIENT A TRAVERS L'ESPACE VIDE. LE GRAND RASSEMBLEMENT LEVA LES YEUX AVEC UNE ADMIRATION CRAINTIVE ET SOLLICITA LE BOUDDHA D'ETRE AIMABLE ET PROTECTEUR, D'UN ESPRIT CONCENTRE, ILS ECOUTAIENT « CELUI-venu-AINSI » DE LA COURONNE INVISIBLE DU BOUDDHA, PENDANT QU'IL PROCLAMAIT LE MANTRA SPIRITUEL.

Commentaire : EN CE TEMPS, le temps avant que le Mantra fut proclamé. Il y a quelque milliers d'années... Le temps que le Mantra fut expliqué, était quelques milliers d'années plus tard, mais le temps pour expliquer le Mantra Shurangama est juste maintenant. Maintenant n'est pas le passé et ce n'est pas le futur. Pourquoi en est-il ainsi ? Parce que le passé est déjà passé et le futur n'est pas encore arrivé. Et vous dites : « Maintenant, c'est maintenant, n'est-ce pas ? » Oui mais, le présent ne s'arrête pas. Vous dites : « C'est le présent, » mais il est déjà passé aussi. Alors, le présent n'existe pas. Pourquoi dit-on ainsi ? C'est parce que l'esprit du passé ne peut-être pas atteint, l'esprit du présent ne peut-être pas obtenu et l'esprit du futur ne peut-être pas obtenu. Les trois esprits ne peuvent

jamais être atteints. Alors qu'est ce qu'il y a ? Il y a juste le Mantra Shurangama. Le Mantra Shurangama est quelque chose qui peut être obtenu. Il est procurable.

EN CE TEMPS, LE SEUL HONORE DU MONDE / Le seul Honoré du Monde est un honoré dans le monde et au delà du monde. Personne n'est plus honorable, personne n'est plus haut. Le Seul Honoré du Monde est le Bouddha. Qu'a fait le Bouddha en ce temps ? Il n'a pas mangé. Ne pensez pas que le Bouddha mange du pain et du beurre en ce temps. Il est inutile d'avoir d'aussi fausses réflexions à propos du pain et du beurre.

DE SON CAPUCHON DE CHAIR / Le Bouddha a un capuchon de chair. Vous vous n'en avez pas, ni moi, ni les autres non plus. Car nous ne sommes pas de Bouddhas. Il n'y a que le Bouddha qui ait un capuchon de chair. En dehors du capuchon de chair, il émettait une centaine de lumières ornées.

DE CETTE LUMIERE RESSORTAIENT UN MILLIER DE PRECIEUX LOTUS PETALLES/

Les cent Joyaux représentent les cent mondes. Les mille précieux lotus pétallés représentent les mille Vérités. La Vérité veut dire que vous n'avez pas besoin d'en parler. C'est ainsi ; il n'y a rien à dire. Dans chacun des cent mondes, il y a dix vérités :

1. La Vérité de l'apparence,
2. La Vérité de la nature,
3. La Vérité de la matière,
4. La Vérité du pouvoir,
5. La Vérité de l'action,
6. La Vérité de la cause,
7. La Vérité de la condition,
8. La Vérité du résultat,
9. La Vérité de la récompense,
10. La dernière identité de la racine et les pointes des branches...sont fondamentaux.

Il n'y a rien que vous puissiez dire d'elles. Elles sont « ainsi ». Vous êtes « ainsi » ; nous sommes mutuellement « ainsi ». Il n'y a rien que vous puissiez dire. Tout est « ainsi », « ainsi », alors ne dites rien ! Les cent lumières ornées représentent les cent mondes. Les mille précieux lotus pétallés représentent les mille Vérités. Bien que nous le disions de cette façon, ce n'est pas exactement comme cela. Ce n'est pas proprement cent mondes et mille vérités. C'est inexhaustible et infini, innombrable et sans borne. Vous pouviez dire qu'il n'y a rien dans les trois mille grands mille mondes matérialistes qui ne viennent pas des cent lumières ornées et des mille précieux lotus pétallés de la couronne du Bouddha.

ASSIS DANS LE LOTUS MAGNIFIQUE ETAIT UNE TRANSFORMATION DE CELUI-venu-AINSI. « Transformation » veut dire que de quelque chose vous n'obtenez rien et de rien vous obtenez quelque chose. Si vous dites qu'il est là, il n'est vraiment pas là, mais si vous dites qu'il n'est pas là, il paraît y être ! Tout à coup il est là, et soudain il n'est pas là. Et, quand vous dites qu'il est devant vous, puis tout à coup il est derrière vous. C'est comme cela. Vous regardez à l'Est et vous regardez à l'Ouest et vous ne pouvez pas le voir.

AU DESSUS DE SA TETE RESSORTAIENT DIX RAYONS DE CENTAINES DE LUMIERES ORNEES. Cette Transformation du corps du Bouddha émettait à travers les dix directions des centaines de lumières dorées. Les dix rayons de lumière représentent les dix mondes du Dharma. Les cent précieuses lumières sont à nouveau les cent mondes. CHAQUE LUMIERE SEPARÉE SE REPANDAIT PARTOUT, ELLE MANIFESTE LES TRACES DES ESPRITS DU VAJRA SECRET AUTANT QUE LES SABLES DANS

LES DIX RIVIERES DE GANGES. Ce sont les protecteurs du Dharma Vajra qui vous protègent secrètement. Vous ne pouvez pas les voir, mais ils sont sûrement là. Ceux qui maintiennent le Mantra Shurangama, il y a au moins quatre vingt quatre mille esprits du Vajra qui les protègent. Ici, ce n'est pas seulement quatre vingt quatre mille, c'est « autant qu'il y a de grains de sable dans les dix rivières de Ganges ». Combien y en a-t-il dans les dix rivières de Ganges ? Ce n'est pas un nombre calculable. Même un ordinateur ne pourrait pas le calculer. CHACUN D'ENTRE EUX PORTAIT UNE MONTAGNE ET TENAIT UN PILON. Pouvez-vous imaginer une montagne dans une main et un pilon du Vajra dans l'autre ? Quelle Puissance ! QUI SE REPAND A TRAVERS L'ESPACE VIDE. LE GRAND RASSEMBLEMENT LEVA LES YEUX AVEC UNE ADMIRATION CRAINTIVE. Ils redressèrent la tête avec trépidation – comme s'ils avaient un lapin dans le coeur. Ils étaient si intimidés, ils ne pouvaient pas regarder ! Mais, ils devaient regarder, parce qu'ils sentaient beaucoup d'admiration. Ils sont pris entre ces deux pensées : ils ne pouvaient pas supporter de regarder mais ils en avaient envie. Et, ils pensaient qu'ils voulaient regarder mais lorsqu'ils le faisaient, ils étaient si effrayés que leurs cheveux se dressaient. Et, en ce temps là, Ils DEMANDERENT AU BOUDDHA D'ETRE AIMABLE ET PROTECTEUR. D' UN ESPRIT CONCENTRE , ILS ECOUTAIENT CELUI-venu-AINSI. Cela veut dire qu'ils n'ont plus aucune réflexion fausse. Les filles ne songent pas à leurs petits amis et les garçons ne recherchent pas une petite copine. Ils étaient incontestablement constants. Ils n'ont pas eu de pensées secondaires. Ce n'est pas comme vous qui écoutez à cet instant qui pensez : « Oh, Maître Dharma, il fait si froid ! Là d'où je viens, il ne fait pas aussi froid » ! Vous écoutez d'une part et d'autre part, vous vous attachez à de nombreuses idées fausses !

D'un esprit concentré, ils écoutaient Celui-Venu-Ainsi, la couronne invisible du Bouddha. L'apparition de la couronne ne peut pas être. Plus vous la contemplez, plus elle s'éloigne. Plus vous voulez la sonder, plus elle est profonde ! Vous la voyez devant vous, et tout à coup elle est derrière vous. L'apparition de la couronne invisible est comme si elle était là et pourtant elle n'est pas là. Vous regardez, vous la voyez mais elle n'est pas vraiment là. Bien qu'elle ne soit pas là, il paraît qu'elle est là. Vous ne pouvez pas la

voir, pourtant vous pouvez la voir—La Transformation du Bouddha dans le Lotus orné émet la lumière du sommet invisible—une centaine de lumières ornées. Avec un esprit concentré, le grand assemblage écoutait quand IL PROCLAMAIT LE MANTRA SPIRITUEL. La Transformation du Bouddha prononçait le Mantra. Ce n'était pas une chose que n'importe qui pouvait entendre. En ce temps, le grand Bodhisattva pouvait l'entendre. De nos jours, à cet âge scientifique, tout le monde peut l'entendre. Si vous voulez l'entendre, vous devez d'abord étudier et pratiquer le Mantra Shurangama. Une fois que vous aurez fini de l'étudier, vous pourrez alors l'entendre.

Nous commencerons l'explication du Mantra Shurangama. Le nom du Mantra est MWO HE SA DAN TWO BWO DA LA DHARANI MANTRA. Il est appelé aussi LA LUMIERE DE LA COURONNE DU BOUDDHA, MWO HE SA DAN TWO BWO DA LA, le Mantra le plus spirituel. Dans la lumière émise par la couronne du Bouddha, un Bouddha par la transformation prononce le Mantra. Alors il est appelé, LA LUMIERE DE LA COURONNE DU BOUDDHA. MWO HE qui se traduit comme « grand ». Qu'est ce qui est grand ? La substance, l'apparence et la fonction sont toutes grandes. La substance se répand dans les dix directions, alors elle est appelée « grande ». La fonction épuise l'espace vide jusqu'au bout du monde du Dharma. L'apparition est la non-apparition. Quelle apparition un Mantra pouvait-il avoir ? Bien qu'elle n'ait aucune apparition, il n'y a nulle part où elle n'apparaisse pas. Sa fonction, vous pouvez dire, est qu'elle n'a pas de fonction et pourtant il n'y a pas de fonction qu'elle n'accomplit pas. A travers l'espace vide jusqu'au bout du monde du Dharma, sa fonction est immense. Cela est la signification de MWO HE. A quoi MWO HE se réfère-t-il ? SA DAN DWO est aussi du sanscrit et il se traduit comme « blanc ». Blanc a le sens de pur, sans souillure. Lorsque nous parlons du « pur Dharani blanc », cela signifie qu'ils n'ont pas de souillures. Une apparition éloignée des souillures est représentée par la couleur blanche. Vous voulez tous vous souvenir que le Mantra Shurangama est un Dharani pur blanc. BWO DA LA est aussi un terme sanscrit. Il se traduit comme « le nuage ». Ce nuage est une analogie au Mantra. Le nuage fonctionne pour protéger d'innombrables vertueux. La fonction du nuage est de protéger et surveiller tous ceux qui ont la vertu. Il couvre et protège tous les vertueux. Quiconque a la vertu est capable de rencontrer ce pur Dharma. Ceux qui sont dépourvus de vertu n'ont aucune chance de rencontrer ce Dharma. Et ainsi on

dit : Les trois lumières illuminent universellement, pénétrant les trois forces. Quelles sont les trois lumières ? Maintenant, la plupart des gens se référaient à la lumière du soleil, de la lune et des étoiles ; mais ce ne sont pas les trois lumières désignées ici. La lumière du soleil, de la lune et des étoiles est une sorte de lumière externe. Mais, quand vous récitez et gardez le Mantra Shurangama, alors votre corps émet de la lumière, votre bouche dégage de la lumière et votre esprit lance la lumière. Avez-vous déjà entendu parlé des trois karmas émettant la lumière auparavant ? La lumière émise par votre corps est une lumière jaune ordinaire. Mais, lorsque vous pratiquez jusqu'à la perfection, alors la lumière devient une lumière dorée. La lumière dorée lance dix mille rayons. Lorsque vous commencez votre pratique du Mantra Shurangama, la lumière est ordinairement jaune. Mais, après une longue durée de la pratique du Mantra, cette couleur jaune claire devient dorée. Ceci arrive lorsque votre capacité spirituelle est réussie. C'est une lumière dorée pourprée qui dégage dix mille rayons et remplit complètement le monde du Dharma : Ceci décrit la personne qui a pratiqué le Dharma du Mantra Shurangama jusqu'à la perfection.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

L'HEURE DU REPAS n'était pas une affaire accidentelle pour le Bouddha comme elle est pour les gens paresseux qui dorment jusqu'à l'heure de manger et puis se réveillent et attendent qu'on la prépare et la leur serve.

Même si le Bouddha avait réalisé la Bouddhité avec ses pénétrations spirituelles et ses merveilleuses fonctions, à l'heure du repas il mit encore sa robe et prit son bol. Le bol se reporte au mot sanscrit *patra* qui traduit comme le "récipient de grosseur appropriée", en impliquant cela.

Ce bol contiendra assez pour satisfaire à ses besoins. Le Bouddha Sakyamuni était donné son bol par les quatre rois du ciel qui se manifestent pour le lui donner en personne.

Il prit son bol et entra dans la grande ville de SRAVASTI pour MENDIER LA NOURRITURE. Les membres du Sangha mendient la nourriture pour donner aux êtres vivants une occasion de planter les graines dans un champ de bénédictions. Parce que les êtres vivants ne savaient pas aller se trouver le Triple Joyaux pour planter les bénédictions, les membres du Sangha allaient chez des êtres humains en entrant dans les villes et mendiant de porte en porte, ni laissant pas le pauvre de côté pour mendier chez le riche, ni laissant le riche pour mendier chez le pauvre, contrairement Subhuti qui mendiait exclusivement chez des riches.

Le Bouddha réprimanda ses deux disciples Subhuti et le Grand Kasyapa de leur manière de mendier. D'abord, il grondait Subhuti d'avoir pensé, "les gens riches ont de l'argent parce que dans les vies

antérieures ils favorisaient le mérite et la vertu. Si je ne mendie pas chez eux et ne leur donne pas l'occasion de planter plus de bénédiction alors la prochaine vie, ils seront pauvres. Ils ne continueront pas à être riche et honoré. "C'est ainsi que Subhuti mendiait uniquement chez le riche. Quoi que, les gens riches mangent la bonne

nourriture. Quoiqu'il dit c'était de leur aider à semer les bénédictions, ainsi ils pouvaient continuer d'être riche dans les (futures) vies, je crois qu'en ce moment Subhuti aimait manger la bonne nourriture et c'est pourquoi il demandait chez le riche. C'est ce que je dis, mais peut-être Subhuti n'était pas comme le reste de nous, qui constamment pense de bien manger. C'est vrai qu'il voulait leur aider de continuer leurs bénédictions.

Deuxièmement, le Bouddha grondait le Grand Kasyapa parce, dans sa pénible pratique d'ascétisme, il ne mangeait non seulement juste un repas par jour, mais il mendiait seulement chez le pauvre. Sa pensée était "Ces gens sont pauvres parce que dans leurs vies antérieures ils ne nourrissaient pas le mérite et la vertu. Ils ne faisaient pas de bonnes actions quand ils avaient d'argent, et alors dans cette vie ils sont pauvres. Je leur aiderai de sortir de leur situation difficile en leur mettant en état de semer les bénédictions devant le Triple Joyaux, alors la prochaine vie ils seront riches et honorés." Plus le foyer est pauvre, plus il venait se mendier là, même au point que les pauvres gens prenaient la nourriture hors de leurs propres bols pour faire offrande à lui. Je crois que parce que le Patriarche Kasyapa pratiquait l'ascétisme qu'il voulait supporter la souffrance, et ne voulait pas manger les bonnes choses. Il savait comment les gens qui ont de l'argent mangent et il ne voulait pas manger les bonnes choses. Il savait comment les gens qui ont de l'argent mangent et il ne voulait pas manger bien lui-même. Il y a un proverbe chinois qui dit :

*"Ménager les habits augmente la vie.
Ménager la nourriture augmente les
bénédictions.*

Le Grand Kasyapa avait cent vingt ans quand il prenait refuge auprès du Bouddha. Vie après vie il avait été sobre, et dans cette vie parce qu'il n'aimait pas manger la nourriture des riches, il

mendiait uniquement chez les pauvres, juste le contraire de Subhuti. Toutes ces deux méthodes sont extrêmes, et ne sont pas conformés à la voie du Milieu, et c'est pour cette raison que le Sutra Surangama dit que le Bouddha leur grondait et les appelait Arhats.

Le Bouddha était juste dans sa mendicité et ne favorisait pas le riche ou le pauvre. Son disciple Ananda suivait son exemple et pratiquait une égale compassion. "Ananda savait déjà que le Tathagata, l'Honoré du Monde, avait exhorté Subhuti et le grand Kasyapa comme des Arhats dont leurs coeurs n'étaient pas régulier."

Il (Ananda) décidait que pendant toute sa mendicité il ne ferait aucune attention si ses donateurs étaient propres ou malpropres, réputé (Ksatriyas) ou infime (candalas). Il pratiquerait une compassion égale, plutôt que chercher le moyen et modeste, et en cette façon permette tous les êtres vivants semblables d'obtenir le mérite illimité.

L'impartialité dans la mendicité du Bouddha est indiquée par la Stricte Succession de porte en porte, il poursuivait. Lorsqu'il finissait de mendier à une maison, il allait mendier à une autre à côté et ainsi de suite pour le prochain.

Après, il avait fini sa mendicité consécutive, il retournait du Bosquet de Jeta dans le Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et le Solitaire, où il solitaire, où il mangeait la nourriture, rangeait sa robe et le bol, et lavait ses pieds. Le Bouddha voyageait les routes à pieds nus, alors après il retournait et avait mangé il lavait ses pieds.

Alors, il arrangeait son siège et s'asseyait. Quand sa mendicité était fini, la nourriture mangée, sa robe et son bol mis en réserve et ses pieds nettoyés... après cette coutume fondamentale avait été exécutée... Le Bouddha, alors arrangeait son siège et s'asseyait.

Cela signifie pas qu'il entassait les oreillers au-dessous et les oreillers derrière, oreillers tout autour et puis se détendait sur son coussin en peluche comme (certains) la plupart des gens y font.

Il signifie qu'il fit un geste ou deux, arrangeait une petite carpette et mettait de l'ordre à son siège un peu et puis s'asseyait.

Le vrai signe du prajna était exprimé dans l'exécution du Bouddha de la coutume quotidienne. Cela ne veut pas dire que l'accentuation était placé sur l'exécution elle-même, pour annoncer "j'y pratique" plutôt, si on comprend le Dharma, tout est pratique. Cela n'est pas vrai de celui qui atteint la manière d'un pratiquant expérimenté et déclaré "

regardez-moi, je m'assois juste ici", alors que une minute après lui trouve remuant continuellement.

Les gens qui pratiquent la voie de parler rarement. Ne pas parler beaucoup. Si vous y faites, vous gênez la pratique des autres gens aussi bien que la vôtre. Dans un lieu où le Sangha (vit) habite, on ne peut pas entendre le son d'une seule voie. Si la conversation est nécessaire, il est souhaitable de parler à voix basse pour ne pas déranger les autres. Les gens qui souhaitent utiliser l'effort dans la pratique de la voie devraient étudier le Bouddha et dans tout mouvement, tout geste, évitez d'obstruction les autres.

(à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEVALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

LES VOEUX

Ayant discuté de la Foi, nous allons discuter maintenant des vœux. Qu'est ce qu'un vœu ? Ce que vous désirez, la tendance de vos pensées, est un vœu. Dans le Bouddhisme, il y a quatre grands vœux :

Je fais vœu de sauver les êtres vivants illimités

Je fais vœu de couper les afflictions inépuisables

Je fais vœu d'étudier l'incommensurable voie du Dharma

Je fais vœu de réaliser la suprême voie du Bouddha.

Tous les Bouddhas et les Bodhisattvas du passé, du présent et du futur ont pratiqué la conduite du Bodhisattva et ont atteint la Bouddhité en s'appuyant sur ces quatre grands vœux.

Vous pouvez faire les quatre grands vœux selon les quatre Vérités Saintes. Suivant la vérité de la souffrance, je fais vœu de sauver les êtres vivants illimités.

Suivant la vérité de l'origine, je fais vœu de couper les afflictions inépuisables.

Suivant la vérité de la voie, je fais vœu d'étudier l'immense voie du Bouddha.

Suivant la vérité de l'extinction, je fais vœu de réaliser la Voie Suprême de Bouddha.

Les quatre grands vœux viennent d'une conscience de la souffrance des êtres vivants. Aux usages de la classification, la souffrance est divisée en groupe de trois, huit et des souffrances illimitées.

Selon la vérité de l'origine, je fais vœu de couper les afflictions inépuisables : Les trois souffrances sont :

1. La souffrance dans la souffrance. C'est la pauvreté et la misère de tous les êtres vivants.

2. La souffrance de la décadence. Les êtres vivants peuvent jouir de la richesse et de l'honneur, mais ceux-ci peuvent éventuellement tourner mal.

3. La souffrance du processus. Même sans subir les souffrances de la pauvreté et de la décadence, on souffre toujours de l'amertume du processus de la vie, de la naissance, de la vieillesse et enfin de la mort. Le changement et le passage d'une période de la vie à l'autre sont appelés la souffrance du processus.

Les huit souffrances sont :

1. La souffrance de la naissance

2. La souffrance de la vieillesse

3. La souffrance de la maladie

4. La souffrance de la mort

C'était parce que le Bouddha Sakyamuni avait rencontré ces quatre souffrances qu'il a décidé de quitter la vie de famille et pratiquer la voie.

5. La souffrance de la séparation de ceux que vous aimez

6. La souffrance d'être uni à ceux que vous détestez.

Si les gens ne sont pas séparés des êtres aimés, ils sont entourés d'ennemis. Si vous détestez quelqu'un, vous en trouverez un semblable partout où vous irez.

7. La souffrance de ne pas pouvoir réaliser ses aspirations. Vous vous faites des soucis pour d'obtenir une chose et une fois que vous l'obtenez, vous avez peur de la perdre. Cette souffrance n'est rien comparée au suivant.

8. La souffrance du flamboiement de rage des cinq Skandhas : la forme, les sentiments, les perceptions, les impulsions et la conscience. Les cinq Skandhas sont comme un feu en rage. Ils sont une ombre constante à laquelle nous ne pouvons pas nous échapper.

Malgré l'existence de ces souffrances, je fais vœu de sauver les êtres vivants illimités :

Pourquoi y a-t-il des souffrances illimitées dans ces huit souffrances ? Dans les vies antérieures, nous avons planté de graines de la souffrance et nous les considérons comme de vieilles amies dont nous détestons être séparés. Ayant établi les causes et les conditions de la souffrance dans le passé, alors dans le présent nous récoltons un fruit amer :

*Des causes faites pendant les vies passées
Deviennent alors votre vie présente
Les résultats que vous aurez dans les vies futures,
Viennent des actes commis dans cette vie
présente.
Semez les bonnes causes, récoltez de bons
résultats ;
Semez les mauvaises causes, récoltez les mauvais
résultats.*

Vous avez peur des résultats. "Oh, je souffre trop", vous dites avec amertume, mais vous souffrez parce que précédemment vous avez planté les causes de la souffrance.

Les humains ont peur des résultats, pas les causes desquelles ils viennent mais les Bouddhistes craignent les causes, non pas les résultats. Les Bodhisattvas sont extrêmement prudents et ne plantent pas les causes de la souffrance et alors ils ne récoltent pas la moisson de la souffrance. Ils subissent leur souffrance présente avec joie. Ainsi, les Bodhisattvas aussi doivent parfois souffrir mais ils le font volontairement, connaissant que

En subissant la souffrance, ils mettent fin à la souffrance ;

En jouissant des bénédictions, on est détruit au fur et à mesure,

Les humains, d'ailleurs, n'ont pas peur de planter les causes de la souffrance. « Que ce soit les bonnes ou mauvaises causes », disent-ils, je les ferai quand même. C'est sans importance. Mais lorsque les résultats arrivent « Oh ! Je ne peux pas les supporter », se plaignent-ils. « Comment cela pouvait-il arriver à moi » ? Une pareille amertume !

Si vous avez peur de la souffrance, vous ne devriez pas semer les causes de la souffrance, car si vous les semez aujourd'hui, vous récolterez plus tard certainement leurs fruits amers.

Né sur la Terre d'Ultime Béatitude, on n'endure aucune souffrance mais se réjouit de toute béatitude. Aucune des trois souffrances, des huit souffrances ou des souffrances illimitées ne s'y trouvent. Les gens sont purs et libérés de toute

cupidité, toute haine et toute stupidité. Sans ses trois poisons, il n'y a pas de mauvaises voies de la renaissance, parce que les mauvaises routes sont les manifestations de ces poisons.

Le Bouddha sauve les êtres vivants, mais en réalité, il n'en a sauvé aucun. Il a décidé de guider tout le monde à la compréhension de l'enseignement du Bouddha, à mettre fin à la souffrance, à atteindre la béatitude et à se réveiller. Mais quand vous avez aidé les gens à traverser la rivière, ne vous y attachez pas.

Sauvez les êtres vivants, mais n'attendez pas des remerciements de leur part.

Renoncez à des remerciements et sauvez-les. Ne vous attachez pas à vos faits et gestesou au et ne dites pas : « Voyons, j'ai sauvé trois, cinq, sept, ... au moins dix êtres vivants »

Si vous continuez à calculer, vous avez encore des attachements. Sauvez, cependant ne sauvez pas ; Ne sauvez pas, cependant sauvez.

Ceci est la vraie traversée de la rivière.

Vous devez sauver les êtres vivants dans votre nature du soi aussi bien que ceux de l'extérieur. Il y a quatre vingt quatre mille êtres vivants dans votre nature du soi. Enseignez les à pratiquer, à réaliser la Bouddhité et à atteindre le Nirvana.

Si vous décidez de sauver les êtres vivants, vous rencontrerez les afflictions. Si vous ne les sauvez pas, vous aurez aussi les afflictions. De toute façon vous aurez les afflictions puisqu'il y a quatre vingt quatre mille genres d'affliction.

(à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire du Vénérable Maître Hsuan Hua

La suite

Texte : LE RUGISSEMENT DU LION
EST LA PROCLAMATION SANS
PEUR.
QUAND LES CENT BETES
SAUVAGES
L'ENTENDENT, LEURS CERVEAU
SE BRISE,
ET L'ELEPHANT MUSQUE
S'ENFUIT DANS LA CONFUSION,
EN PERDANT SON IMPRESSION.
LES DIEUX ET LES DRAGONS
ECOUTENT
DANS LE SILENCE ET DANS LA
GRANDE JOIE.

Commentaire : LE RUGISSEMENT DU LION
EST LA PROCLAMATION SANS PEUR. Mon
enseignement de ce Dharma est comme un
rugissement du grand lion ; il est nullement
craintif.

QUAND LES CENT BETES SAUVAGES
L'ENTENDENT, LEUR CERVEAU SE BRISE.
Quand le Roi du Dharma enseigne le Dharma, c'est
comme le rugissement du lion, quand les animaux
sauvages l'entendent, ils tremblent tous de
soumission. Leur cher cerveau se brise et la peur
règne dans leur coeur.

ET L'ELEPHANT MUSQUE S'ENFUIT DANS
LA CONFUSION, EN PERDANT SON
ETRANGETE. L'éléphant musqué est une bête
sauvage très puissante, mais quand il a entendu ce
son ce son, il est désorienté. Il s'enfuit, et perd sa
virilité habituelle, sa disposition impressionnante
puissante et impitoyable.

LES DIEUX ET LES DRAGONS ECOUTENT
DANS LE SILENCE ET DANS LA GRANDE
JOIE. Les Dieux, les gens, les dragons et les esprits
écoutent ce Dharma dans le silence et ils le font
éloge avec joie, saluant en culte et faisant offrandes

respectueusement. Ils engendrent la grande joie.
L'enseignement de Dharma du Bouddha est
comme le rugissement du lion et les cent bêtes
sauvages sont comme les maîtres pervertis des

portes déviantes pour les chemins aberrant, qui
trompent les gens. Quand ils entendent ce propre

Dharma, ils ont peur et perdent contrôle d'eux-
mêmes.

Texte : EN ERRANT DANS LES RIVIERES
ET LES OCEANS,
EN TRAVERSANT LES MONTAGNES ET
LES RUISSEAUX ;
EN RECHERCHANT UN MAITRE POUR
DEMANDER LA VOIE,
QUI ENSEIGNE LE DHARMA.
PUISQUE JE VIENS DE CONNAITRE
LA ROUTE DE LA PETITE VALLEE TS'AO,
JE COMPRENDS LA NAISSANCE ET LA
MORT ET
N'AI AUCUNE RELATION AVEC ELLES.

Commentaire : EN ERRANT DANS LES
RIVIERES ET LES OCEANS, EN
TRAVERSANT LES MONTAGNES ET LES
RUISSEAUX ; Les Ancêtres vertueux
voyageaient à pieds sur les bords des grandes
rivières descendant vers le sud et montant le
nord, ils ont traversé les océans, parcouru les
gigantesques montagnes et les grandes vallées,
navigué à travers les océans et grimpé des
montagnes, ils ont goûté entièrement les
souffrances impliquées par ces voyages sur terre
et sur mer.

EN CHERCHANT UN MAITRE QUI
ENSEIGNE LE DHARMA POUR
DEMANDER LA VOIE. Malgré d'énormes
souffrances, ils étaient déterminés à trouver un
maître à l'esprit claire déjà illuminé : Qui était
arrivé là-bas, à qui ils pouvaient demander les
principes essentiels de la Voie—demander
comment mettre fin à la naissance et la mort,
comment étudier le Dhyana, et en somme un
miraculeux qui s'amalgame avec la non-
production.

PUISQUE JE
VENAIS DE CONNAITRE LE CHEMIN DE
LA PETITE VALLEE. D'abord, le Grand Maître
avait pratiqué suivant les enseignements de
l'école T'ien T'ai, et bien qu'il fut devenu
illuminé à certains égards, il n'était pourtant pas

encore devenu celui avec le visage d'origine. Plus tard, il visitait le Monastère Nan Hua à la petite Vallée Ts'ao, où le Grand Maître Hui Neng, le sixième Patriarche, expliquait et transmettait le principe de l'école de Ch'an qui était venu de l'Ouest. Il devenait illuminé du merveilleux principe de la non-production. Il comprenait l'esprit et il voyait la nature. Puisqu'on lui avait donné le sceau de la Certification du Patriarche, il dit : « Je venais de connaître la route de la petite Vallée Ts'ao. »

JE COMPRENDS LE PROBLEME DE LA NAISSANCE ET DE LA MORT ET N'AI AUCUNE RELATION AVEC ELLES. Il fut devenu illuminé de la Voie de la non-production et de la non-extinction, alors il dit : « Je comprends entièrement la naissance et la mort et n'ai essentiellement aucune relation avec elles. »

Texte : MARCHER EST DHYANA ;

S'ASSEOIR EST AUSSI DHYANA.

EN DISCOURS OU EN SILENCE, EN MOUVEMENT

OU EN SOLITUDE, MA SUBSTANCE EST EN PAIX.

MEME SI JE RENCONTRE LA POINTE D'UN COUTEAU,

JE SUIS TOUJOURS TOUT A FAIT CALME.

SI ON ME DONNE UN PRODUIT EMPOISONNE,

JE SUIS TOUJOURS TOTALEMENT EN PAIX.

NOTRE MAITRE RENCONTRAIT LE BOUDDHA DE LA LAMPE QUI BRULE.

APRES PLUSIEURS EONS COMME UN PATIENT IMMORTEL.

Commentaire : MARCHER EST DHYANA ;

S'ASSEOIR EST AUSSI DHYANA. Les actions quotidiennes de marcher, de rester debout, de s'asseoir et de se coucher, tous se passent dans le Samadhi Dhyâna

EN DISCOURS OU EN SILENCE, EN MOUVEMENT OU EN SOLITUDE, MA SUBSTANCE EST EN PAIX. Soit en parlant ou en restant silencieux, ma substance essentielle est paisible et tranquille.

MEME SI JE RENCONTRE LA POINTE D'UN COUTEAU, JE SUIS TOUJOURS TOTALEMENT CALME. Même si je rencontre des événements défavorables, inattendus, je reste tranquille, sans la moindre peur, comme le Sixième Patriarche avait fait quand il attendait son vengeur.

Il savait qu'il viendrait et l'attendait sans la moindre crainte.

SI ON ME DONNE UN PRODUIT EMPOISONNE, JE SUIS TOUJOURS TOTALEMENT A L'AISE. Si un pratiquant devrait subir une tentative secrète et quelqu'un qui voulait le blesser ou devrait-il absorber une boisson empoisonné, il accepte de la même façon tout en sachant que le poison n'a aucun effet sur lui et qu'il s'en sortira sain et sauf. Tel fut le cas du premier Patriarche, Bodhidharma, qui était empoisonné par les gens de la Voie externe mais n'en était pas mort.

NOTRE MAITRE RENCONTRAIT LE BOUDDHA DE LA LAMPE QUI BRULE. APRES PLUSIEURS EONS COMME UN PATIENT IMMORTEL. Il traversait des siècles infinis en se spécialisant dans la pratique de la patience devant l'insulte.

(à suivre)

LE MONDE DU DHARMA DES ASURAS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Les Asuras ont une nature violente,
Chargés de bénédictions,
Manquant de pouvoir,
Absolument déterminés au combat,
Ils réapparaissent tout au long dans la continuité du
karma.

STROPHE :

*Les Asuras ont une nature violente,
Chargés de bénédictions,
Manquant de pouvoir,
Absolument déterminés au combat,
Ils réapparaissent tout le long dans la traîne du
karma.*

COMMENTAIRE : Asura est un mot sanscrit qui signifie « laid ». Les asuras mâles sont extrêmement laids ; les femelles sont belles. La nature de l'asura mâle c'est d'être l'initiateur des combats. L'asura femelle aime aussi naturellement le combat, mais un combat intéressé, contrairement aux combats physiques (libres) des mâles, se servant des armes de l'esprit tels que la jalousie, l'obstruction, l'ignorance et l'affliction.

Parfois ce monde est compris dans les trois mondes du bien celui des Dieux, des humains et des Asuras. A d'autres périodes, ils sont classés parmi un des quatre mondes du mal-celui de l'enfer, des fantômes affamés, des animaux et des asuras. Il y a des asuras dans le monde animal, dans le monde humain, dans le monde des cieux, et parmi les esprits affamés. Bien que les asuras constituent un monde du Dharma individuel à part, ils apparaissent également dans les autres mondes. En général, indifférents au monde auquel ils appartiennent, ils aiment chercher la bagarre et ils ont mauvais caractères. Ils aiment diriger les autres et ils les contrôler mais ils ne supportent pas le contrôle d'eux-mêmes. Ce sont les caractéristiques des asuras.

Si vous n'avez pas observé les asuras, je peux vous en apprendre un peu plus à leur sujet. Parmi des

gens, les asuras peuvent être bons ou mauvais. Les bons asuras comportent les officiers, des militaires et des troupes, et les mauvais asuras sont des bandits, des voleurs, les cambrioleurs, les étrangleurs, les meurtriers, et leurs semblables. Nous pouvons rencontrer ces asuras dans le monde des hommes. Il y a également des asuras dans les cieux. Les asuras célestes se battent contre les troupes célestes de shakra. Du matin au soir, ils tentent de renverser le shakra afin de s'emparer de son trône et devenir le roi céleste. Mais quelles que soient leurs stratégies, ils sont toujours vaincus, parce qu'ils sont chargés de bénédictions, mais manquent de pouvoir. Ils avaient accumulé les bénédictions qui leur ont permis de renaître dans les cieux, mais ils n'ont aucune autorité dans ces cieux. Pour cette raison, ils sont invariablement vaincus dans leurs luttes contre les troupes célestes.

Y-a-t-il des asuras dans le monde animal ? Oui, par exemple, les tigres sont des asuras parmi des animaux, les lions et les loups sont des asuras parmi des animaux. Ces asuras brutalisent les autres animaux. Les tigres et les lions tuent les autres animaux pour se nourrir. Ils sont des prédateurs des autres animaux parce qu'ils ont la nature des asuras, les serpents et les aigles sont aussi des asuras.

En général, les asuras sont complètement dépourvus de raison et ont des caractères très marqués. Ils s'emportent constamment, trop verveux ! Il y a aussi des asuras dans le monde des esprits affamés, et ils voyagent en rudoyant les autres esprits. Le monde des fantômes affamés comporte des bons esprits et des mauvais esprits. Les mauvais fantômes manquent absolument de raison. Les fantômes ne sont pas raisonnables, mais ces spectres d'asura sont encore plus déraisonnables. C'est pourquoi on dit que : « Les asuras ont une nature violente. » Ils ont des caractères explosifs.

« Chargés de bénédictions, manquant de pouvoir. » Ils ont les bénédictions du ciel, mais manquent de l'autorité céleste. Ils luttent pour obtenir le pouvoir et des avantages, mais ils y échouent. « Déterminés absolument à se battre » : Ils aiment se battre et faire la guerre. Le monde moderne est un monde des asuras- tout le monde se bat et s'étrangle, essayant de faire tomber l'autre. Lin Biao de la Chine (le successeur de Mao Zedong) était un loup dans une vie antérieure ; c'est pourquoi, il était si mauvais. Il pouvait guider une armée de millions de soldats. Il connaissait les moyens de les apprivoiser et de les rendre obéissants. Zhou Enlai était un être humain dans une vie antérieure et une personne très intelligente. Il était même plus malin que Zhu Geliang (le brillant stratège dans la région des trois royaumes.) C'est pourquoi il était capable de résister dans un monde aussi tumultueux.

Je vous ai raconté ces secrets il y a cinq ou six ans, mais personne d'entre vous n'y prêtait attention. Quelqu'un a posé la question : Lin Biao était un loup. Et Zhu De (le vieux vice-président de la partie communiste chinoise lorsque Mao était le président) ? Zhu De était un lion. Quelqu'un d'autre demande : « Alors qu'étais-je ? » Vous êtes juste vous et je suis juste moi. Je parle des gens célèbres dans le monde. Vous n'êtes pas célèbre, alors vous n'êtes pas concerné.

Les Asuras sont si agressifs qu'ils peuvent continuer à se battre pendant cent, deux cents, trois cents, cinq cents ou même mille ans. Ils pourraient se battre pendant mille ans sans se lasser ! C'est la grande époque du combat mais aussi l'époque de la fin du Dharma. Cependant, nous ne voulons pas la fin du Dharma ; nous voulons que le vrai Dharma soit vainqueur. Nous devrions faire vœux que partout où nous allons, le Dharma soit vainqueur. Si tout le monde accomplit ce vœu, l'âge de la fin du Dharma deviendrait l'âge du vrai Dharma. Nous pouvons transformer la situation.

« Ils réapparaissent tout au long de la continuité du karma. » Les Asuras peuvent être nés dans les cieux, dans le monde humain ou dans les mondes des animaux et des spectres affamés. Entraînés par la force de leur karma, ils s'égareront dans l'erreur, créent plus de karmas et subissent le châtement. La force de leurs karmas les pousse à la vengeance dans les divers mondes. Les pratiquants devraient prendre garde de ne pas être belligérant et alors, ils ne seront pas entraînés dans le monde d'asura.

Si nous les étudions en détail, nous trouverons qu'il y a des asuras dans cinq des neuf mondes du Dharma des êtres vivants. Dans le monde animal, il y a des asuras parmi des êtres qui volent, qui vivent sur terre, et dans l'eau. Les crocodiles par exemple

sont des Asuras qui vivent dans l'eau. Les étalons sauvages sont des asuras parmi des chevaux. Ils apportent des troubles et des perturbations dans le troupeau. La plupart des taureaux sont des asuras aussi. Ils frottent leurs cornes contre les choses pour montrer leur appartenance au monde d'asura. Les taureaux sont des asuras par nature. Même les chiens ont une nature d'asura, alors les gens qui possèdent des chiens sont à proximité des asuras. Si vous fréquentez les asuras, vous devenez plus proche d'eux. Et vivre dans leur proximité est très dangereux, vous pourriez tomber dans le monde des asuras. Tout le monde devrait être vigilant et observer avec prudence pour ne pas entrer dans le monde des asuras.

Les Termes Bouddhistes

A Définir

Manjushri : Bodhisattva de la sagesse infinie, incarne le principe de la sagesse éveillée de tous les Bouddhas. Représenté tenant dans la main droite l'épée enflammée de la sagesse qui tranche les illusions de l'ignorance.

Mont Meru : Sommet du monde, montagne cosmique située au centre de l'univers dans la cosmologie indienne. Les constellations tournent autour du mont Meru situé dans l'axe de l'étoile Polaire. Au-dessus du mont Meru, se superposent les cieux des dieux supérieurs, des mondes de la forme et de l'absence de forme, et, au plus haut, les terres pures de Bouddhas.

Tantra : Littéralement « continuité », texte fondamental du Véhicule Vajra enseigné par le Bouddha apparaissant dans son corps de Dharma. Tradition ésotérique du Bouddhisme dans le Véhicule Vajra, par rapport à la tradition exotérique des enseignements du Véhicule universel.

Voie du milieu : Vue philosophique la plus élevée du Véhicule universel qui évite les extrêmes.

Arhat : Être ayant atteint la libération du cycle des existences après avoir éliminé les tendances karmiques et les émotions négatives qui le faisaient renaître dans le cercle vicieux du samsara. C'est le but auquel aspirent les pratiquants du Petit Véhicule. Pour le Grand Véhicule, il ne s'agit pas encore de l'Eveil total.

LA PATIENCE : MERE DE TOUTES LES VERTUS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Le secret d'un pratiquant Bouddhiste est d'absorber peu de nourriture. Car si on mange peu, nos désirs diminuent et quand ces désirs diminuent et qu'on sait que c'est suffisant, alors on obtient la sérénité. Quand on se sent toujours serein, les afflictions n'apparaissent plus. L'absence d'afflictions engendre le Bodhi. Et quand apparaît le Bodhi, on est complètement libéré. Et quand on est parvenu à la délivrance absolue, on comprend parfaitement sa destinée, le problème de la vie et de la mort ainsi que la sagesse absolue. En somme, c'est la parfaite sérénité. Ce sont les différentes étapes que doit traverser un pratiquant Bouddhiste. Nous aussi efforçons-nous à les traverser. Un pratiquant Bouddhiste doit être patient devant n'importe quel obstacle, il doit faire preuve de la patience, serrer les dents et supporter ; et une fois qu'il arrive à le surmonter, "que les vagues et la tempête se sont calmées", la tranquillité apparaît naturellement. Durant notre vie active, même si on est forcé d'agir à contre cœur, on doit se résigner et agir ; petit-à-petit, on s'y habitue et finalement tout devient naturel. En somme, quand on entreprend n'importe quelle activité, on doit l'accomplir soigneusement, consciencieusement. On ne doit pas être paresseux, esquiver pour se reposer, ou bien bâcler pour en finir au plus vite. Certains nourrissent la pensée suivante en tête : "Etre bonzes pendant un jour, alors ils sonnent la cloche pendant un jour". Agissant ainsi, ils vont à l'encontre du Bouddhisme. Ils s'appuient sur Bouddha pour avoir de quoi manger et s'habiller ; ils vivent au jour le jour, n'ont sûrement aucun avenir dans leur vie. Pour moi, j'ai adopté "la patience" comme devise de ma vie ; en toute circonstance, je resterai avec tout mon corps et mon esprit fermement décidé, non seulement à résister, mais à tout supporter.

Quand je vivais dans mon village natal qui se trouvait au Nord-Est de la Chine, j'étais habitué au froid et à la chaleur. Au moment le plus froid de l'année, je ne portais ni de chaussures, ni de chaussettes ; je marchais pieds-nus dans la neige, le

froid était glacial, mes pieds étaient gelé et me faisaient très mal, mais j'essayais de toutes mes forces à endurer et finalement je ne me sentais plus mal. Et au moment le plus chaud de l'année, la

chaleur nous étourdissait, nous donnait des vertiges à tel point qu'on avait l'impression de marcher dans le noir, que la terre tournait et renversait tout autour de nous. Par cette chaleur intense, les gens se trouvaient mal, prêts à s'évanouir, mais moi, je ne me sentais pas si mal ; un peu de repos et je retrouvais ma pleine forme. J'adopte comme préceptes moraux les deux mots : "Patience et résignation" pour vaincre tous les obstacles : Le froid, la chaleur, les intempéries, la faim et la soif, fermement décidé à tout endurer sans jamais céder ou me rendre. Et puis, quand je me suis couverti, je pratiquais la doctrine : "Patience et résignation". Si on m'insultait, je faisais comme si je n'entendais rien ou comme si j'étais en train d'écouter une chanson. Résultat : Je me sentais parfaitement serein. Et si on me frappait, je ne répondais jamais par des coups, mais au contraire, je les acceptais avec une attitude calme, conciliant. Je pratiquais consciencieusement toutes les scéances de prière du bon matin comme celles du soir - de très bonne heure, à l'heure où il fallait se rendre à la salle de prières, même en plein sommeil, au son de la crécelle, je me réveillai tout de suite, le temps de faire un brin de toilette et très vite je me rendis à la salle et j'attendais. J'étais toujours en avance de cinq minutes, jamais en retard. Depuis ma conversion, j'ai toujours agi avec la patience et la résignation. Partout où je venais, ou pour suivre un stage, ou pour pratiquer des scéances de prière du bon matin ou celles du soir, ou pour donner des conférences ou pour écouter des doctrines ou des Mantras du Bouddha ou tout simplement pour assister à des scéances d'offrandes du repas à midi, je suis toujours arrivé à l'heure, jamais en retard, même d'une minute. Aujourd'hui, si je vous ai raconté ceci, je voudrais vous faire part de mon expérience personnelle. Si vous voulez pratiquer la religion d'une façon correcte, alors dans l'accomplissement d'une tâche, vous devriez être dynamique, positif mais pas fainéant, surtout ne manquez jamais de patience et de résignation. Il faut supporter l'insupportable, se résigner devant la violence. Supporter et se résigner à tout : Constituent un guide pour un pratiquant

Bouddhiste. D'autant plus que vous êtes encore dans la période d'apprentissage et de formation, vous devriez vous efforcer davantage dans la patience et la résignation. Même si vraiment vous ne pouvez pas vous résigner, vous devez absolument vous calmer et vous résigner. C'est pourquoi, il y a un proverbe qui dit :

*"Un peu de patience calme le vent et les vagues,
Un pas de recul dévoile l'océan immense et le ciel
bleu".*

Vous ne devez pas vous mettre en colère facilement mais sachez que : "Le feu de l'ignorance (de la colère) est capable de brûler toute une forêt de mérite". Ce sont des paroles très justes et qui renferment une observation pleine d'expériences. Souvenez-vous-en tous ! et gravez cela dans votre esprit ! Soyez prudent, ne vous mettez pas en colère en toute circonstance !

Vous ne devez pas vous fâcher toujours et porter des jugements trop sévères. Pour vous, tout est injuste déraisonnable, choquant, insupportable. Il est évident que, dans la vie, il existe beaucoup de choses qui nous déplaisent, mais si nous "reculons d'un pas" en nous rappelant : "Patience, résignation", et si nous parvenons à nous calmer, à nous résigner, alors tout se passera d'une façon merveilleuse et les afflictions disparaîtront immédiatement.

Quant à nous autres pratiquants Bouddhistes, nous devons accomplir consciencieusement et parfaitement notre tâche sans négliger, sans nous relâcher, sans sombrer dans la paresse. Tout le monde doit se plier aux règlements établis par l'assemblée du Sangha et ne doit pas se dire : "J'ai toujours été présent aux conférences des doctrines de Bouddhas, alors pour d'autres tâches, je peux négliger ou me dispenser. Cette pensée est absolument inadmissible. Que ce soit une cérémonie d'offrandes à midi, ou une scéance de prière du bon matin ou celle du soir ou une réunion religieuse, vous devez arriver à la salle de prières, un peu plus tôt avant la cérémonie. Ainsi le résultat (le fruit) que vous obtiendrez plus tard, dans le futur, sera parfait. Par contre, si vous arrivez toujours en retard, plus tard, dans le futur, vous risquerez de perdre l'occasion d'ouvrir votre sagesse. Généralement, quand vous entreprenez une tâche, si vous arrivez et partez toujours en retard, vos mérites ne seront pas parfaits.

Nous sommes des pratiquants Bouddhistes, ne discutons pas avec nous-mêmes, ne soyons des avocats pour plaider notre cause. Nous avons un proverbe disant : "Telle cause engendre tel effet". Quand on sème un bon grain, on obtiendra un bon fruit, par contre si on sème une graine mauvaise, on

récoltera un mauvais fruit, c'est la loi de la causalité éternelle de l'univers. Si on sème un grain parfait, le fruit qui sera formé, sera aussi parfait, et si on sème un grain à moitié, le fruit qui sera formé, ne sera pas parfait. Tout le monde doit comprendre ce principe, n'en soyez pas indifférent, et ne le considérez pas comme une brise qui souffle légèrement à travers les oreilles.

Les Leçons Morales du Grand Maître Vénérable Hsuan Hua

▣ Quand vous pratiquez, vous ne devez pas faire naître l'esprit de la joie et la crainte quel que soit le niveau de votre pratique. C'est une méthode fondamentale pour un pratiquant qui veut résoudre les problèmes de démon.

▣ Si tout être humain dans le monde ne mange pas la viande, ne s'entretue pas et tout le monde est végétarien. Alors, les dangers du monde seront disparaître, et pourront sauver plusieurs vies.

▣ Quand on tue des animaux, alors dans leurs cœurs, ils naîtront une grande haine. Et quand ils meurent, ils auront l'esprit craintif, ils auront rancune et se vengeront, c'est à cause de ce sentiment qu'il apparaîtra une sorte de poison dangereux dans le monde.

▣ Les légumes sont des aliments naturels qui permettent de donner un contre-poison, c'est pour cela que quoi qu'on soit empoisonné par n'importe quelle sorte de spectre, alors, tôt ou tard on sera désintoxiqué. Ainsi, si on mange beaucoup de légumes, on est sûr d'avoir une bonne santé et on vivra longtemps.

▣ Si on veut qu'il n'y a pas de poison dans le monde, alors tout le monde doit être végétarien et personne ne mange pas la viande. Car la viande contient de poison. Vous ne remarquerez pas quand vous le consommez, mais peu à peu vous serez empoisonnés par ce poison.

La Porte Ouvrant La Sagesse

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Le but primordial de la méditation c'est d'ouvrir la porte de la sagesse. Depuis d'infinis Kalpas jusqu'à nos jours, si nous nous enfonçons de plus en plus dans la stupidité, dans nos pensées chimériques, dans nos afflictions, c'est parce que nous n'avons pas compris la méditation, ni la culture spirituelle. Pourquoi ? Parce que nous n'avons pas cultivé la sagesse, ni pratiqué la méditation. Cette ouverture d'esprit n'a pas de forme, ni de couleur, ne peut être mesurée par l'œil profane de ce monde. En quoi consiste cette ouverture de la sagesse ? Elle consiste à savoir d'où vient l'être humain ? Où va-t-il après la mort ? Et comment est-il né ? Comment est-il mort ? Une fois qu'on a compris tous ces problèmes, on pourra enlever le voile de l'ignorance. L'ignorance disparue, il n'y aura plus d'afflictions. Les afflictions disparues, plus de pensées illusives, changeantes. Si les pensées changeantes diminuent, les mauvaises pensées diminuent aussi. Et quand les mauvaises pensées diminuent, les bonnes pensées apparaissent. Alors la sagesse s'accroît de plus-en-plus comme les plantes printanières poussent de plus-en-plus vite. Même si on regarde de près, on ne s'aperçoit pas de ce phénomène. Pareillement à propos de la sagesse, quand les bonnes pensées viennent à exister, alors les mauvaises pensées disparaissent, la sagesse s'agrandit de plus-en-plus. Pouvez-vous vous en rendre compte, non vous ne pouvez pas le voir. Même les Saints n'arrivent pas à voir la sagesse. Et vous, avez-vous de la sagesse ? Si vous l'avez, ou ne l'avez pas, vous pouvez le ressentir vous-même. Si votre esprit n'est plus tourmenté, si vous n'agissez plus sans réfléchir comme dans le passé, mais vous agissez selon le bon sens, alors vous avez la sagesse. Mais si vous continuez à agir à tort et à travers, et votre esprit reste toujours tourmenté, alors vous êtes toujours resté dans la stupidité. Si vous cultivez la voie du Bouddhisme, vous devez retourner à vos racines, exploiter la mine de la sagesse préexistant déjà en vous. Une fois exploitée, la sagesse vous aide à comprendre juste. Et quand cette juste compréhension est poussée à l'extrême c'est la Bouddhité. Un être humain n'est pas très différent de Bouddha. Cette différence réside dans le fait que Bouddha possède une sagesse immense. Si nous avons foi en Bouddha, nous n'avons pas besoin de prier pour avoir des pouvoirs magiques, trois corps,

quatre sagesse, cinq yeux, six pouvoirs surnaturels. Il suffit de croire à la sagesse de Bouddha. Comme Bouddha, nous avons tous une sagesse. Bouddha est notre guide, il nous indique le chemin que nous devons suivre pour aller exploiter notre mine de la sagesse existant déjà en nous. De nos jours, les scientifiques, les chimistes, les physiciens, les philosophes se tournent vers l'extérieur pour trouver les réponses à leurs projets. En vérité, toutes les solutions existent déjà dans notre nature. Méditer c'est ouvrir l'usine chimique de notre corps, expérimenter dans tous les domaines, c'est la mère de la science, mère de la philosophie, elle favorise l'ouverture de notre immense sagesse. Une fois que la sagesse est ouverte, tous les problèmes seront naturellement résolus. Ceux qui pratiquent souvent la méditation découvrent en eux-mêmes une sagesse à la fois immense et absolue, un esprit d'observation et de justice merveilleuse, enfin la parfaite réalisation de la voie. Si nous arrivons à acquérir ces quatre facultés, alors nous obtiendrons naturellement les cinq yeux et les six pouvoirs magiques sans prendre la peine de prier. Nous n'avons pas besoin d'aller les chercher tous les jours puisqu'ils existent déjà pleinement dans notre nature. Néanmoins, vous devez avoir beaucoup de patience, vous devez méditer matin et soir. Alors, à ce moment là, en éliminant toutes les souillures, vous arrivez à vous purifier, à retrouver votre nature sereine. C'est le moment où votre machine chimique accomplit des expériences dans tous les domaines. Chaque matière première utilisée donne naissance à des produits correspondants. De même, la méditation doit faire surgir de pures pensées, comme les plantes, au printemps, se développent lentement. Si vous ne pratiquez pas la méditation, ne cultivez pas la voie du Bouddhisme, vous ressemblez à une pierre à aiguiser, vous vous userez, mais vous ne vous rendez pas compte de votre perte. Lorsque nous gâchons notre tâche, non seulement nous perdons notre précieuse sagesse, mais notre corps se détruit, et finalement la mort nous emporte. Si nous gardons notre corps absolument pur, notre esprit limpide, nous pourrions conserver notre pleine forme, alors notre sagesse s'agrandit de plus-en-plus.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

Quatrième Partie : Les Miracles A Côté De La Tombe.

Le douzième vœu du Maître s'annonça ainsi : « Je jure de supporter moi-même les misères de tous les êtres vivants du monde du Dharma, que je puisse être seul à endurer leur souffrance ». Pour purifier son serment, chaque fois que quelqu'un chercha l'aide du Maître, il détermina en toute bonne foi d'épuiser toute sa force pour l'aider. Puisque le corps est simplement une combinaison des quatre éléments illusoire : Terre, air, feu et eau. Si on arrive à lâcher l'attachement du corps, n'importe quelle maladie disparaîtra d'elle-même. « Lâchant l'attachement » veut dire simplement mettre de côté le confort physique et chercher à la place à comprendre et pratiquer la doctrine du Bouddha pour l'intérêt de tous les êtres. De cette façon, on peut apprendre à quitter la mer des souffrances et atteindre la permanence du Nirvana, la pureté, la vrai moi et la félicité.

Les incidents suivant sont des exemples de la puissance du Dharma du Maître, combinée à sa vraie bonne foi, laquelle peut guérir n'importe quelle maladie.

LES EVENEMENTS PEU COMMUNS A CÔTE DE LA TOMBE

En été, les moustiques étaient grosses et violentes, mais elles ne piquent jamais le Maître, par contre elles ne lâchent pas ses visiteurs qui se plaignaient souvent. « Pourquoi ne vous piquent-elles pas ? Lui demandèrent-ils. « Je ne sais pas », Dit le Maître, « je n'y ai jamais réellement

pensé ». Alors il se mit à penser, « les moustiques n'ont pas de respect pour quiconque. Ils piqueront les Bodhisattvas ; les Arhats ; ils piqueront n'importe qui parce qu'ils sont vraiment stupides. Ils ne me piquent pas encore. Maintenant, si les chiens loups ne me mordront pas ou ne mordront pas mes invités, alors les moustiques devraient laisser mes invités tranquilles ».

A partir de ce moment là, parmi les invités qui sont venus rendre visite au Maître, plus aucun n'a été piqué par les moustiques.

Une fois, il y avait un tremblement de terre sérieux. Le Maître méditait et pensait ainsi, « Le roi du démon est venu pour détruire mon Samadhi, mais je ne vais pas bouger ». Quand le tremblement s'arrêta, il pensa, « j'ai maîtrisé le démon ».

Une autre fois, miraculeusement, le Sixième Patriarche, le Grand Maître Hui Neng, vint bavarder avec le Maître. Il lui dit que plus tard le Maître irait en Amérique, décrivait les gens qu'il rencontrerait et dit que le Maître transmettrait le Dharma orthodoxe dans le monde de l'Ouest. Après cet entretien, le Maître conduisit le Sixième Patriarche hors de la cabane. Celui-ci fit quatre ou cinq pas et disparut. C'était seulement alors que le Maître se souvenait que le Sixième Patriarche était entré dans le Nirvana il y a plus de 1200 ans auparavant.

SOULAGEANT LA SOUFFRANCE DES ETRES VIVANTS

Quand le Maître pratiquait la voie à côté de la tombe de sa mère, dans le village, vivait une femme nommée Chang. Elle avait souffert du vomissement chronique pendant quatre ans. Ni les docteurs chinois, ni les docteurs occidentaux étaient capables de la guérir et les médicaments n'avaient aucun effet. Ayant entendu parler de la vertu filiale du Maître, elle allait au côté de la tombe, s'agenouillait respectueusement et sollicitait l'aide du Maître. Celui-ci lui expliquait d'abord les principes de la vie humaine dans la lumière de la doctrine du Bouddha, et que l'origine de la maladie résulte du processus de la cause et de l'effet. Lorsqu'elle s'était repentie de ses mauvaises actions passées, il lui apprit à réciter le nom du Bouddha Amitabha, ce qu'elle faisait fidèlement. Elle lui rendait visite quotidiennement et le saluait d'un cœur sincère. Après 21 jours sa maladie était complètement guérie.

Une autre Mrs Chang, qui vivait près de la gare de P'ing Fang, avait été paralysée des jambes depuis trois ans. Ni le traitement médical ni la sorcellerie ne pouvaient la guérir. Quand elle entendait parler du son filial Pai, elle venait en voiture jusqu'à sa cabane et le solliciter de la guérir.

« Je ne connais rien en médecine », Dit le Maître, « et pourtant ceux qui croient sincèrement sont guéris par la vertu de leur sincérité. Vous avez besoin seulement de la foi, repentissez de vos fautes et changez pour le bien. Si vous récitez le nom du Bouddha et arrêtez de manger de la viande, vous irez bientôt bien ».

Mrs. Chang saluait le Maître et demanda une photo de lui, qu'elle accrocha dans sa maison. S'agenouillant sur le plancher, elle se prosternait devant cette photo quotidiennement. Après cent jours, la paralysie disparut et elle pouvait rebouger normalement. En voyant ceci, la famille entière vient se prosterner devant le Maître et le considérait comme leur maître. Ils juraient de faire offrandes et de soutenir le Triple Joyau et de travailler énergiquement pour le bien de l'humanité.

Dans le village Pa Chia, à quarante miles de la demeure du Maître, Tai Kuo Hsien était mourant de la tuberculose. Les docteurs avaient perdu toutes ressources, tout espoir, cependant il voulait encore vivre. Il allait chez le Maître et le sollicitait de le guérir. Voyant qu'il était sincère, le Maître lui enseignait à réciter le nom du Grand Compatissant Bodhisattva Kuan Shih Yin et à garder la précepte contre la tuerie, c'est à dire à ne plus manger de viande. Ensuite le Maître versa de l'eau doucement au dessus de sa tête et le malade se sentit soudainement à l'aise et en pleine forme. Sa maladie fut guérie. Il se refugia alors auprès du Triple Joyau et continuait à réciter le Mantra de la Grande Compassion et le nom Kuan Yin sans cesse.

Mrs. T'ang avait été en couches depuis quatre jours et était proche de la mort. Sa belle mère allait chez le Maître et s'agenouillait devant lui, pleurant amèrement. Le Maître avait pitié d'elle et dit, "Rentrez chez vous, appelez toute la famille et récitez, « Nam Mo Kuan Shih Yin Bodhisattva »". Ensuite faites le vœu de ne consommer que de la nourriture végétarienne pendant cent jours tous les ans et tout ira bien ".

Elle rentra à la maison et suivit les conseils du Maître, Mrs. T'ang accoucha tout de suite et la mère et son enfant étaient tous deux sains et saufs.

Le nombre des disciples du Maître augmentait de plus en plus. Dans le village de Tung Ching Tzu, Wang Feng I et sa famille plus de trente membres ont pris tous refuge. Ils étaient tous végétariens et travaillaient avec une grande consécration pour répandre la doctrine du Bouddha.

Quand le neveu Wang tomba sérieusement malade, lui et le père du garçon s'agenouillaient devant l'image des Bouddhas et des Bodhisattvas et demandaient l'aide du Maître. Ils priaient pendant une semaine entière et alors, une nuit Wang rêvait que le Maître est venu chez lui et donna à l'enfant une pilule que l'enfant avala immédiatement. Lorsque Wang se réveilla, il trouva que l'enfant était complètement guéri. En apprenant ceci, les amis et les parents ont pris tous refuge et pratiquaient ensemble la voie en vue de sortir de la mer des souffrances pour la Terre de l'Ultime Félicité.

(à suivre)

LA LETTRE DU NOUVEL AN

L'hiver passe, poursuit le printemps. Le phénomène naturel se perpétue continuellement. En hiver il fait froid, les arbres sont tous flétris. Tandis qu'au printemps, il fait doux, les arbres commencent à bourgeonner à nouveau. La nature revient donc à la vie. Tout ce phénomène représente le changement de la nature de l'univers. En ce qui concerne le climat, il y a quatre saisons dans l'année. Quant à l'espace, il y a la naissance, l'existence, la décadence et la destruction. Ces quatre phénomènes changent constamment. En ce qui concerne l'être humain, il y a la naissance, la vieillesse, la maladie et la mort. C'est la loi impermanente qui s'établit.

L'arrivée du nouvel an, annonce la fin de l'année passée et le début d'une nouvelle année. Pendant les premiers jours de l'année, tout le monde s'anime. Tout le monde se prépare pour accueillir le nouvel an. C'est vraiment une grande animation. La maison est propre, bien nettoyée. Sur l'autel, il y a plein de fruits, de gâteaux, de bonbons et les enfants sont beaux dans leurs nouveaux vêtements. On souhaite la bonne année aux grand-parents, aux parents . . . Ensuite on va à la pagode pour prier Bouddhas et Patriarches de nous protéger pendant toute l'année, d'exaucer nos plus grands désirs.

Cependant, le premier jour de l'année a un sens plus significatif dans le Bouddhisme que tout le monde a oublié. En effet, c'est le jour de la naissance du Bouddha Maitreya, le futur Bouddha. Il sera né dans ce monde. Il est désigné pour être le futur Bouddha par le Bouddha Shakyamuni. Il est entrain de proclamer le Dharma dans la demeure céleste en ce moment. Il attend le bon moment pour apparaître dans le monde humain comme avait fait le Bouddha Shakyamuni. Il lui reste encore combien d'années alors ? Encore très, très longtemps, des millions d'années ! Quand la durée de vie d'un être humain atteint jusqu'à 4000 ans, à ce moment là, il naîtra dans le monde. (Aujourd'hui, la longévité d'un être humain est d'environ 70 ans, elle diminue d'un an tous les cent ans et elle descend jusqu'à dix ans puis elle s'arrête. Ensuite, c'est l'inverse. C'est à dire elle augmente d'un an tous les cent ans, elle augmente ainsi jusqu'à 84000 ans puis elle s'arrête. Ensuite, elle recommence à diminuer d'un an tous les cent ans jusqu'à ce qu'il reste 4000 ans. C'est à moment

là qu'apparaîtra le Bouddha Maitreya dans le monde).

Pourquoi a-t-il choisi le premier jour de l'année pour son anniversaire ? Peut être, chacun d'entre nous a tous eu l'occasion de voir son apparence. Il a un gros ventre, des longues oreilles et toujours souriant :

*« Gros visage aux grands yeux
Toujours souriant
Ventru et longues oreilles
Tout le monde est joyeux en le regardant ».*

Il est toujours joyeux et ne connaît pas ce qu'est la tristesse ! Il est comblé de joie du matin au soir. Quiconque le réprimande, l'injurie et le calomnie, il supporte tout cela tranquillement :

*« Gros ventre est patient,
Patient devant l'insupportable! »*

Il est patient à tel point que même la pensée de garder rancune envers quelqu'un ne surgit pas dans sa tête. Parce qu'il comprend parfaitement que les activités humaines ne sont pas réelles ; les louanges et les critiques sont toutes irréelles. Quand les gens aiment ils félicitent ; mais quand ils détestent, ils critiquent. C'est pour cette raison qu'ils sont appelés des profanes, des êtres qui n'ont pas encore surmonté le cercle du monde. Alors :

*« Il éclate de rire,
Il rit à tout ce qui provoque le rire ».*

Il rit parce qu'il voit que les profanes tiennent toujours aux honneurs et richesses, et par jalousie, se combattent les uns des autres et pour qu'à la fin ne ramasser qu'une petite la rétribution.

Dans une vie antérieure, il est descendu sur terre sous la forme d'un gros Maître Vénérable. Il erre partout avec un gros sac sur le dos pour mettre toutes les offrandes. Quand il voit les enfants, il leur donne des cadeaux. C'est pour cette raison que les enfants l'aiment beaucoup, s'ils le voient, ils s'approchent et lui demandent un cadeau.

Il est non seulement compatissant, mais il a encore des qualités de la patience, il pratique d'ascétisme et il sauve beaucoup de gens comme a été dit à travers ce poème :

*« Un vieillard en habit raccommodé
Se nourrit de riz sans saveur
L'habit raccommodé le protège du froid
Tout événements se produit selon la cause*

*Si quiconque réprimande le vieillard
 Le vieillard ne dit que du bien
 Si quelqu'un frappe le vieillard
 Le vieillard s'allonge
 Si quelqu'un crache sur lui
 Il le laisse sécher
 Il ne gaspille pas son énergie
 Il a une parfaite qualité
 Si on suit son exemple
 On est sur la bonne voie ».*

Le poème ci-dessus renferme une philosophie profonde. Le vieillard ne porte que des habits raccommodés, il ramasse des bouts de tissus que les gens ont jetés, ensuite il les rapièce en habits pour se protéger du froid, sans se soucier de ce qui est beau ou pas beau. En ce qui concerne la nourriture, il mange ce qu'on lui donne, pourvu que son ventre soit rempli. Parce qu'il a compris que même si la nourriture est très bonne, une fois traversée la gorge, elle devient dégoûtante. Alors, tout ce qu'il veut c'est s'alimenter pour entretenir ce corps afin de pratiquer la voie. Il ne se soucie de rien et ne fatigue pas son esprit à réfléchir à quoi que ce soit. Si un événement doit se produire, il se produira. Si une personne le calomnie, le frappe sans motif ; il le supporte avec patience. Parce qu'il a un cœur infiniment patient et compatissant ; il sait pardonner tout, ne hait personne, ne garde aucun problème dans son cœur. C'est pour cette raison que son esprit est pur et paisible. Il considère tout être humain

comme lui-même, il prend la souffrance des autres pour sa propre souffrance. S'il voit des gens qui ne veulent pas encore pratiquer la voie, il essaie de trouver un moyen pour les ramener sur la bonne voie. Il apparaît dans le monde pour se lier d'amitié avec les êtres ordinaires. Si quelqu'un veut bien pratiquer la voie aujourd'hui, dans le futur il verra certainement le Bouddha Maitreya et sera guidé par lui. Si nous avons des affinités dans les vies antérieures, nous serons certains de le rencontrer et pratiquons la voie sérieusement pour nous libérer. Si nous voulons exaucer ce vœu, alors nous devons maintenant apprendre à devenir miséricorde, joyeux, patient et savoir pardonner tout comme lui. Si nous ne gardons rien dans nos esprits, alors nous serons calmes et sereins. En plus, le nouvel an va arriver, alors nous devons balayer toute saleté. Les problèmes passés nous les laissons dans le passé, afin que notre esprit soit libre et sereins. Nous faisons tous les préparatifs pour fêter le nouvel an et souhaiter la bienvenue du futur Bouddha Maïtreya, le premier jour de l'année.

Il est toujours joyeux et souriant, cette gaieté représente le symbole du nouvel an. Si on est joyeux tous les jours, alors tous les jours sont les nouvelles années !

Bây giờ báo Phật Pháp Chùa tự in lấy, cho nên đỡ đi phần chi phí in ấn rất đáng kể, do đó sự thỉnh báo Phật Pháp dài hạn đã giảm bớt. Thỉnh báo Phật Pháp dài hạn là góp phần vào sự việc hoàng pháp lợi sinh.

Thỉnh báo Phật pháp dài hạn

Je souhaite recevoir la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :
 Địa Chỉ / Adresse :
 Điện Thoại / Téléphone :

- 1 an 25 € (160 FF)
- 2 ans 50 € (320 FF)
- 3 ans 75 € (480 FF)

Ngân phiếu xin ghi / Remplir le chèque à l'ordre Pagode Kim Quang

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

LE GENTIL PRINCE

Tandis que le nouveau bébé fut encore très jeune, sa mère, la Reine Maya mourût. Peu de temps avant qu'elle mourût, la reine dit à sa sœur : « Bientôt, je ne serai plus capable de prendre soin de mon enfant. Chère sœur, après ma mort, veuillez prendre soin de Siddhârta pour moi. » Sa sœur lui promettait qu'elle le ferait. Elle aimait beaucoup le Petit Prince et l'élevait comme s'il était son propre fils.

Le Prince devint un beau et brillant garçon qui a bon cœur. Son père, le roi préparait tout pour qu'il soit élevé par les meilleurs professeurs dans le royaume et il montra très rapidement son intelligence remarquable. Après quelques premiers jours de classe, les professeurs dirent au roi : « Votre Majesté, le Prince n'a plus besoin de nous. Après seulement quelques leçons, il a appris tout ce que nous devons lui enseigner. En réalité, il nous a appris des choses que nous n'avons jamais sues auparavant ! »

En entendant ceci, la fierté du roi pour son fils devint plus grande. « Avec son intelligence, mon fils deviendra certainement un roi sage et puissant » se dit le roi, et ceci le rendit très heureux.

Chez ce jour prince il y avait quelque chose de plus remarquable que son intelligence. Il avait une très bonne, douce et affectueuse nature. Ses jeunes compagnons avaient l'habitude de se lancer dans des jeux violents, ou se déguisaient en soldats et se battaient les uns les autres. Mais le prince Siddhârta passait tranquillement la plupart de son temps seul. Il aimait les petits animaux qui vivaient dans les jardins du palais et leur venait en aide très souvent. Les animaux savaient que le prince ne leur ferait jamais de mal, alors ils n'avaient jamais peur de lui. Même les animaux sauvages qui se sauveraient si quelqu'un s'approchait d'eux, viendraient à côté du prince quand celui-ci se rendait dans le jardin. Ils s'approchaient de lui sans avoir peur et mangeaient dans sa main la nourriture qu'il apportait toujours avec lui pour eux.

Un jour comme le prince s'asseyait dans le jardin, une troupe de cygnes blancs volaient au-dessus de sa tête. Tout à coup une flèche tirée dans l'air, heurtait l'un d'eux. Il tomba du ciel et atterrit aux pieds du prince, la flèche encore enfoncée dans son aile.

« Oh ! Pauvre cygne. » murmura Siddhârta et il ramassa doucement l'oiseau blessé. « N'aie pas peur. Je prendrai soin de toi. Voyons, laissez-moi retirer la flèche d'une main, il caressa doucement l'oiseau pour calmer sa peur, et de l'autre, il tira lentement la flèche douloureuse. Avec une pommade qu'il avait toujours eue sur lui, il massa légèrement la blessure de l'oiseau tout en lui parlant doucement pour calmer sa peur. Il enleva sa propre chemise en soie et l'enveloppa pour le tenir au chaud.

Un moment après, un jeune garçon vint vers lui en courant. C'était le cousin du prince, Devadatta. Il portait un arc et des flèches et il était très excité. « Siddhârta, Siddhârta », cria-t-il, « grande nouvelle ! J'ai tiré sur un cygne et je l'ai eu du premier coup, vous auriez dû me voir ! Il est tombé quelque part par-là. Aidez-moi à le retrouver. »

Ensuite Devadatta remarqua aux pieds de Siddhârta une de ses flèches encore tachée de sang sur le bout. Puis, en regardant plus près, il vit que le prince tenait quelque chose dans ses bras et se rendit compte que c'était le cygne qu'il cherchait. « Hé ! vous avez pris mon cygne », cria-t-il. « Donnez-le moi. C'est moi qui l'ai tiré, il est à moi ! » Devadatta arracha l'oiseau, mais le prince le tint bon, empêchant son cousin coléreux de le toucher.

« J'ai trouvé cet oiseau par terre ici ensanglanté » dit le prince fermement, « et je n'ai pas du tout l'intention de le donner à qui que ce soit pendant qu'il est encore blessé.

« Mais, c'est mon oiseau ! » Hurla Devadatta à nouveau. « Je l'ai tiré et vous me l'avez volé. Donnez-le moi ou je le prendrai de force.

Les deux garçons se disputaient ainsi pendant un long moment. Devadatta devenit de plus en plus en coléreux, mais Siddhârta refusa toujours de lui donner le cygne. Le prince dit finalement : « Quand deux jeunes hommes ont une querelle comme ceci, ils doivent se présenter devant la cour. Devant un groupe de gens sages, chacun explique son histoire. Alors, les sages décident lequel a raison. Je pense que vous et moi devrions faire la même chose.

Devanagari n'aimait pas beaucoup cette idée, mais puisque c'était le seul moyen pour récupérer le cygne, il accepta. Alors tous les deux rentrèrent au palais et se présentèrent devant le roi et ses ministres. Les gens de la cour souriaient les uns des autres quand ils ont appris ce que les deux enfants voulaient faire. « A vrai dire, ils veulent gaspiller notre temps tout simplement pour un oiseau ! » Dirent-ils. Mais le roi dit : « Siddhârta et Devadatta sont tous les deux des princes royaux et je suis heureux viennent demander notre jugement. Je pense qu'il est très important qu'en tant que futurs gouverneurs, ils doivent appliquer les règles de la cour. Commençons le jugement !

Alors, chacun son tour, les garçons racontaient ce qui s'était passé. Ensuite, les ministres essayaient de décider lequel avait raison et devrait avoir le cygne. Certains disaient : « Devadatta a tué l'oiseau, il devrait donc lui appartenir. » D'autres disaient : « Siddhârta a trouvé le cygne, donc il devrait lui appartenir. » Et pendant un long moment, les ministres parlaient et discutaient sans aboutir à une solution.

Enfin, un homme très vieux apparut dans la cour. Mais personne ne se rappela l'avoir déjà vu auparavant. Puisqu'il avait l'air si sage, alors, les gens lui racontaient l'histoire des garçons et leur cygne. Après avoir entendu ce qu'ils disaient, il déclara : « Tout le monde aime sa vie plus que tout au monde. Donc, je pense que le cygne devrait revenir à la personne qui avait essayé de sauver sa vie, pas à la personne qui avait essayé d'enlever sa vie. Donc, il faut donner le cygne à Siddhârta.

Tout le monde était d'accord sur la décision du sage, ils décidaient de laisser le prince garder le cygne. Plus tard, quand le roi essayait de trouver le vieil homme pour le récompenser pour sa sagesse, mais il ne le trouvait nulle part. « C'est très étrange ! » Pensa le roi. « Je me demande d'où il venait et où il allait. » Mais personne n'en savait rien. C'était juste une des anecdotes extraordinaires qui arrivait au prince, c'est pourquoi les gens pensaient qu'il doit être un enfant exceptionnel, hors du commun ! (à suivre)

Nếu quý vị tụng Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm đến độ tụng thuộc lòng để hoà nhập vào Thần Chú thì tâm của quý vị là Thần Chú và Thần Chú cũng là tâm của quý vị, tức là đắc được tam muội trì Chú và sự đọc tụng trôi chảy như nước cuồn cuộn không ngừng. Nếu hành được như thế thì tệ lắm là trong bảy đời thường được giàu sang như những trùm tư bản đồ có các mỏ dầu ở Mỹ. Quý vị có thể bảo : "Ồ ! Thật là tuyệt vời ! Tôi sẽ học Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm ngay lập tức ! Bảy đời trở thành nhà tỷ phú thì chẳng có sao đâu".

Nếu ích kỷ như thế thì không nên học Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm để làm gì. Bảy đời trôi qua nhanh như chớp mắt. Người thường trì tụng Chú Lăng Nghiêm phải hy vọng đạt được những gì ? Phải hy vọng đạt được quả vị Phật vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chớ quá nhỏ nhoi. Thật ra, những ai thường trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm chính là hoá thân Phật. Không những là hoá thân Phật mà còn là hoá thân Phật ngay trên đánh nhục kế của Ngài, nghĩa là hoá thân Phật ở trong hoá thân. Do đó, chỗ vi diệu của Thần Chú Lăng Nghiêm thật không thể nghĩ bàn. Bất cứ nơi nào có người chân chánh trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm thì nơi đó sẽ có một cây dù trắng lớn che đỉnh đầu của hành giả đó. Nếu công phu thâm sâu, cao tột thì khi vừa khởi niệm tụng Thần Chú thì cây dù trắng lớn đó sẽ hiện ra trong khoảng ngàn dặm che trên đỉnh đầu của quý vị để bảo hộ tránh khỏi thiên tai hoạn nạn. Nếu chỉ có công phu chút ít thôi thì cây dù trắng đó sẽ che trên đỉnh đầu để bảo vệ quý vị. Nếu là vị đại đức cao Tăng thì khi tụng trì Thần Chú này, thì cả quốc gia đều được thanh bình, không gặp những thiên tai. Hoặc nếu không tránh được thì thiên tai hoạn nạn lớn sẽ chuyển thành nhỏ, và thiên tai hoạn nạn nhỏ sẽ không xảy ra.

Dù quốc gia có bị chiến tranh, đói khát, bệnh dịch, hay giặc cướp, tất cả đều sẽ được tránh khỏi. Nếu như viết và dán Thần Chú Lăng Nghiêm ở bốn cửa thành hoặc trên ụ gác, hoặc những đài cao ; giả sử quý vị có thể khiến cho dân chúng kính ngưỡng và mến thích Thần Chú Lăng Nghiêm mà họ cung kính đánh lễ và nhất tâm cúng dường Thần Chú này thế như cúng dường chư Phật ; giả sử có thể khiến cho mọi công dân mang Thần Chú này trong mình hoặc trì giữ trong nhà. Nếu làm được như thế thì tất cả thiên tai hoạn nạn sẽ tan biến. Bất cứ nơi nào có Thần Chú này thì trời rồng đều vui mừng. Cho nên nơi đó sẽ tránh khỏi bão lụt ; mùa màng ngũ cốc đều được phong phú ; dân chúng sẽ sống an lạc thanh bình. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng công đức và diệu dụng của Thần Chú này thật không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng được. Đó là chỗ vi diệu của Thần Chú này.

Nếu phá giới trọng thì không thể kết lại. Tuy nhiên, nếu tụng trì Thần Chú Lăng Nghiêm thì sẽ được thanh tịnh trở lại. Song, khi tôi nói rằng tụng trì, không có nghĩa là tụng qua loa, mà phải đạt được trì Chú tam muội. Thần Chú phải được lưu xuất từ tâm niệm và quy về nơi tâm niệm. Đó là "Thần Chú là tâm và tâm là Thần Chú". Tâm và Thần Chú đều như một thể mà không có sự phân biệt. Dẫu có muốn quên Thần Chú đi, nhưng không thể nào quên được. Đó gọi là không niệm mà niệm hay niệm mà không thấy mình niệm. Nếu dẹp trừ được hết tất cả tạp niệm thì đó là tâm niệm trì tụng Thần Chú Lăng Nghiêm ; tâm niệm hợp nhất với Thần Chú mà không còn vọng niệm thứ hai nào. Bây giờ muôn vật đều đang diễn nói đại thừa : Tiếng gió hiu hiu và dòng nước chảy róc rách đều là tâm Chú của Thần Chú Lăng Nghiêm. Nếu đạt đến cảnh giới đó và dẫu có phạm giới, thì giới thể vẫn được thanh tịnh trở lại ; nghĩa là không cần thọ giới trở lại. Nếu không muốn tu hành tinh tấn hay không muốn nghiên cứu Phật pháp nhưng trì tụng Thần Chú trong một thời gian thì tự nhiên quý vị sẽ phát tâm tu hành tinh tấn ; những ai thiếu trí huệ, tụng trì Thần Chú này thì sẽ khai mở trí huệ. Nếu sự tu hành chưa được thanh tịnh vì huỷ phạm trai giới, nhưng nếu không quên trì tụng Thần Chú này thì sẽ mau chóng được phục hồi. Nếu phạm giới trước lúc trì tụng Thần Chú này thì một khi nhất tâm tụng trì Thần Chú, dù là tội khinh hay trọng đến đâu, bao gồm những tội không thể sám hối như bốn tội Ba La Di, ngũ nghịch, bốn hay tám tội bị đuổi khỏi Tăng đoàn thì sẽ đều được tiêu trừ hoàn toàn mà không còn mảy may tội lỗi nào. Do đó, tôi nói rằng năng lực của Thần Chú Lăng Nghiêm thật không thể nghĩ bàn.

Hoà Thượng Tuyên Hoá